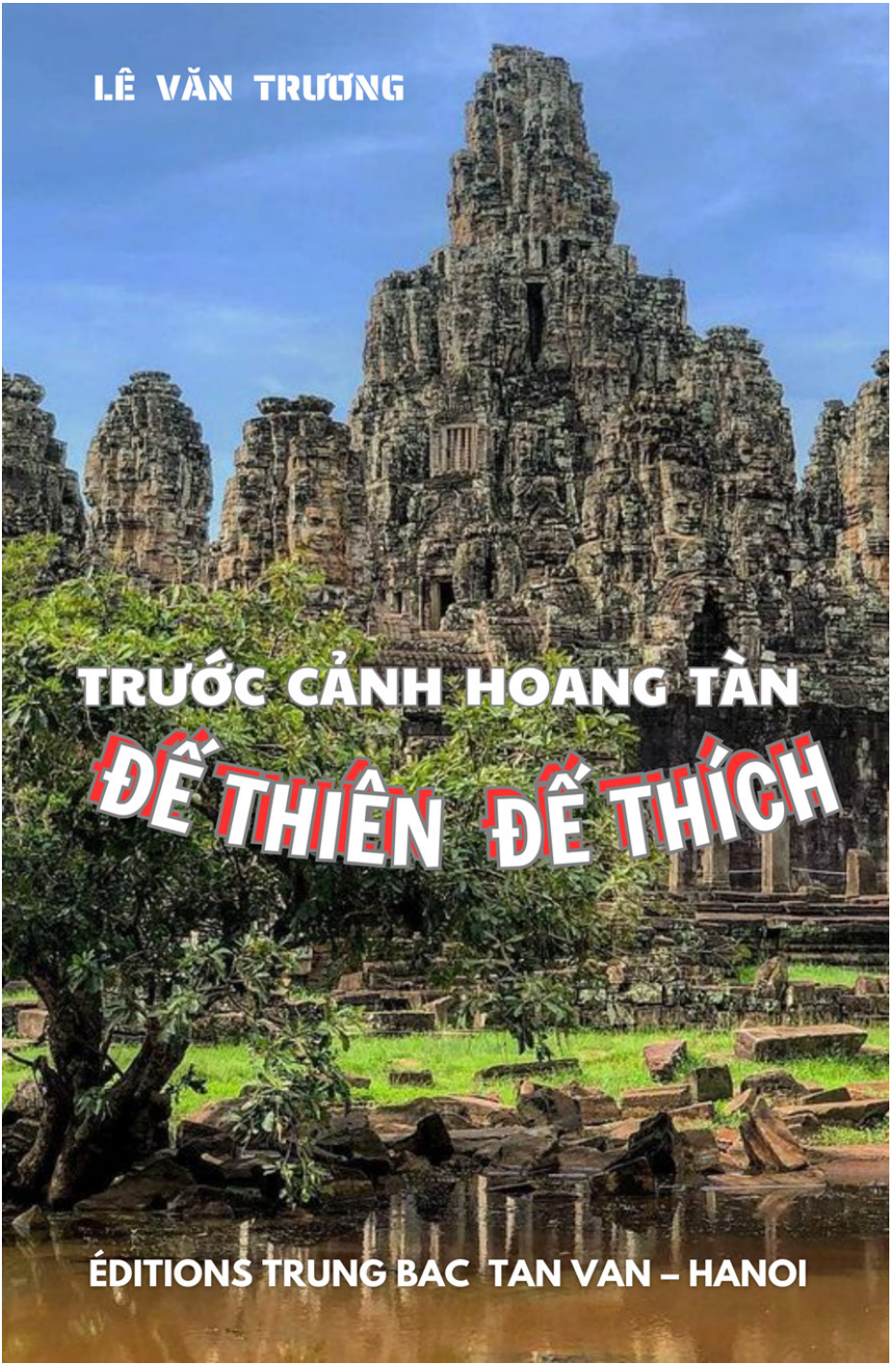




LÊ VĂN TRƯỜNG

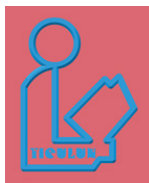
TRƯỚC CẢNH HOANG TÀN

ĐỂ THIÊN ĐỂ THÍCH

ÉDITIONS TRUNG BAC TAN VAN – HANOI

trước cảnh hoang tàn
Đế Thiên Đế Thích

Lê Văn Trương



trước cảnh hoang tàn Đế Thiên Đế Thích

Lê Văn Trương

Bìa: *M. C. P*

Nguồn: *Gallica.bnf.fr*

trước cảnh hoang tàn
Đế Thiên Đế Thích

LÊ VĂN TRƯỜNG

TRUNG BAC TAN VAN
61-63 Rue de Coton, Hanoi
Édition - 1934



Lê Văn Trương
(1906-1964)

MỤC LỤC

1. Trước cảnh hoang tàn Đế Thiên Đế Thích	11
2. Một mụn con	117
3. Chỉ vì điều thuốc Lào	147
4. Cánh tay đứa trẻ	163
5. Con quay	181
6. Hai hào	187
7. Cái xó bếp	201
8. Tham cũ và Tham mới	215
9. Hanoi ban ngày	225
10. Cô gái Cổ Là	249
11. Người bạn biển	288

TRƯỚC CẢNH HOANG TÀN ĐẾ THIÊN ĐẾ THÍCH



Trong phòng xem sách tại khách sạn Angkor-les-Ruines, đèn điện thấp sáng choang, những cánh quạt trần tung ra cái không khí mát mẻ, những cậu bồi mẫn cán quần áo sạch sẽ, cử chỉ lễ phép, đã khiến cho khách du quan đến

trợ ở đây không phải phiền lòng về sự bỏ nhà ra thất nghiệp, được thanh thoi mà xem xét những di tích lâu đài thành quách rải rác khắp chung quanh. Khách sạn này trước kia chỉ có mấy cái nhà gạch đơn sơ nhưng từ khi Chính phủ đặt ra phòng du lịch, nhờ về sự quảng cáo đặc lực mà khách phong lưu giàu có năm châu đến đây vẫn cảnh một ngày một đông: khách sạn đã phải mở rộng ra: phòng ngủ, phòng ăn, phòng xem sách, phòng tiếp khách hàng ngang dãy dọc san sát qui mô rất to tát xếp đặt rất tối tân.

Hồi ấy về tháng sáu đang là vụ mưa nên khách du quan đến đây rất ít, có chăng chỉ một vài viên chức Nhà nước nghỉ phép, một vài nhà đại phú hiệu kỳ cũng đam lo thủy quan, thừa lúc tầu đổ bến Saigon tiện thể lên thăm cổ tích mà thôi.

Trong phòng xem sách khách sạn, tối hôm ấy, chỉ có hơn một chục người vừa Pháp, vừa Nam. ở góc phòng bên trái, một thiếu nữ đang ngồi dựa lưng vào cái ghế xích đu nói chuyện với người hướng đạo (guide). Nàng trạc độ hai ba hai tư tuổi, ăn mặc rất lịch sự, quần cẩm châu trắng, áo cẩm quít màu da gòiri. Đôi bông tai, chiếc vòng ngọc và mấy sợi dây chuyền nam kim cương phản chiếu ánh sáng đèn điện nẩy ra những tia sáng lóe mắt làm cho con người ngồi đó đã xinh lại càng thêm xinh. Một mái tóc cánh phượng đen nháy, một bộ mặt trái xoan nõn nà, một khổ người óng ả, điểm thêm nụ cười tươi tỉnh: đó là cái biểu hiệu cho vẻ đẹp của đàn bà xứ Nam. Nàng chẳng những kiều mị lạ thường, lại nói năng rất hoạt bát, cử chỉ rất lịch thiệp chẳng có vẻ rụt rè, e lệ của người xứ Bắc. Nhưng đừng thấy thế mà đã vội bảo nàng có vẻ

lả lơi tầm thường đâu. Không, nàng có vẻ trang nghiêm, sắc sảo khiến ta trông thấy phải đem lòng kính nể.

Tờ báo *La Tribune indigène* ở trên tay ngọc ngà kia đủ tỏ cho ta biết rằng nàng chẳng phải là người vô học, mà trông cách phục sức, cách đi đứng ta có thể đoán được rằng nàng không phải là kẻ mới ra đời vậy.

Nàng chính tên là Bella Như Nhang, nhưng đám phong lưu công tử đất Saigon lại đặt cho cái huy hiệu “Cô ba Cần Thơ” vì nàng chính quê ở Cần Thơ và lại là con thứ hai¹. Ai có qua con đường Legrand de la Liraye ở Saigon, mà chẳng phải dừng chân lại, nhìn tòa nhà ba tầng nguy nga ở đầu phố. Trong bảy năm giờ lẫn lộn với đời, nàng đã dùng cái sóng khuynh thành kia đập đổ bao nhiêu cơ nghiệp để lấy tiền tậu ngôi nhà lộng lẫy ấy.

1 ở Nam kỳ, con trưởng kêu là hai, con thứ là ba

Trong cái đội tình nhân của nàng (nói cho đúng những người mê nàng) quan sang có, điền chủ có, hiệu chủ có, nàng chẳng hề yêu ai, mà thứ nhất đối với những hạng công tử xác thì dẫu xinh xắn như Phan An, tài tình như Tương Như, nàng cũng chẳng thèm để mắt đến bao giờ. Nàng chỉ coi bọn phú quý kia như những cái máy đúc tiền cho nàng, mà hạng công tử xác kia, nàng chỉ coi như những vật vô dụng vậy thôi. Một cuộc thí nghiệm rất đau đớn về tình ái xưa kia đã làm cho thui cái mầm tình ái nó sắp nảy nở ở trong lòng nàng. Nàng bước chân vào cõi phong tình đã bảy năm giờ nay mà tự thân mình chẳng hề vướng víu, nhưng khách tài hoa đã vướng víu vì nàng chẳng phải là ít. Nàng đã làm nghiêng ngửa bao nhiêu cơ đồ, tan nát bao nhiêu gia đình!!!

Một vài thí dụ trong nghìn việc đã

xảy ra đủ khiến cho ta biết nàng là hạng người thế nào.

Ông điền chủ họ Nguyễn ở Bắc Liêu là một trang thiếu niên rất lanh lợi đã đem một tấm tình si yêu nàng. Ông bỏ vợ đại, con thơ, bán hết điền sản lên ở Saigon cho được gần gũi nàng. Không đầy một năm giời, cái gia tư mấy chục vạn kia đã thành ra luồng khói: tiêu tan trong cuộc đổ bác, cuộc vui chơi cả. Lúc biết ông đã hết tiền, nàng liền cự tuyệt ngay. Ông bèn năn nỉ mà rằng: quá vì yêu em mà ra cái thân thế đường này, nếu em dứt tình cùng qua thì thà rằng qua chết trước mặt em, chứ qua không đành lòng mà xa em đâu. Ông vừa nói, vừa rút súng ra. Nàng thấy thế cứ điềm tĩnh mà bỏ đi. Hai phát súng lục đình tai cũng không làm cho nàng quay đầu lại.

Dư luận ở Saigon đã một phen sôi

nổi. Tuy pháp luật có can thiệp vào nhưng vì chẳng đã chứng cứ nên không kết án nàng được. Từ đấy người ta đặt cho nàng cái biệt hiệu “Con cọp cái”. Tuy biết chắc là “Con cọp cái” nó ăn thịt người đấy mà bọn phong lưu tài tử cũng vẫn tranh nhau lẫn mình vào.

Lại một lần nàng nhận được một bức thư:

Saigon, ngày...

Cô Ba,

Tôi là học trò kiết mà lại muốn ăn ngon, muốn gái đẹp, muốn có tiền tiêu, nhưng tự xét mình chẳng có một cái tài năng gì để làm cho thỏa được những điều sở nguyện, vậy xin mong ở tấm lòng nghĩa hiệp của cô.

Phạm Bích Ng...

Nàng xem xong, viết giấy hẹn ngày, mời lại chơi nhà,

Đúng hẹn, anh chàng vác cái “mặt dày” lại. Sau một bữa tiệc đủ cả rượu ngon, vật lạ, nàng giữ “cu cậu” ngủ lại một đêm. Sáng dậy nàng cho một tấm giấy phiếu ngân hàng mà bảo rằng:

– Từ nay thầy đừng có trở lại đây nữa nhé.

Nàng lại cho gọi hết gia nhân đẩy tờ đến mà dặn rằng:

– Hễ từ nay chúng bay thấy người này lại, cứ việc đuổi cổ ra, không cần phải hỏi han gì. Phải nhớ lấy nghe không...?

Cái bản lĩnh nàng đã như thế thì bọn nam tử trong con mắt nàng chẳng qua là những “bồ nhìn” mà thôi. Mà ngày nay nàng đã trở nên giàu có, chẳng cần phải lợi dụng bọn si tình nữa, thì cái giá trị

của bọn đàn ông đối với nàng, ta chẳng cần phải nói cũng đủ biết là thế nào rồi vậy.

Ngày nay, nàng lại xem chùa Đế Thiên Đế Thích, trong khi nàng biết chắc rằng đương vụ mưa này, ít kẻ đến, cũng là muốn tìm lấy cái thú tịch mịch, để được thư lòng xem xét những dấu vết của một nền văn minh rực rỡ mà nay đã mai một đi, mà có lẽ vì nàng đã chán cảnh ngựa xe huyền náo đất Saigon rồi.

Trong khi nàng đang ngồi nói chuyện với người hướng đạo, thì cái sắc đẹp của nàng đã làm cho bao nhiêu người Pháp ngồi đấy phải ước vọng, mắt nhìn chằm chập mà bàn ra nói vào. Nếu ta để tai nghe thì thấy tiếng xì xào:

– Morceau de roi (Đổ ngự của vua)
– Extra chic (Lịch sự quá) Trop sérieuse (Đứng đắn quá) – Ce n'est pas à vendre,

c'est dommage (Thế mà không đem bán, tiếc nhỉ?)

Những cái nhìn sống sượng ấy, những câu nói vô lễ ấy, chẳng hay nàng có biết không, nhưng xem ra nàng cũng chẳng thèm để ý đến, coi như là bọn họ không có mặt ở trong phòng vậy. Nàng chỉ chăm chú nói chuyện với người hướng đạo để hỏi về lịch sử các di tích mà nàng đã được xem qua. Nhưng nếu ta để tâm xét kỹ thì cuộc hỏi chuyện người hướng đạo khúm núm ở trước mặt nàng chẳng qua là một cái «cớ», chứ nàng vẫn chú ý nhìn một thiếu niên ngồi tí ở đầu phòng, nhưng tiếc thay, thiếu niên cứ cặm cụi xem sách tưởng chừng như không có nàng ngồi đấy. Mà nào anh chàng ta có đẹp để gì cho cam, nhưng nàng sở dĩ nhìn, chẳng phải là nhìn về sự đẹp để của anh chàng.

Thiếu niên người dong dỏng cao, mặt

mũi gân guốc, phỏng độ hai sáu hai bảy tuổi mà nét mặt trông đã già cằn. Trông da chỗ đen, chỗ trắng, ta có thể đoán ngay chẳng phải lúc sinh ra đã thế, có lẽ trong đời dầm mưa dãi nắng nhiều, nên mặt phong trần đã phải nắng sạm mầu nâu vậy. Toàn thể con người, trông chẳng có cái vẻ gì là đặc sắc, đại để có vẻ rần rỏi lạnh lện mà thôi, nhưng ta nhìn kỹ, ta sẽ thấy hai con mắt sáng quắc như sao. Nếu bảo rằng có thể đoán sự thông minh của con người ta bằng hai con mắt, thì thiếu niên chắc là thông minh lắm. Hai lưỡng quyền thật cao nó biểu hiệu cho sự nghị lực, sự can đảm; một cái mồm thật rộng, hai làn môi mỏng dính. Ta trông thấy cặp môi ấy, cái mồm ấy, trên khuôn mặt lạnh lùng ấy, ta tưởng tượng rằng dễ suốt đời thiếu niên, không cười bao giờ, nhưng nếu việc đáng cười mà đã làm cho cười được thì ta sẽ thấy một cái cười cay độc,

chua chát, một cái cười hoài nghi về thể sự, về nhân tình.

Ta đừng thấy thế mà đã vội cho là vô duyên đâu, cái duyên của con người quắc thước là ở chỗ quắc thước. Thiếu niên mặc một bộ áo trắng rất xoàng nhưng toàn thể có thể tỏ cho ta biết được con người lịch sự, con người hành động tuy ngang tàng mà lễ phép, nghiêm nghị mà dễ dàng.

Chàng đến đây đã ba hôm nay, sáng nào cũng đi xem phong cảnh mãi đến bữa cơm tối mới về.

Tuy lúc ra vào, có được gặp Bella Như Nhang luôn, nhưng chàng cũng chẳng hề để ý đến, chẳng qua theo phép lịch sự, khi nào gặp thì hoặc ngả mũ, hoặc cúi đầu chào đó mà thôi.

Về phần Bella Như Nhang tuy là

người đã lịch duyệt thế cổ chẳng còn mong mọi gì về nhân tình nữa, tuy sự từng trải đã đúc cho nàng một quả «tim sành», mỗi đoạn trường đã làm cho nàng lạnh lùng như đá, nhưng dẫu sao, cũng vẫn là đàn bà, mà đã là đàn bà thì không sao thoát khỏi cái khuôn sáo của tạo hóa được, mà thứ nhất đối với một người đàn bà đẹp thì cái luật thiên nhiên kia lại càng chặt chẽ lắm.

Xét tâm lý, người đàn bà đẹp, ai cũng tưởng tượng rằng cái sắc đẹp của mình là trung tâm điểm của vũ trụ, mà mọi sự hành vi của nhân loại cũng chỉ vì cái sắc khuynh thành ấy mà ra cả. Thì như Bella Như Nhang kia, lúc đi sắm đồ ở hãng Charner, lúc đi chơi chợ phiên, lúc đi xem diễn kịch, hàng vạn con mắt bọn nam nhi chẳng đổ dồn vào mình nàng là gì? Những cái lườm, cái nguyệt của bọn chị em chẳng là những cái tang chứng

ghen tỵ vẻ kiều mị của nàng là gì? Mà bao nhiêu lũ «con đen» lia vợ, lia con phá gia, phá nghiệp khuân tiền đến cho nàng tiêu, cũng chẳng là vì một nụ cười của nàng sao?

Bella Như Nhang xưa nay vẫn yên chí như thế, nay bỗng gặp một người, chẳng những không thèm để ý đến cái sắc đẹp của mình, chẳng những không thèm nhìn đến những đồ châu ngọc mình trang sức mà lại hình như không biết mình ở đây nữa, thì thế tất nhiên là nàng phải để tâm đến «anh chàng» chẳng thèm để tâm đến nàng vậy.

Ấy bọn phụ nữ thường hay yêu những người không yêu mình.

Oái oăm thay là ông Tạo vật!

Những trang sắc nước hương trời đã in sâu vào óc cái tư tưởng:

Sắc bất ba đào dị nịch nhân².

Mà nay bỗng gặp một người không chịu say đắm vì mình, lẽ tất nhiên là phải để tâm đến cái «chỗ» không say đắm ấy.

Lúc Bella Như Nhang nhìn thiếu niên thì thiếu niên chỉ nhìn sách. Một lúc lâu chàng đánh diêm hút thuốc lá rồi móc túi lấy ra bức thư mà chàng vừa nhận được lúc ban chiều. Phong thư đóng dấu nhà bưu điện Nam Vang (Phnompenh) của phòng luật sư gửi cho M. Hoàng Cương ở Battambang, rồi sở bưu chính Battambang lại gửi theo đi (réexpédié) tới Angkor-les-Ruines.

Phnompenh ngày 2 tháng 8 – 1930

Thưa ngài.

Theo như ý muốn của ngài, tôi đã cho mời các chủ nợ đến điều đình, họ đều

2 Sắc không sóng gió mà làm chìm đắm được người

không bằng lòng cho giả dân mà gay go nhất là nhà Đông Pháp ngân hàng. Họ đã đầu đơn ra tòa án xin phát mại sản nghiệp của ngài.

Cứ theo giá trước kia thì cái đồn điền 600 mẫu tây đất ấy cùng các đồ nông khí có thể bán được tới hơn 60.000\$00. Nhưng nhất đán đem phát mại trong lúc đồng tiền đang khan này thì vị tất đã có kẻ dám mua tới 20.000\$00. Mà để như thế thì sợ tiếng tăm, có điều trở ngại cho sự doanh nghiệp của ngài sau này. Vậy tôi đã hết sức điều đình với ông Mahomed Chettyar, ông ấy đã thuận mua tới 25.000\$00. Trừ 4.000\$00 tiền nợ, ông ấy còn phải trả lại ngài 21.000\$00. Số tiền ấy chỉ đủ trang trải các món nợ khác và tiền bút giấy mà thôi. Tôi lấy bốn phen là người biện hộ và cái danh dự là bạn của ngài trong sáu năm giờ nay mà khuyên ngài bằng lòng đi, vì làm như thế thì ngài sẽ toàn danh

dự mà danh dự trong sạch vị tất đã không phải là cái lợi khí cần dùng nhất cho cuộc tương lai sau này. Định kiến ngài thế nào xin cho biết ngay.

Một người bạn rất trung thành của ngài:

Maitre Tromeur

Cái thư “ghê gớm” ấy, Hoàng Cương xem đi đọc lại chẳng đổi sắc, trên cái vẻ mặt nghiêm nghị rắn rỏi như tạc vào đá kia, ta không thấy một cái triệu chứng gì nó biểu lộ cho ta biết được rằng con người mà cái thân thể, cái sự nghiệp có can thiệp với bức thư kia đã vì những nỗi éo le ấy mà cảm động. Đối với những người gan góc ấy thì sự khó khăn, đau đớn vị tất đã làm cho núng chí được mà đến ngay sự phú quý vinh hoa vị tất đã làm cho động lòng được.

Ở trong cái đời nhục thể này, đã bao kẻ, hễ hơi có một sự gì buồn – vị tất đã đáng buồn – thì mặt nhăn mày nhó, mà hơi có một sự gì vui – vị tất đã đáng vui – thì hí ha hí hửng. Những kẻ đó đều là thiếu can đảm thiếu nghị lực cả. Cuộc đời đã là một cuộc phấn đấu mà cái công lệ thiên nhiên đã phải tiến lên mãi thì cơ tồn vong, sự thành bại chẳng qua là những bài học của Hóa Công, hà có gì mà phải quan tâm; cuộc đời đã là một trường huyết chiến thì dầu khóc than cũng chẳng ích gì, âu là ta cứ gia công rèn luyện cái bản ngã của ta cho ngày một cứng cáp, nên chẳng thì ta biết với ta, thế chẳng cũng là quá đầy đủ rồi sao?

Hoàng Cương vừa nhìn bức thư vừa ngẫm nghĩ... Cái cảnh tượng tan tành ngày nay đã bắt ký ức của chàng phải quay đầu lại.

Chàng hồi tưởng lại xưa kia, chàng chỉ đem một bầu nhiệt huyết, một tấm lòng kiên nhẫn rời bỏ quê cha đất tổ là xứ Bắc Kỳ tốt tươi kia mà vào xứ Cao Mên nóng nực này. Nếu nhất đán có phải giờ về chốn cũ thì cũng vẫn một bầu nhiệt huyết ấy, một tấm lòng kiên nhẫn ấy, nào có thiệt gì đâu, chẳng qua tay trắng mà đi thì lại tay trắng mà về. Chàng ngẫm nghĩ đến đây xoa tay rồi vung cười xòa.

Tiếng cười chua chát, cay độc, tiếng cười lạnh gáy, ghê mình khiến cho Bella Như Nhang nghe tiếng mà phải giật mình, tờ báo đương cầm ở tay bỗng rời ra: những khách xem sách ở trong phòng đều phải sững sốt quay đầu nhìn chàng. Tiếng cười kia có khác chi lưỡi dao cực sắc nó đã đâm toang cái màn yên tĩnh che phủ phòng xem sách nhà khách sạn Angkor les Ruines lúc bấy giờ.

Hoàng Cương biết mình sơ ý bèn bỏ chỗ ngồi đứng dậy ra hiên.

Đêm ấy là đêm rằm.

Trên vòm trời trắng toát, gương nga đưa đẩy, tỏa xuống dưới trần muôn nghìn đạo hào quang, khi mờ khi tỏ, bao phủ những đỉnh lâu đài cao chót vót, rải rác khắp chốn danh lam thắng tích này. Cây si cổ thụ mấy người ôm ở đằng trước khách sạn kia (mà có lẽ cũng là ở trước chùa Angkorwat nữa vì chùa với khách sạn đối diện nhau) nó rườm rà, tha thướt, lù lù như một bức Vạn lý tràng thành đắp ngược chặn lấp phía trời Tây không cho chàng thấy các đỉnh lâu đài điện Angkorthom và các đỉnh chùa tản mát ở phía ấy.

Không biết vì lẽ gì nhà Viễn Đông Bác Cổ chủ trương trông coi những di tích Đế Thiên Đế Thích (Ruines d'Angkor)

lại cấm không cho khách sạn làm nhà gác. Giả thử có một nhà lầu cao ngất thì ta đứng lên đây, tầm con mắt có thể bao quát được hết cái đại cương của các đồng đá đổ nát mà người ta gọi là những kiến trúc vĩ đại của nền văn minh ấn Độ kia. Các di tích ấy rải rác khắp trong một khu vực hơn mười cây số vuông.

Tiếng các kè kêu ở các kẽ học (có thể gọi xứ Cao Môn là xứ các kè được vì đi đến đâu cũng chỉ nghe tiếng các kè) hòa lẫn với tiếng cây reo, họa nên những khúc nhạc rất khắc khoải, rất thê thảm riêng cho xứ Cao Môn.

Bóng giăng vàng vạc chiếu xuống, một cảnh bí mật êm đềm như giục lòng khách...

Hoàng Cương lần theo bóng giăng, vừa đi vừa ngắm cảnh...

Suốt một góc trời Tây, lơ nhố những đỉnh lâu đài cao vòi vọi, đột khởi ở trong đám rừng cây cối đen xì...

Cái trạng thái ấy đã gây cho vùng Đệ Thiên Đế Thích một cảnh tượng hùng vĩ lạ thường.

Nếu ta muốn tưởng tượng cái hùng vĩ của nó thì tất cả nhà cửa thành phố Hanoi đem dỡ ra, chất thành một đồng gạch, mới gọi phác ra được đôi ba phần. Nhưng cách kiến trúc kia còn có vẻ mỹ thuật, lộng lẫy biết là bao, mà những di tích ấy lại chen chúc vào trong những rừng cây bát ngát thì còn có vẻ mỹ quan hơn nhiều.

Hoàng Cương noi theo một con đường thật rộng, lát toàn những tấm đá to bằng cái mặt bàn, qua mấy dãy hành lang, trèo mấy lần thêm đá, mới lên đến chỗ chính điện cao nhất chùa Angkorwat.

Chùa này làm toàn bằng đá, nóc đá, vách đá, cột đá, chạm trổ rất cầu kỳ. Hoàng Cương đứng ở đây nhìn khách sạn Angkor les Ruines thấp lẹt đẹt nhỏ tí tẹo, đối với chùa này chỉ như một chiếc thuyền nan đứng cạnh một chiếc tàu bể to lớn vậy. Nhưng trong nhà khách sạn đèn thấp sáng choang, nó biểu hiệu cho sinh hoạt mà chùa này thì bốn bề tường đá im lặng như tờ, nó bảo cho khách biết rằng: cái di tích hùng vĩ này chỉ còn là một nơi hoang phế mặc cho gió dập mưa vùi. Bóng nga phản chiếu, bao la sắc đá trắng nhạt một màu, trong cái cảnh hùng vĩ lạnh lùng ấy như hiện ra một vẻ thê lương thảm đạm khiến cho lòng khách giang hồ phải ngậm ngùi về nỗi “sao dời, vật đổi” luống lại ngao ngán cho thân thể nổi chìm.

Này Angkorwat, nọ Angkorthom cùng bao nhiêu lâu đài, bao nhiêu chùa,

miếu xưa kia lộng lẫy, nguy nga biết là bao mà nay chỉ còn là những đồng đá xanh ngổn ngang chồng chất!

Đế Thiên Đế Thích xưa kia cổ nhân đã tốn bao công phu, trải bao thế kỷ mới xây đắp nên người, nay người chỉ còn là một vật kỳ quan bí mật nó kêu gọi tấm lòng tò mò của khách năm châu.

Song những du tử đến đây, chẳng biết có hiểu thấu cho rằng mỗi một hòn đá này là một mạng người, mỗi một giọt nước ở hồ kia là một giọt máu đào không???

Chẳng biết khách có biết cho rằng chốn này xưa cũng là một đế đô phồn thịnh của một dân tộc, chốn này xưa kia đã nung đúc nên biết bao nhiêu bậc anh hùng cái thế làm vẻ vang cho giống cho nòi, chốn này xưa kia đã trải qua một

thời kỳ khói hương sầm uất, ngày nay chỉ còn lạnh ngắt như tờ không?

Bao nhiêu thảm trạng tranh quyền cướp nước, bao nhiêu “ân ái éo le” đã làm cho chìm đắm biết bao nhiêu trượng phu hào kiệt, thực nữ thuyền quyền, mà ngày nay... ngày nay thì dẫu đến năm xương tàn ta cũng không còn trông thấy nữa!!!

Đế Thiên, Đế Thích, người là một nguồn học vô tận cho nhà khảo cổ, một mối tiêu sâu thú vị cho khách năm châu, nhưng đối với ta, người chỉ là cái tang chứng hiển nhiên của cuộc đời dâu bể, người chỉ là một mối nảo nùng ai oán cho cảnh phù du.

Hoàng Cương nghĩ đến đây muốn hét lên một tiếng: «Ai ngờ»? Ai ngờ đâu những công trình lao khổ của mấy mươi triệu con người trong bao nhiêu thế kỷ, những chí khí vĩ đại oanh liệt của bao

nhiều bậc anh hùng, ngày nay chỉ còn là một đồng đá rêu!!!

“Hữu hình tất hữu hoại”, ngán thay! Cái thời gian vô tình kia đã xây đắp nên thì cái thời gian cay nghiệt kia lại đập đổ đi, thế thì đời người thấm thoát, trăm năm nào có ra gì!!!

Ôi! Gương kim cổ rành rành ra đó, khách phù du sao cho khỏi ngậm ngùi!

Hoàng Cương hồi tưởng lại xưa kia lúc còn măng sữa, cha yêu mẹ quý, sung sướng biết là bao, nhưng chẳng may thông huyền sớm vội lánh trần, tấm thân “tâm gửi” nhờ người, đã phải chịu bao nhiêu chiều cay đắng. Gặp đến lúc, thân đã lớn, trí đã thành, những tưởng đem một bầu nhiệt khí chống chọi với ông xanh già để chiếm lấy một ghế ngồi trong vũ trụ, cái chí nguyện bình sinh tưởng chừng như vượt qua muôn trùng sóng gió, giầy đạp

chông gai mà bước lên, chứ có ngờ đâu đến cái quang cảnh ngày nay!

Chàng lại hồi tưởng khi mười tám tuổi đầu, là phần mộ, là quê hương mà đến xứ này; nào khi doanh nghiệp bốn ba, cái thân thế tang bồng nay đây mai đó, khi Vọng Các (Bangkok), khi Saigon; nào lúc trèo đèo lặn suối, mặt phong trần đã bao phen giải gió dầm mưa, nay núi Đâu³, mai Biển Hồ. Dẫu cực khổ mà chí chẳng chùn, gian nan mà lòng chẳng đổi, bao nhiêu năm gòai thân cò lặn lội, mới gây được một cái cơ nghiệp cón con, ngày nay bỗng bị ngọn trào “kinh tế” nó cuốn hút ra tận bể khơi, tan tành man mác còn có gì đâu!

3 Núi đậu (monts de Cardamones, Siam) sản ra nhiều đậu khấu Biển hồ (lac Tonlesap, Cambodge) sản ra rất nhiều cá. Người ta thường mua đậu khấu đem bán sang Cao-mên, và cả khô đem bán sang Siam.

Chàng càng ngẫm nghĩ lại càng chán nản cho đời, ái ngại cho thân, nhưng trông thấy những đồng đá lù lù trước mặt, nó như nhắc nhở lại cuộc tang thương, nó như vẽ mím cười chế nhạo mà bảo rằng:

“– Sao anh không trông tôi đây?”

Phải, bể dâu dù biến đổi, đá kia vẫn đứng trơ trơ:

Gan lì, già sọc có non gì mà sợ cóc chi ai.

Chàng bùi ngùi cho cảnh vật, xót xa cho thân thể, luống lại chạnh niềm nhớ tới người xưa. ừ mà, tướng quân Marius khi xưa đã bao phen đập xương tẩm máu, xông pha trong bãi chiến trường, lập nên những đại kỳ công làm vẻ vang cho xứ La Mã⁴ (Rome). Đã bao phen nắm cái uy

4 Marius Tướng-quân khi xưa có công đánh đuổi rợ Teutons

quyền "trấn quốc" ở trong tay, thế mà khi tám mươi tuổi, tóc đã bạc, lưng đã còng, chân đã mỏi còn phải lênh đênh cơ khổ lẫn lút xứ người. Tuy vậy mà chí chẳng chùn, gan chẳng núng, sau lại khôi phục được cơ đồ nghiêng ngửa. Cổ nhân thì mãnh liệt hùng dũng như kia, sao mình lại yếu đuối hèn nhát thế này. Nghĩ đến đây, Hoàng Cương đã thấy phẫn khởi trong lòng, dận mạnh gót chân xuống đá mà nói to lên rằng:

– Cho người về bảo chủ người: có thấy Marius Tướng quân ngồi trên di tích đổ nát thành Carthage⁵.

và rợ Cimbres mấy lần sang xâm chiếm đất La-mà. Tướng-quân ba lần làm độc tài (dictateur) ba lần làm tổng thống (Consul). Lúc đã ngoại 80 tuổi, vì tranh quyền với Sylla Tướng-quân mà phải vượt bể địa trung (Méditerranée) trốn sang thành Carthage Afrique) là xứ ở Annibal. Sau thường-quân đem quân về thành La-mà khôi phục lại được cái địa vị hiển hách khi trước.

5 Lúc Marius Tướng quân trốn sang Carthage, tuy có sắc lệnh của Sylla Tướng quân cho truy tầm để giết đi, nhưng quan Toàn quyền người La Mã, cai trị thuộc địa Carthage (Annibal

Chàng nói vừa dứt lời thì nghe có tiếng người hỏi:

– Thầy Hai nói chi mà coi bộ giận dữ vậy?

Rồi một cái bóng xanh xanh, trắng trắng, thướt tha, phảng phất như một cái hồn ma mới chui ở dưới đá lên, mà hiện ra trước mặt. Hoàng Cương định thần nhìn kỹ thì là Bella Như Nhang. Chàng đương bàng hoàng chưa kịp giả lời thì nàng lại hỏi:

– Có phải thầy Hai đến thăm Đế Thiên Đế Thích này cũng có một mối cảm tưởng như Marius Tướng quân, hồi trốn tránh đến thành Carthage không?

đã chết, thành Carthage đã phải người La mà diệt, lấy làm thuộc địa) nghĩ thương tình bèn sai thị vệ ra đuổi Tướng quân đi và nói nếu không trốn sang xứ khác thì buộc lòng phải bắt giải về xứ La Mã. Tướng quân xót thân chìm nổi mà phát lộ ra câu nói ấy.

– Thưa cô, tôi đâu dám ví mình với cổ nhân.

– Cổ nhân thì cũng là mình chứ ai, cũng gan ấy, cũng óc ấy, cũng cùng phải chịu một cái cảnh tình ấy, thì cũng cùng phải đeo một mối cảm hoài ấy, có khác gì đâu. Phải, Marius Tướng quân xưa kia, tử cái thân thể mình khi oanh liệt cũng như thành Carthage lúc cường thịnh, mà lúc thân thể gian nan, cũng như thành Carthage khi đổ nát. Tướng quân cảm cảnh chạnh lòng mà phát lộ ra nhờ ấy. Nhưng sau khi Marius Tướng quân lại hiển hách trở về thành La Mã chẳng biết còn có nghĩ gì thương đến thành Carthage đổ nát kia không?

– Thưa cô, người là người, vật là vật, sức người há chống chọi được với búa giời ru? Thành Carthage kia cùng chùa Đế Thiên Đế Thích này há chẳng là phải

chịu chung cái công lệ thiên nhiên mà đào thải theo thời gian sao? Cơ trời đã dĩ nhiên như thế, thì ta dù có thương xót chẳng qua cũng là thương xót cho cái thân thể phù du, chứ đã tắm bụi trần ở trên mặt đất, há canh cái được những quy tắc thần bí của Hóa công sao?

Nguyên Bella Như Nhang từ khi Hoàng Cương bỏ phòng sách ra ngoài hiên, nàng tò mò muốn biết con người kỳ lạ ấy bèn theo ra định bụng lân la làm quen hỏi chuyện. Nhưng khi ra đến nơi, đã không thấy chàng đâu. Nàng vừa muốn quay về phòng ngủ thì vùng giăng sán lạn, cảnh vật thanh u như gợi ra trong lòng nàng một mối cảm hoài vô hạn, nàng bèn lần theo bóng giăng mà đi... cũng ngẫu nhiên mà vào Angkorwat, cũng ngẫu nhiên mà được nghe câu nói, song nàng đã định bụng im đi, nhưng không biết một cái sức mạnh thần bí gì

nó buộc nàng phải hỏi.

Hai người vừa đi vừa nói chuyện, phút chốc đã ra khỏi mấy lần cung điện.

Gió thổi... những lá cây dừa cao chót vót ngất ngêu ở trước sân chạm nhau kêu sột soạt; những tiếng đế cùng những tiếng của bao nhiêu con vật vô hình nó ẩn nấp ở dưới đất pha lẫn với nhau mà nổi lên một thứ âm hưởng bi ai thảm khốc như tiếng khóc than rên rĩ của hồn ma, bóng quỷ phảng phất ở đâu đây. Những bông hoa rừng chen chúc ở trong kẽ đá xông ra mùi hương ngào ngạt. Mùi đá, mùi rêu, mùi đất, mùi cây hòa lẫn với nhau tỏa ra bầu giời một thứ hương lạ lùng “khác tục”; luồng gió mát mẻ thơm tho như cuốn cuộn hai người vào một cõi bồng lai tĩnh mịch; gương nga chênh chếch như bao bọc hai người vào trong vòng hào quang ấm áp...

Cái vẻ mặt mà khả ái của cảnh vật như giờ chỉ dành phần riêng cho khách giang hồ du tử.

Bước xuống đến thêm, Bella Như Nhan lại hỏi:

– Thầy Hai ôi, đã biết đạo giờ là như thế mà sao người ta vẫn cứ thi nhau sáng tạo, xây đắp nên những “cái” mà đã biết chắc sau này sẽ phải tan tành, mà đã biết thế sao còn lăn lóc sống chết vì danh lợi là những cái “hư vô” nhỉ?

– Người ta lúc mới sinh ra đã biết chắc rồi sẽ phải chết, sao mà vẫn phải sống, mà cho dầu đến phút cuối cùng vẫn chứa chan những hy vọng về sự sống. Giả dụ ông Hóa công khất khe kia, lúc sinh ra người, lại in ngay cái “tử kỳ” vào mặt thì cõi đất sẽ không phải là cõi đất ngày nay nữa. Thế giới ngày nay sở dĩ là thế giới ngày nay là vì con người ta, ai cũng

có một “vũ trụ hi vọng” ở trong lòng. Đã đeo nặng cái hi vọng ấy, lẽ tất nhiên là phải lo hành động cho đạt những điều sở nguyện. Chẳng qua phép giới là phải “động” luôn. Kìa, cố trông cái tinh tú trên giới, có lúc nào ngừng không? Nếu ngừng lại thì cái thế giới này sẽ phải diệt vong vậy. Tuy rằng «động» luôn như thế mà vẫn phải theo một cái khuôn phép, nghìn muôn năm cũng thế mà thôi. Ví dụ nếu các tinh tú mà “động” ra ngoài khuôn phép, thì vị nọ thế tất nhiên sẽ đụng phải vị kia, mà đụng nhau thì... Nói đến đây, hai người nhìn nhau cả cười.

Giương nga vẫn vằng vặc sáng tỏ một góc giới...

Bella Như Nhang lại nói:

– Nghe thầy nói, như được nghe những nhời bàn xác đáng của một nhà triết lý. Còn tôi thì vừa ngu, lại vừa ít

học, thành thử tuy là có óc mà cũng như không.

– Cô đã đọc qua sách của Plutarque tiên sinh thì sao gọi là ít học được. Cô đọc đến “Đời Marius Tướng quân” (vie de Marius) mà có còn nhớ câu châm ngôn kia, chắc là lúc đọc đến đoạn ấy, cô cũng xúc cảm mà để tâm suy xét, đã thế sao gọi là ngu được?

– Thầy Hai, cứ nói tốt cho tôi làm gì? Chẳng qua đọc thì nhớ lõm bõm đó mà thôi, chẳng qua như nước mặt hồ kia, bóng giăng chiếu xuống thấy mình sáng thì biết rằng mình sáng đấy thôi, chứ nào có biết tại làm sao mà mình sáng đâu?

Nàng vừa nói vừa chỉ tay xuống mặt hồ...

Một làn nước bạc trắng phau, phẳng lờ như một tấm thảm. Lâu lâu, một

luồng gió thoảng qua làm cho mặt nước lăn tăn biến hóa ra muôn nghìn con rắn trắng đuổi nhau trên mặt sóng... Dưới đáy nước, một vùng giăng trắng xóa như một cái đĩa bạc...

Nhìn bức tranh tuyệt xảo của Hóa công; đứng trước một cảnh tượng nên thơ của Tạo vật, chạm trán với một vấn đề huyền bí của vũ trụ, hai người bỗng xúc cảm mà đem lòng nghĩ ngợi...

Trầm ngâm một lát lâu, Bella Như Nhang mới hỏi chàng:

– Tại sao giới lại sinh ra mặt giăng nhĩ? ừ thì giới sinh ra mặt giới đã đành rằng để cho người ta được sáng sủa làm lụng để nuôi sống, cho cây cỏ hấp thu lấy khí ẩm áp mà sinh chồi nảy lộc. ừ thì giới sinh ra ban đêm để nghỉ ngơi, để di dưỡng lấy sức khỏe, lấy tinh thần. Nhưng đã ngủ thì thôi chứ. Có chi giới

lại sinh ra giăng rằm nhỉ? Sao lại sinh ra cái hiện tượng nửa tỏ, nửa mờ thế; mà sao những cảnh tượng đêm giăng lại êm đềm, đẹp dễ thế này?

Hoàng Cường nghe nàng nói mà bàng hoàng, không ngờ một người con gái lại có cái kỳ tưởng suy xét đến thế, đeo một mối cảm tình nồng nàn đến thế. Câu hỏi khó giả nhời thay! Chàng tự xét cũng không biết Hóa công đã sinh ra đêm giăng để làm gì?

Hai người vừa đi vừa ngẫm nghĩ, nặng trĩu một tấm lòng thơ, thì vừa lúc ấy, ở trên con đường đá trắng xóa kia, hai vợ chồng người quản lý nhà khách sạn đang dắt nhau vừa đi vừa cười về phía cổng chùa, hình như ông Hóa công sai đem câu giả nhời có sinh hoạt đến cho hai người, hình như ông Hóa công muốn đem gói ghém cặp vợ chồng kia

vào trong tấm màn “băng” để cho cái khí vị nồng nàn, ấm áp của ái tình nó khỏi tan đi vậy.

Bella Như Nhang trông thấy thế, nhìn Hoàng Cương mà sửng sốt, mà bối rối nhưng chàng vẫn bình tĩnh như thường. Hai người lững thững giở về, khi chàng từ giả nàng để về phòng ngủ, nàng còn dặn với:

– Tôi nghe nói thầy ở Cao Môn lâu năm, thầy lên đây vẫn cảnh luôn, thông thuộc vùng này lắm, vậy sớm mai thầy làm ơn đưa tôi đi xem và giảng cho tôi nghe nhé.

Bella Như Nhang về buồn trằn trọc không sao ngủ được, những cảm tưởng hồi vừa qua bắt thần trí nàng phải suy nghĩ...

Nàng nghĩ đến biết bao kẻ nam nhi

xưa kia chỉ một cái liếc mắt, một cái mỉm cười của nàng cũng đủ làm cho bó tay chịu trói mà sao cái anh chàng gặp gỡ này lại gan lỳ thế được? Nàng lại nghĩ đến những di tích nàng đã xem qua, xưa kia, lộng lẫy biết bao, mà nay chỉ còn là một đồng đá. Thế thì cuộc phú quý vinh hoa ở trên đời này phỏng có ra gì! Nàng lại nghĩ bấy lâu nay nàng nằm trên đồng tiền, nàng đã được hưởng những lạc thú gì? Một vành lược bạc, gãy tan nhíp gỗ, một mảnh hồng quần hoen ố rượu rơi, thì dẫn mình vào cõi yên hoa chẳng qua là: «Gặp thời thế thế thì phải thế» chứ đồng bạc trắng kia nào đã đem lại cho khách má đào được một chút «chân lạc thú» nào đâu! Nghĩ đến đây, nàng thấy trong mình lạnh lùng, trống trải hình như thiếu thốn một “thứ” gì. Các nhà tiểu thuyết thường nói: “ân ái là nguồn lạc thú mà chốn gia đình là cõi tiểu thần

tiên”. Nhưng nhìn quanh mình thì thấy trái hẳn. Biết bao nhiêu bạn gái đã phải chịu trăm chiều cay đắng về nỗi chồng con. Nàng đã biết thế mà chính thân mình khi đào còn tơ, liễu còn yếu cũng đã qua cầu ấy, nên từ bấy đến nay, nàng vẫn giữ mình, chẳng để cho vương váu. Còn như nói ân ái là nguồn lạc thú thì đấy, những kẻ bấy lâu nay lăn lóc sống chết vì nàng chẳng là cái gương phản trái lại ư ? Nào đã thấy ai tìm được một chút hạnh phúc gì đâu? Hay chỉ mua lấy cái vạ: nghiệp đổ nhà tan. Nàng ngẫm nghĩ đến đây rồi lại tự hỏi: nhưng ngoài chốn gia đình, ngoài sự ân ái ra thì trong đời người đàn bà còn có việc gì đáng để tâm nữa không? Nghĩ đến đấy, nàng sững sốt, bàng hoàng toát mồ hôi...

Ngoài những “cái” ấy ra thì đều là “hư vô”, đều là mộng, đều là “không không” cả. Thế ra từ bấy đến nay nàng đã

lăn lóc về những cái “hư vô”, nên sắc có mà hình không! Nàng lại thấy một tiếng gọi ở trong bể lòng nó đột khởi lên, rồi muôn vật hình như bảo nàng phải “yêu” để sống, phải “yêu” để cầu lấy chân lý sự sống, rồi nàng thấy một cái buồn rầu vô hạn (infini tristesse) nó bao la ở trong cái lạc thú vô hạn (infini bonheur) hiển hiện ra bởi cái ái tình vô hạn (infini amour)...

Ngọn đèn điện le lói... Nàng nhìn xuống chiếc nhẫn kim cương, chiếc vòng kim cương lóng lánh như sao mà nàng buồn, mà nàng giận, mà nàng mắng:

“Cái ánh sáng khốn nạn của bay đã làm cho ta lóa mắt mà đi sai đường lạc lối, bay có biết không?”

Rồi nàng nhìn qua cửa sổ, những đỉnh chùa Angkorwat như chỉ rõ cho nàng biết cái “hư vô” của nhục thể, rồi nàng nghĩ: ừ, đã đành rằng ngoài nguồn

tình ái, thì ở đời “sắc, uởng” đều không cả, ừ đã đành rằng bể tình là bể khổ mà ta vẫn phải dẫn mình vào mới tìm thấy sự lạc thú, nhưng ta biết yêu ai bây giờ? Ta tìm đâu cho thấy một người đáng yêu để... Nghĩ đến đây thì hình ảnh của Hoàng Cương như hiển hiện ra ở trong thần trí nàng; một nguồn sinh hoạt mới mẻ thơm tho như theo cái hình ảnh kia đến mà nhập vào thân thể nàng vậy. Rồi, nàng phải tự nhận rằng nàng đã yêu Hoàng Cương, nàng yêu thực, nàng yêu lắm. Có lẽ nàng đã bị “một tiếng sét của ái tình” nó đánh phải, nhưng một tiếng sét mới êm đềm thú vị làm sao!

Trong một đời người, mà chưa có một tiếng sét ấy, chưa đủ gọi là một đời người vậy.

Ái tình! ái tình! Nó có phép thần thông rất quảng đại, thuật biến hóa rất

nhiệm mầu. Nó làm cho kẻ đại nên khôn, kẻ ngu nên trí, nó khiến cho kẻ đại gian đại ác thành ra đại nhân đại nghĩa. Nó bắt ta phải lo sợ, buồn rầu, nhưng lo mà vẫn vui, buồn mà vẫn thú.

Nó tức là ngọn thần đăng soi sáng cho ta trong bước đường đời tối tăm này vậy.

Bella Như Nhang nghĩ đến Hoàng Cương thì nàng thấy nàng “sống” một cảnh đời mà xưa nay nàng chưa từng «sống», nàng thấy một cái ánh sáng hi vọng nó đột khởi lên. Nhưng nàng lại lo:

“Không biết cái anh chàng mặt sắt lạnh lùng kia có lòng yêu đến ta chẳng? Không biết...?”

Nàng ôn lại trong trí nàng những cách cử chỉ của Hoàng Cương mà nàng phải áy náy. Nhưng áy náy cũng là áy náy

vậy thôi, chứ nó cũng không sao làm cho bế tắc được nguồn lạc thú bông bột ở trong lòng nàng lúc bấy giờ.

Nàng trông bó hoa hồng đang phô thắm ở trên mặt bàn như có vẻ ghen tị sự sung sướng của nàng, nhưng quay lưng lại nhìn đến chiếc giường lò xo rộng rãi, chiếc gối trơ trọi lại ra chiều mai mỉa.

Rồi, không biết... không biết tại làm sao nàng bỗng bùng mắt khóc.

Từ xưa đến nay, bao kẻ chết vì nàng, nàng không khóc, bao kẻ điêu đứng vì nàng, nàng không khóc, ngày nay nàng đi khóc một cái vô hình... Mà con người đá ấy đã phải khóc, ắt sự chẳng vừa. Nàng nghĩ đến tấm thân ngọc ngà đem ra làm môi thơm cho ong bướm, làm cái cạm để bẫy tiền mà nàng tự mình lại «ghê tởm» cho cái thân mình. Ôi! Ví dụ Hoàng Cương yêu ta thì ta chỉ đem hiến

cho người yêu một tấm thân hoa tàn nhị rữa này, thì nhục nhằn biết là bao! Nhưng trái tim nóng nó đập thành thịch ở trong ngực nàng hình như nhắc nhở cho nàng biết: ta đây mới là vật đáng kể, còn những bộ phận khác đều là những cái bỏ đi. Ta đây thì dầu bể dầu biến đổi cũng vẫn trơ như đá, vững như đồng, chứ những «cái» kia có chống chọi được với thời gian cay nghiệt đâu. Nghĩ đến đây nàng lại tự nhủ nàng:

– Biết đâu Hoàng Cương chẳng cũng nghĩ như thế.

Sáng mai, nàng dậy thật sớm, ra công trang điểm cho thiệt đẹp. Nàng đã đẹp lại muốn đẹp thêm, đẹp nữa, để cho ai phải để ý đến. Trong cái rương áo của nàng thôi có thiếu gì mà nàng chọn mãi chẳng được cái nào vừa ý, sau mãi nàng mới mặc tạm cái áo nhiễu trắng.

Nàng nhìn vào gương đứng thấy hiển hiện ra một cô thiếu nữ lộng lẫy như ngọc, trắng trẻo như ngà mà nàng tự nghĩ: “Nếu về đất Saigon ta chỉ hô lên một tiếng, còn biết bao nhiêu kẻ sẵn lòng chết vì ta, nhưng chẳng biết cái anh chàng họ Hoàng kia có để ý gì đến cái đẹp của ta không?”

Nàng đến phòng ăn thì còn sớm lắm, chưa ai đến. Nàng bảo bồi dọn chung, để nàng cùng ngồi ăn điểm tâm một bàn với Hoàng Cương. Nàng lại cho thu xếp đồ ăn để nàng đem đi ăn buổi trưa vì nàng định đi chơi đến chiều mới về.

Nàng ngồi chờ mãi, đến hơn bảy giờ, Hoàng Cương mới đến, tay cầm cái ống nhòm. Nàng liền vốn vả hỏi:

– Sao thầy Hai ngủ trưa đủ thế, đem ống nhòm đi để làm gì?

– Không, tôi dậy đã lâu, nhưng tưởng cũng như mọi ngày cô dậy trưa, nên còn ngồi xem sách mãi, (“À thế ra từ trước đến nay, chàng cũng vẫn để ý đến ta”, nàng nghĩ mà mừng thầm). Hôm nay, tôi định đưa cô lên trên lăng ở đỉnh núi Phnompakhean, đứng đấy có thể trông thấy rõ Biển Hồ mà nếu dùng ống nhòm thì lại càng tỏ ra lắm.

Cái xe hòm rộng rãi êm ái đã chờ ở cửa. Mọi ngày nàng đi chơi đâu vẫn cầm lái lấy, nhưng hôm nay nàng thấy tinh thần dường như vờ vẩn, không chú ý được, sợ có điều bất trắc, bèn sai tài xế cầm.

Lúc ra đến xe, Hoàng Cương vừa định trèo lên ngồi đằng trước với bác tài thì nàng vội nắm áo mà bảo rằng:

– Thầy Hai ngồi dưới này nói chuyện với tôi cho vui. Một người như thầy mà

còn e lệ những điều tiểu tiết ấy sao?

– Đối với tôi thì có hề gì, nhưng sợ có điều bất tiện cho cô.

– Bất tiện gì, tôi thân cô, thế cô, một mình trơ trọi ở trên đời này, thấy tính còn ai để tâm gì đến mình mà hòng...

Nàng vừa nói, vừa để ý nhìn Hoàng Cương xem chàng có ái ngại cho thân thế nàng không, nhưng bộ mặt gân guốc già cằn kia vẫn lạnh lùng như tuyết, nàng thấy thế mà buồn.

Lăng Phnompakhean ở trên một ngọn đồi cao, cách khách sạn độ gần một cây số. Vụt chốc xe đã đến nơi. Đường lên rất dốc, thật khó đi, nàng vừa đi, vừa thở hổn hển, lắm lúc giả đồ như muốn ngã, xem anh chàng kia có lại gần đỡ cho nàng không, nhưng anh chàng cứ khom khom rào bước chẳng để ý gì đến. Nàng

thấy thế mà thất vọng, nhưng lại tự nghĩ:

– “Ở đời có chí thì nên; dầu sự tình
ái cũng phải có công phu mới có kết quả
được, ta đã vội gì mà nản lòng”.

Xứ Cao Mên, tuy về đêm mát mẻ,
nhưng ban ngày thì nóng bức lắm. Vì
mưa luôn, đất ướt, đường lại trơn, trèo
lên là vất vả, Bella Như Nhang lên đến
đỉnh, đã mệt thở không ra hơi, mồ hôi
ra ướt đầm cả áo. Nàng phải ngồi nghỉ
ở trên tảng đá “vết chân Bụt”. Vết chân
Bụt này rộng độ hơn một cái nong. Dưới
bàn chân, có thịch chữ Cao Mên. Hoàng
Cương chăm chú đọc. Bella Như Nhang
thấy thế bèn hỏi:

– Thấy Hai cũng biết chữ Cao Mên
à?

– Có, tôi làm đồn điền, thường hay
giao thiệp với người Cao Mên, cũng phải
biết.

– Sao tôi nghe người ta nói thầy là người buôn bán?

– Có, ngoài vụ kia thì tôi đi buôn.

– Tôi đi qua Nam Vang (Phnompenh), Gò Sặt (Pursat), Dũng Sa Nang (Kompong chnang) thấy các người buôn bán toàn là các Chú cả.

– Thế thầy giao thiệp với họ, thầy có biết tiếng họ không?

– Tôi cũng có biết, người Bắc Kỳ tôi, lúc nhỏ thường ai cũng học chữ Hán, nên học tiếng Khách cũng dễ.

– Thầy biết nhiều thứ tiếng cũng thú nhỉ?

– Thú gì? Tôi chỉ vì biết lắm thứ tiếng mà suýt nữa mất mạng đấy.

Hoàng Cương nói xong biết mình lỡ lời, vội im đi, nhưng Bella Như Nhang cứ

gặng hỏi đầu đuôi mãi, thành thử chàng không muốn nói mà phải nói:

– Đầu đuôi có gì đâu! Một hôm tôi có việc đến nhà một người bạn ở một xứ đồng rừng kia. Vì mưa không về được, y rủ tôi đến nhà Bang trưởng đánh mã chược. Cái nghề đánh bạc, cô tính ai lại muốn thua bao giờ, tôi ngồi đánh đầu cánh trên lão Bang, đánh «đì» dữ lắm. Lão ta không ù được. Lão ta tức. Gia dĩ các Chú ở xứ này giao thiệp với người ngoài thường hay dùng tiếng Cao Mên, nên lão ta cũng không biết tôi nói được tiếng Khách. Lão ta nói nhiều câu thô bỉ lắm, tôi vẫn làm lơ như không biết, nhưng sau lão ta nói đến câu “Ô-nam-chay sẩy lẩn” (Annam-tử khốn nạn), không dùng được, tôi bèn vùng dậy, nắm cổ lão ta mà hỏi:

– Anh thử đứng với tôi, coi ai nhớn

hơn? Sao anh khinh người thế, anh có biết Nhật Bản nó gọi anh là giống gì không?

Lão ta tưởng tôi đánh lão, kêu cứu âm ỹ, một lũ đầy tớ lão xông ra đánh tôi. Cùng thì phải tính, tôi liền thuận chân đạp lão ta ngã chúi xuống và nhấc cái ghế ngồi, đánh lung tung. Nhưng “mãnh hổ bất như quần hồ” tôi vừa đánh, vừa đỡ, vừa lui. Lui ra đến cửa, cửa khóa! Đã tưởng mình phải chết thì vừa may, mấy đứa đầy tớ Cao Môn đi theo tôi ở nhà bên cạnh, thấy tiếng ồn ào, liền chạy sang phá cửa, xông vào cứu được tôi ra. Từ đấy, tôi thể không học thêm thứ tiếng nào nữa.

Bella Như Nhang nghe chàng kể chuyện đến chỗ nguy hiểm, lòng nàng bồn chồn lo sợ thay cho chàng tưởng chừng như nàng đang mục kích tấn kịch

kia vậy. Lúc chàng nói dứt, nàng mới hỏi:

– Thế thầy có bị vít (thương tích) nào không?

– Có, cái sẹo ở trên đầu này là một cái tang chứng nguy hiểm cho những người biết lắm thứ tiếng đây.

Hoàng Cương hồi tưởng đến việc ấy cũng tủm tỉm cười, nhưng Bella Như Nhang thì mặt có vẻ ái ngại, rồi bỗng nhiên nàng đứng dậy, chạy lại, chẳng nói năng gì lật mũ chàng ra xem. Thấy cái sẹo to tướng nó rành rành ra đó, nàng rướm rướm nước mắt, rồi nàng lấy tay vuốt mái tóc chàng. Lúc bấy giờ nàng mới biết sự lạc thú của cái khóc, nàng thấy trong mình khoan khoái như một người mẹ vuốt mái tóc đứa con cưng bị ngã mà lại có vẻ mặn nồng hơn; như một người yêu vuốt mái tóc của người yêu vậy.

Hoàng Cường thấy nàng cử chỉ sỗ sàng thế, có vẻ bất bình. Chàng có biết đâu cách cử chỉ mà bề ngoài chàng cho là sỗ sàng ấy có ẩn một mối tình yêu vô hạn ở trong.

Bella Như Nhang dường như biết ý bèn nói chữa:

– Tôi vừa muốn học tiếng Cao Môn nhưng ngày nay tôi cũng theo thầy mà không học một thứ tiếng gì nữa. Thầy bảo đứng dậy trông thấy Biển Hồ, nào có thấy đâu?

– Muốn thấy thì phải trèo lên gác sân ở đỉnh lăng kia chứ.

Rồi chàng đưa nàng vào trong lăng.

Lăng này ở đỉnh núi, cao lắm. Nhà Viễn Đông Bác Cổ có làm một cái thang sắt để trèo lên sân gác. Thành thang nhỏ rất khó đi. Bella Như Nhang vốn người

nhanh nhẹn bạo dạn, xưa nay chẳng biết sợ là gì, nhưng nàng muốn đem dốt Hoàng Cương vào trong lưới tình, bèn dùng những bí quyết mà xưa nay nàng đã làm cho chìm đắm bao nhiêu nam tử, nàng làm ra bộ sợ sệt mà rằng:

– Trời ơi! Thang cao thế này, bậc nhỏ thế này, tôi trèo làm sao được? Nhưng đã lặn lội lên tới đây, mà không được coi những cảnh đẹp ấy chẳng cũng là uổng lắm sao?

Cái «tiếc», cái «muốn» của phụ nữ chẳng đã làm nghiêng đổ bao nhiêu cơ đồ!!!

– Được, cô bỏ giấy ra, cứ mạnh bạo trèo lên, tôi đỡ.

Nàng trèo lên trước, chàng trèo lên sau, thỉnh thoảng lấy tay đỡ chân nàng. Đến lưng chừng, Bella Như Nhung lại

giả đồ run sợ, không trèo nữa khiến Hoàng Cương phải tiến lên mấy bậc, lấy tay choàng vào lưng nàng, nựng lên. Bella Như Nhang thấy một nguồn sinh thú lạ thường ở bàn tay kia nó chạy vào mình nàng, nhưng lên gần đến nơi nàng nghiệm ra rằng cái bàn tay sắt kia không phải là bàn tay thịt, nó không có cái vẻ run rẩy ấm áp của ái tình. Nàng thấy thế mà đau đống người đi, chân không buồn bước nữa, nàng chỉ cầu thầm cho bậc thang gãy ngay xuống, cho được cùng chết với người yêu. Nhưng sự thực là đó; cái bàn tay sắt nó cứ bám chặt lấy mình nàng mà đưa lên như một pho tượng vậy.

Lên đến đỉnh lẫm, nàng buồn bã chẳng thiết gì nhìn cảnh vật nữa, nên khi Hoàng Cương đưa cái ống nhòm cho nàng, nàng nói:

– Thầy hãy xem trước đi, tôi còn một hoa cả mắt.

Hoàng Cương liền ra tựa vào lan can lấy ống nhòm nhìn... ngắm...

Nàng thấy chàng đứng lắt la lắt lẻo ở lưng chừng giời, những muốn chạy lại du cho chàng ngã xuống. Nhưng nghĩ đến đây, nàng lại thấy đau đớn lạ thường, tưởng chừng như cái chết của con người đứng kia tức là cái chết của mình vậy. Nàng lại muốn chạy lại ôm lấy Hoàng Cương bế vào lòng mà hỏi:

– Pho tượng sành! Pho tượng sành!
Lòng người sắt đá chi mà không biết ta yêu, ta quý người?

"Pho tượng sành" vẫn đứng sừng sững. Chán thay!

Trên từng mây trắng xanh, con «rồng lửa» phun nhiệt khí bức bối ra vũ trụ...

Cây cối núi non uể oải như ngây ngất ở trong lò.

Bella Như Nhang thấy lòng mình ngáy ngất hơn cảnh vật. Nàng thấy một cái «khó» nó nổi lên ở trong đời nàng. Cái khó ấy là sự chiến đấu với thời gian để giết lấy «quả tim vàng» nó ẩn ở trong cái «ngực sắt» của con người đứng trước mặt.

Hoàng Cương cứ điềm tĩnh đứng nhìn phong cảnh, một «thế giới cảm giác» sôi nổi ở chung quanh chàng, chàng có biết đâu.

Biết những cái «khó» đã là một sự khó. Nhưng «biết rằng khó» tức là cái nguồn sinh ra những sức mạnh để làm những việc khó vậy. Mà ở đời này có khó mới quý, chứ những «cái» ta chỉ dang tay ra là được thì đối với ta chẳng thiết tha quý báu gì.

Bella Như Nhang nghĩ như thế lòng thấy phấn khởi. Nàng liền chạy lại gần

Hoàng Cương, ghé trán lên, áp má vào má chàng, như muốn nhìn chung cái ống nhòm với chàng. Nàng thấy má bên trái nóng như lửa đốt, thân thể âm ỷ như than vùi. Nhưng dù có phải cháy thiêu đi, nàng cũng mong được như thế mãi mãi. Khá tiếc thay, Hoàng Cương lại vội nhường cái ống nhòm cho nàng, đứng né ra một bên lấy tay chỉ trỏ mà bảo nàng:

– Kia, cô Ba trông, Biển Hồ như một tấm thảm bạc trải bên đồng cỏ xanh rì, kia nhà cửa tỉnh Siemréap như trăm nghìn đứa bé tí hon mặc áo trắng, áo đỏ ngẩng đầu lên nhìn chúng ta, kia, những di tích lâu đài nho nhỏ lơ nhố như những thằng lùn nó vây bọc lấy hai anh Khổng lồ là chùa Angkorwat và điện Angkorthom, kia cung ông vua cùi (ruines du roi lépreux), kia hồ đông Barai, kia hồ tây Barai, kia núi Pnom koulén mà người ta lấy đá để xây những lâu đài thành quách

này, kìa núi Dangrek uốn éo như một cánh cung, hai đầu ở Xiêm mà thân cung thì ở Cao Mên, kìa cô trông bãi tàu bay là chỗ để cho khách năm châu rẽ mây mà đến, cuổi gió mà về, cô trông: nước mây man mác, rừng núi bao la...

Khốn nạn, những phong cảnh đẹp dễ như thế, nào nàng có thấy gì đâu. Nàng chỉ thấy trong ống kính trắng trắng xanh xanh, mờ mờ, tối tối. Nàng đã để hết thần trí nghe chàng nói. Nàng xét ra những tiếng nói kia nó cứ từ từ mà gieo xuống, lạnh lùng như hạt sương sa, chẳng có vẻ gì là sốt sắng đầm thắm, có lẽ chàng chỉ muốn vì cảnh vật mà phô bày vẻ đẹp, chứ chẳng có vị gì nàng. Nghĩ đến đây thì thấy hình như có vật gì, nó chen lấy họng, thở không được, nàng liền đưa trả cái ống nhòm mà bảo:

– Tôi xem chán rồi, thôi ta đi chỗ khác.

Lúc xuống thang, nàng đã chán nản, chẳng còn muốn cho Hoàng Cương đỡ nàng nữa, nhưng Hoàng Cương cứ tưởng rằng nàng có tính nhát, liền xuống trước giờ tay đỡ lấy chân nàng.

Độc địa thay ông già, ông thường hay chơi khăm như thế. Lúc mà ta tưởng: “Thôi đến đây là hết” thì chính là lúc ta thấy những sức mạnh vô hình, “nó làm cho ta không tự chủ được” lại cuộn cuộn ta đi.

Thang thì hẹp, chỉ vừa một người trèo, mà lại dốc ngược, nên phải xuống giật lùi. Bella Như Nhang đã ngao ngán, thất vọng, tưởng chừng như cuộc tình duyên đến lúc này là kết liễu, là đoạn tuyệt, mà chính nàng, nàng cũng chẳng còn thiết gì nữa, nàng chỉ cầu cho chóng chóng được xa con người “độc ác” kia thôi. Nhưng khi cái bàn tay sắt kia nắm

vào cổ chân nàng, thì ngọn lửa lòng đã sắp tắt như lại bùng lên, nàng muốn xuống thật lâu để kéo dài cái “phút hạnh phúc” ấy ra vậy.

Ở đời, cuộc rượu vui đến đâu cũng có lúc tan, cuộc cờ đánh mãi rồi cũng tàn, thì xuống mười lăm bậc thang kia chẳng phải là «một thế kỷ» mà một thế kỷ trong con mắt bọn khách tình, cũng còn là ngắn ngủi lắm!

Lúc xuống núi, tuy dễ hơn lúc lên, nhưng vì đường dốc lại trơn, người đi như muốn bổ nhào ra.

Hoàng Cương liền đưa cái ba toong đầu bịt sắt cho nàng chống, nhưng nàng lại muốn được hơn nữa...

... Thày Hai ơi, đường trơn dữ quá, thày cho tôi vịn vai, không thì té chết. Chàng chưa kịp giả lời thì nàng đã dang

tay nắm chặt lấy vai chàng. Nàng dựa mình vào chàng, hai mắt lim dim, một luồng điện bí mật như đã thu hết sự sinh hoạt của nàng. Chân nàng chẳng buồn bước, chỉ theo cái dịp chân của người bên cạnh mà bước thôi.

Anh tài xế đứng ở dưới chân núi trông lên thấy cái tình cảnh ấy cũng lấy làm lạ mà tự hỏi:

“Chủ mình xưa nay đối với bọn đàn ông coi như cỏ rác, mà sao đối với nhà thầy này lại ra vẻ quý yêu thế kia?”

Hoàng Cương lại đưa nàng đi xem điện Angkorthom, có cái giếng nhỏ chỉ bằng cái nia mà sâu vô kể, ném hòn đá xuống lắng tai nghe mãi mới thấy tiếng động.

Đến cung ông vua cùi, thấy ngồn ngang những cung điện đã đổ nát mà có

lầm tòa đã sụt xuống, đất phủ lấp cả. Nhà Viễn Đông Bác Cổ bây giờ mới đang cho người đào lên và sửa sang lại.

Lúc ấy đã hơn mười một giờ trưa, nàng thấy đói, bảo chàng nghỉ để ăn cơm. Chàng bèn nói:

– Tôi biết một chỗ ngồi ăn mát lắm mà thú lắm, chúng ta chờ đến đây sẽ ăn.

Nhà Viễn Đông Bác Cổ có đắp hai con đường vòng chung quanh Đế Thiên Đế Thích. Nếu đi khắp hai con đường ấy, có thể thiệp liệt xem hết các nơi được. Di tích Đế Thiên Đế Thích rải rác hàng bao nhiêu nơi, chứ có phải chỉ chùa Angkorwat và điện Angkorthom mà thôi đâu. Con đường vòng lớn thì dài độ mười cây số, con đường vòng nhỏ dài độ sáu cây số. Hai con đường ấy thông với nhau mà chỗ cung điện vua cù cạnh

Angkorthom chính là chỗ hợp lại của hai con đường ấy.

Xe hơi rẽ sang con đường vòng nhón qua nhiều nơi di tích, rồi đến một chỗ mà người Cao Mên gọi là cái «bể tắm của bà Hoàng hậu».

Bể này vuông độ một mẫu đất xây từng ngăn như hình chữ điền (田). ở giữa là nhà thủy tọa nhỏ, có cây. Bốn ô ấy, nước thông ra, tháo vào được mà những cái ống thông nước lại là những con voi đá xây rất tỉ mỉ ở dưới thành ngăn. Giêng, Hai thì bể cạn khô, nhưng lúc này vì mưa luôn, bể đầy ắp.

Hoàng Cương đưa Bella Như Nhang vào nhà thủy tọa, nàng liền bảo tài xế đem thức ăn lại. Nàng lấy cái khăn nhỏ trải ra mặt đất, bày biện các thức ăn. Trông cái cách nàng cắt bánh, trông cái tay nàng xé thịt, cùng một trăm cách cử

chỉ khác rất thường mà ngọn bút không thể tả ra được, ta có thể đoán:

– Nếu nàng muốn – thì nàng sẽ là một tay nội trợ rất khéo léo, đáng yêu, vì nàng đã sẵn có lịch duyệt và có biệt tài về khoa trị gia.

Nàng tuy đói mà không ăn được mấy chỉ những nhìn Hoàng Cương ăn mà no. Nàng ước gì được tự tay cầm bánh, thịt mà bón cho chàng như một người mẹ cho con ăn.

Nàng tưởng tượng thế mà trong mình sung sướng lạ thường.

Hôm ấy nàng có đem theo một chai rượu chát, Hoàng Cương uống vài cốc thấy trong người vui vẻ, chàng trở tay vào bế mà bảo nàng:

– Người Cao Mên nói chuyện với tôi rằng cái bể này nguyên trước kia có một

ông vua vì yêu Hoàng hậu mà xây đắp ra để khi trời nóng nực, Hoàng hậu ra đây tắm mát. (Nàng nghe chàng nói mà ước gì chàng cũng đem cái lòng vua yêu Hoàng hậu mà yêu nàng). Kể cách chơi ấy thì đế vương thực, nhưng ngày nay...

Chàng nói đến đây thì nàng bèn lấy cái cảm tưởng của nàng lúc bấy giờ mà nói tiếp:

– Ngày nay nó là cái gương thiên cổ chỉ rõ cho ta biết rằng cuộc vinh hoa phú quý ở trên đời chẳng qua như một giấc mộng hoàng lương, trăm năm còn có gì đâu? Có còn thì là còn tấm lòng vua yêu Hoàng hậu, cùng là tấm lòng Hoàng hậu yêu vua mà thôi.

Nói đến đoạn dưới, nàng dần từng tiếng, đôi con mắt phượng thì nhìn Hoàng Cương một cách rất tình tứ như muốn tỏ cho biết nỗi lòng.

Nhưng những hạng người như Hoàng Cương nào có hiểu một chút gì đâu!

Những hạng ấy là những hạng người rất đáng thương; lúc bé đã sớm mất một người mẹ là người đã lấy cái tình mẫu tử rất ấm áp để khêu gợi những nguồn cảm giác rất êm đềm nó còn ẩn hình nấu bóng trong lòng ta, cập đến lúc mới nhớn lên, liền đã phải lăn lung ra giành giật với đời; vì sớm trải mùi đời đen bạc, sớm nếm cái thế vị chua cay, lòng dạ thành ra khô khan, cháy sém như một bãi sa mạc, mà một trận mưa xuân lác đác không thể làm cho nảy nở ra những đồng cỏ xanh rì được.

Chàng nghe nàng nói, nghe cái giọng nói rất thấm thía của nàng mà chàng vẫn thản nhiên, chẳng hề động tâm.

Khốn nạn thay, những con voi đá nó lập lờ ở dưới đáy nước trong veo kia trông thấy vẻ mặt rên rĩ của nàng lúc bấy giờ cũng dường như cảm động, hướng hồ là người!

Mà có lẽ Hoàng Cương là những hạng người lòng gan dạ sắt xua nay chưa hề quan tâm đến sự buồn rầu đau đớn của mình nên không thấu những nỗi buồn rầu đau đớn của kẻ khác: Có lẽ, chàng chỉ mãi nghĩ đến sự lập thân, lập nghiệp, chứ chẳng hề bao giờ nghĩ đến sự «yêu đương». Mà đã không nghĩ đến thì còn biết làm sao hiểu được các trạng thái cùng các triệu chứng của nó.

Ôi, đáng tiếc thay! Đáng tiếc thay!

Giời mùa hạ ở xứ Cao Mên như thiêu như đốt, người và vật như nung nấu ở trong lò.

Những đàn khỉ khát nước chạy ra uống ở chung quanh bể. (ở đây có lệ cấm bắn các giống cầm thú, nên chúng dạn người lắm.)

Bella Như Nhang lấy thịt và bánh còn thừa ném cho chúng. Trước chúng còn chạy tán loạn, sau rồi đổ xô cả lại, tranh nhau, cắn nhau, giành giật nhau...

Nàng bèn trở tay vào đàn khỉ mà bảo Hoàng Cương rằng:

– Đây, thầy Hai coi, người ta cũng như đàn khỉ kia, cấu xé nhau, chém giết nhau cũng chỉ vì miếng ăn, lúc tỉnh ngộ ra thì đã muộn quá rồi, ngán thay!

– Tuy thế thì dã man thật, nhưng không thế thì không được, ngôi bá chủ ở trong vũ đài chẳng là chỉ để dành riêng cho những kẻ nhanh chân nhẹ bước sao?

Lúc ăn cơm xong, Hoàng Cương thấy trong mình nóng bức lạ thường, bèn bảo nàng:

– Cô cứ ra xe trước chờ tôi, tôi tắm cho mát một chút rồi sẽ ra sau, chứ không nóng bức không chịu nổi.

Vô lễ thay, bất nhã thay!

Nhưng xét cho kỹ ra thì những người vô tình như Hoàng Cương họ không có phân biệt nam nữ nên chàng coi Bella Như Nhang cũng như một người bạn giai mà thôi. Nói rằng chàng là kẻ vô giáo dục thì cũng khí quá, nhưng nói rằng chàng thiếu cái «xã giao giáo dục» thì cũng không phải là oan. Một người như thế, không có thể bảo là một kẻ vô giáo dục, nhưng đối với đàn bà mà sỗ sàng như thế, thì cũng không tránh khỏi cái tội vô lễ. Có lẽ từ trước đến nay con quái vật «doanh nghiệp» nó đã nuốt hết thời

giờ của chàng, không còn để cho phút nào nhàn rỗi mà trau dồi lấy phép lịch sự của «xã hội giao tế».

Đối với những hạng ấy thì người cũng như mình, nói là nói, làm là làm, không có sự gì là khuất khúc, là biết thối lộ cả. Kể thì cũng đáng ghét thay mà cũng đáng yêu thay.

Bella Như Nhang nghe chàng nói như thế, chẳng những không giận mà lạ thay, nàng lấy thế làm lo. ấy thường tình con người ta vẫn thế, ghét nhau thì những cái lỗi bé bằng con mò cũng thành ra to như núi mà đã yêu nhau thì những cái tội to như núi, cũng không trông thấy nữa. Nàng thấy chàng mồi hôi nhễ nhại lại say rượu, những muốn can không cho tắm, nhưng nghĩ đi nghĩ lại, chỉ lo thâm trong lòng mà chẳng dám nói ra.

Khi Hoàng Cường tắm xong giở ra, lại đưa nàng đến xem một cung điện, xưa kia chắc là to tát lắm, nhưng nay đã đổ nát hết cả.

Đường đi vào thật dài thật rộng, hai bên hè mỗi bên có đến năm mươi pho tượng đá to bằng ông Hộ pháp, tay đều ôm mình một con rắn chín đầu, dài dằng dặc.

Bella Như Nhang trở vào những bức tượng ấy mà hỏi:

– Sao bên này thì ngó ông nào ông ấy mặt mũi tươi tốt quá, mà bên kia thì đều như mếu cả?

– ấy, một bên tượng khóc, một bên tượng cười đấy, đại để cũng là những chuyện li kì không thể tin được như những chuyện nhin ăn mà mặc, nhin mặc mà ăn ở chùa chiền ta vậy.

Rồi chàng trông những pho tượng khóc, mỉm cười mà hỏi đùa:

– Sao ông lại khóc thế hả ông?

Nàng nghe chàng hỏi mà tự nghĩ: «Còn một người khóc thầm trong bụng đứng ngay bên cạnh chàng, chàng có biết đâu».

Hai người còn đi xem xét mấy nơi cổ tích nữa nhưng đến chiều, thì Hoàng Cương thấy trong mình khó ở, đầu choáng váng, chân tay nặng nề chẳng buồn bước nữa. Bella Như Nhang thấy chàng hai má đỏ gay, mắt lơ lơ bèn bảo:

– Tôi coi bộ thầy Hai mệt lắm, thôi ta về nghỉ, mai sẽ đi nữa.

Chín giờ đêm, chuông báo hiệu ăn đã nổi, trong phòng ăn, khách đã đến đủ. Bella Như Nhang ngồi chờ mãi mà chẳng thấy Hoàng Cương đến, bèn sai

bồi đi gọi. Một lúc lâu người bồi lại bảo nàng:

– Thầy ấy nóng sốt dữ lắm, nằm ngủ li bì tôi hỏi mãi mới tỉnh. Thầy ấy nói không muốn ăn cơm.

Nàng thoát nghe biến sắc, chẳng nề hà gì, vội chạy xuống phòng ngủ hỏi thăm.

Xét tâm lý những kẻ chung tình thì đại phàm, những đàn bà bình nhật, dù nhút nhát đến đâu, đến khi đã yêu cũng trở nên bạo dạn mà coi thường những điều tiểu tiết, còn như bọn nam tử dù bình nhật thì mạnh bạo biết bao, cái khí tượng anh hùng tưởng chừng như vào trong rừng bắt cọp cũng không màng, thế mà khi đứng trước mặt người yêu để tỏ bày tâm sự cũng đều run như cái dế mà những tay xưa nay biện thuyết giỏi

như Tô, Trương⁶ cũng đều ấp úng như cậu học trò nhỏ không thuộc bài đứng trước thầy giáo vậy. Lạ thay, những cái hiện tượng trái ngược, huyền bí ấy có chẳng chỉ ông Thần ái tình mới có thể giảng cho ta hiểu được mà thôi.

Bella Như Nhang vào đến phòng thấy Hoàng Cương nằm mê mết ở trên giường, sờ đến trán, nóng như lửa đốt. Nàng bèn bảo người quản lý nhà khách sạn gọi đây nói về Siemréap mời thầy thuốc.

Tỉnh Siemréap cách Angkor-les-Ruines có sáu cây số, nên một giờ sau một y sĩ đến, xem bệnh xong, ông nói:

– Thầy ấy cảm cũng nhẹ thôi. Nếu điều dưỡng thì vài ngày có thể khỏi được, nhưng tối nay thế nào cũng lên cơn sốt dữ lắm, vậy cô phải ở đây trông

6 Hai tay biện thuyết đại tài thời Chiến quốc

nom cho thầy ấy luôn, nếu có mỗi, phải gọi người khác thế. (Y sĩ cứ tưởng nàng là vợ người bệnh nằm đấy). Lát nữa tôi cho người đem thuốc đến, cứ hai giờ lại đổ cho thầy ấy một thìa.

Hoàng Cương một là vì đang lúc say rượu mà tắm, hai là trong lòng nhiều mối ưu tư nên thụ bệnh. Chàng sốt nóng cả đêm, lúc mê lúc tỉnh: đến nửa đêm lại thổ, dơ bẩn bẩn đầy vào mình Bella Như Nhang, nàng chẳng lấy thế làm gớm. Nàng thức suốt đêm mà chẳng biết mỗi mệt là gì. Ngày nay nàng mới biết đến sự lạc thú: săn sóc cho một người. Nàng chỉ cầu cho bệnh nhân cứ ốm thế mãi để nàng cứ được ngồi ở đầu giường này mà trông coi cho chàng mãi, dầu chẳng được chàng thương yêu đến, nhưng thế cũng là quá đủ rồi.

Yêu để mà yêu, thương để mà thương

mới là tuyệt đích của ái tình. Đó mới là cái biểu hiệu của tấm lòng Đức Phật thương chúng sinh, Đức Thiên Chúa yêu con chiên. Còn yêu để cầu người yêu giả, thương để cầu người thương lại, chẳng là còn thấp kém lắm sao, chẳng là một việc cầu "lợi" cho mình sao? Nếu đã vì «lợi» mà có, thì cũng có lúc vì «lợi» mà tan. Nhưng ở buổi đời này tìm đâu cho thấy được hai người có được quả tim như Bella Như Nhang. Chẳng biết kẻ bệnh nhân rên rỉ ở trên giường kia có biết hay không. Nhưng biết ra thì càng hay, mà chẳng biết ra thì cũng thôi. Nàng chỉ biết mình yêu chàng chứ có biết tại làm sao mà yêu chàng đâu. Tấm lòng yêu nó đã biến hiện ra tựa như gió mát, như giăng trong thì còn cần gì phải hỏi nó tự đâu mà lại. Mà có một tấm lòng yêu như thế, chẳng cũng là đầy đủ sự thần tiên lạc thú rồi sao? Mà dù kẻ nằm kia sau này mà

chẳng yêu nàng nữa, thì nàng có vì lẽ đó mà dứt lòng yêu chàng được chẳng?

Biết bao kẻ nói rằng yêu người yêu mà còn muốn dò xét về quá khứ, toan tính về tương lai, như thế sao gọi là yêu được. Yêu là hiện tại, nhìn vào nó mà tin về quá khứ, dựa vào nó mà vững lòng về tương lai, «Một túp lều một tấm lòng» không phải là chỗ thấy biết của loài người máu thịt, mà ta có thể nói rằng Bella Như Nhang lúc này không phải là người của cõi trần này vậy.

Nàng ngồi nhìn bệnh nhân rên rỉ ở trên giường, tâm can nàng hình như cùng rên rỉ với bệnh nhân. Nàng trông trên bàn thấy một phong thư còn bỏ ngỏ, nàng cầm lấy, xem gửi cho ai thì chưa có chỗ ở, (có lẽ bệnh nhân lúc viết xong thư thì vì cơn sốt đến mà chưa kịp để). Nàng lại đặt xuống, đã định không xem, nhưng

bức thư bí mật – những thư chưa để chỗ ở đều bí mật cả – nó cứ nằm lì lì trên bàn như một hòn đá nam châm hút hết thần trí nàng vào. Địa điểm! Nếu cái thư kia mà có đề địa điểm rồi thì có lẽ cũng làm cho nàng khỏi phải mang một mối ngờ trong lòng mà tránh được cái xấu: xem thư trộm.

Một phút nghi ngờ nhưng ta có thể nói là một thế kỷ bởi vì trong một cái thời khắc rất ngắn như thế, bao nhiêu là tư tưởng đã chớp nhoáng đảo nhàoang qua óc mà làm cho lòng phải sôi nổi: Vui đấy, buồn đấy, thất vọng đấy lại có hi vọng ngay đấy. Những cảm giác ấy cứ theo làn tư tưởng mà thay đổi, mà cuộc vấn đáp thầm trong trí nàng nó là những cái khuôn đúc nên những cảm giác ấy.

– Chàng sở dĩ lãnh đạm cùng ta, là vì chàng có vợ rồi? – Không, những người

làm công ở khách sạn này quen biết chàng đã lâu, đều nói rằng chàng chưa có vợ con gì. Hay là chàng đã yêu ai mà thơ kia là thơ viết cho người yêu của chàng? – Không có một cái tang chứng gì chứng thực rằng chàng đã có «người yêu» rồi, ta xét cách cử chỉ, ngôn ngữ chàng cũng đủ biết. – Hay ta xét nhầm? – Không, ta xưa nay xét người tinh lắm, không có thể nhầm được. Hay là...?

Còn bao nhiêu là cái "hay là" cứ nổi lên ở trong trí tưởng tượng của nàng rồi bị bao nhiêu là cái «không, không» làm cho tiêu tán ngay đi. Nhưng rút cục lại, phong thơ bí mật nằm kia vẫn là một vấn đề mà cuộc "vấn đáp ngầm" kia không giải quyết được, rồi một cái sức mạnh vô hình bắt nàng phải lấy mà xem.

Siemréap–Angkor, ngày 13 Aoút 1930

Kính trình luật sư Tromeur

Mấy hôm nay, tôi đã nghĩ kỹ rồi. Nếu ông Mahomed Chettgar thuận mua cái đồn điền của tôi 25.000\$ thì xin ông nhận lời bán đi mà trang trải công nợ cho tôi. Phải, tôi cũng nghĩ như ông, người ta ở đời quý nhất là danh dự. Danh dự trong sạch có thể làm ra đồng tiền, chứ đồng tiền không có thể làm ra được danh dự trong sạch.

Kính chúc vạn an,

Hoàng Cường

Nàng đọc xong bức thơ ngỏảnh nhìn kẻ viết bức thơ kia đang quần quai trên giường bệnh mà tấm lòng yêu quý lại theo tấm lòng kính phục mà tăng tiến lên – ta có thể nói rằng không có sự kính phục, không có ái tình bao giờ.

Đêm đã khuya, khí giới lạnh lẽo. Nàng rón rén lại bên giường định lấy

chăn đắp lên mình cho Hoàng Cương. Chăn lại ở phía trong đầu giường, nàng phải giơ tay qua mình chàng mới với được. Trông thấy bộ mặt khảng khái kia, dầu ông thần bệnh cũng không làm cho giảm vẻ nam nhi được, nàng động lòng ái mộ bất giác sẽ đặt làn môi son lên trên trán... Bệnh nhân vẫn mê man chẳng biết gì, nhưng cái hôn – mà ta có thể cho là cái “hôn trộm” kia – thì dầu đến chết nàng cũng chẳng quên vậy.

Sáng hôm sau, Hoàng Cương đã tỉnh, lúc mở mắt ra đã thấy Bella Như Nhang ngồi đấy mà người bồi thì đang quét dọn. Chàng nói:

– Kia cô Ba, sang thăm tôi lúc nào mà tôi không hay, tôi sốt quá, cứ nằm lì ra, chẳng biết gì, thật vô lễ quá.

Anh bồi ton hót:

– Suốt đêm hôm qua, cô Ba thức sẵn sóc cho thầy, vì thầy sốt mê man nên chẳng biết, chứ có phải mới đến đâu.

Bella Như Nhang ngồi im, mặt đỏ gay, Hoàng Cương bèn ngỏ nhời cảm ơn nhưng một cách “cảm ơn” đầm đạm của con người biết ơn, của một người bạn thân, chứ không phải cái “cảm ơn” rất nồng nàn, rất thấm thía của kẻ tình chung. Nàng nghe mà ngao ngán bèn nói:

– Thầy nói quá lời chi vậy, thầy chẳng nề khó nhọc mà đưa tôi đi xem chốn này, chốn khác thì trong lúc ốm đau, thầy không có người nhà ở đây, tôi trông nom cho thầy là việc bốn phận, có gì mà ơn với huê.

Hoàng Cương thấy đói, bèn đòi ăn. Nàng sai bồi pha một cốc sữa bùng lên. Chàng còn run lấy bấy ngồi chưa vững,

nàng bèn đứng dậy lấy gối xếp ở sau lưng cho chàng dựa. Uống hết cốc sữa, trong người đã tỉnh táo, chàng bèn nói:

– Tôi tiếc vì mệt mà hôm nay không đưa cô đi xem núi Koulen và Biển Hồ được. ở vùng này còn nhiều cảnh đẹp lắm. Năm nào tôi cũng đến đây xem mà không biết chán. Chốn này cũng dạy ta được lắm bài học hay. Người nào giàu sang, kiêu căng đến đây, trông thấy những thành quách lâu đài kiên cố thế kia mà còn phải đổ nát thì phỏng sự giàu sang đã chắc chắn gì? Cứ nghĩ thế mà lòng kiêu căng cũng dẹp bớt đi. Kẻ thất vọng đến đây thấy những đồng đá kia, dầu trải bao phen mưa gió mà vẫn cứ tro tro ra đó thì lòng cũng thấy bớt buồn rầu mà phấn khởi lên,

Nàng nghe chàng nói mà muốn hỏi lại chàng:

– “Còn kẻ này xưa nay rất khinh bỉ ái tình mà đến đây cũng phải đem lòng yêu chàng, chàng có biết chăng?”

Nghĩ bụng thế mà then thùng chẳng dám nói ra.

Hoàng Cương lại nói:

– Tôi rất tiếc chưa đưa cô đi xem hai cái hồ nhân tạo là Đông Barai (lac Barai oriental) cùng Tây Barai (lac Barai occidental). Hồ bên Đông thì rộng bằng hồ Lăng Bạc ngoài Bắc Kỳ tôi còn hồ phía Tây thì rộng hơn nhưng bây giờ đất xô xuống gần lấp hết. Nghĩ cho kỹ ra, nếu con người ta mà cứ ro ró ở nhà chẳng đi đến đâu thì cảnh đời chẳng qua cũng như cảnh nhà nông, mà người đời, tôi tính cũng như bác thợ cấy kia, buổi sáng cứ cắm cúi, nào bữa, nào cuốc, một vũ trụ bao la đẹp để chung quanh mình chẳng nhìn gì đến!

Bella Như Nhang nghe chàng nói mà chẳng có ý gì muốn đi xem những phong cảnh chàng đã kể. Cái vũ trụ của nàng chẳng là người ngồi trước mặt đấy sao, lọ là còn phải đi tìm ở đâu?

Nàng nghĩ đến bức thơ nàng đã xem trộm, nàng nghĩ đến cảnh éo le của chàng, bỗng phát khởi lên tấm lòng bác ái, nàng muốn cho cái vũ trụ của nàng được tươi tốt mà trở ra bông thơm cỏ lạ, không muốn cho nó phải rầu rĩ với tang thương, bèn nói:

– Tôi coi bộ thấy mấy hôm nay lo nghĩ một việc gì có phải không? Đã chẳng biết nhau thì thôi chứ nếu biết nhau rồi thì cái bốn phận là phải giúp nhau. Hoặc giả thấy có cần tiền...

Nàng nói đến đây, Hoàng Cương vội gạt đi mà rằng:

– Không, tôi có lo việc gì đâu, làm thân con người ta, thì cái nghĩ là việc thường ngày, hà cố phải lo, mà có lo thì cũng tự mình lo lấy. Tuy cô có bụng tử tế mà nói thế, nhưng tôi xét làm nam tử mà phải hệ lụy đến ai, kẻ trí giả rất lấy thế làm nhục. Tôi tuy chẳng ra gì, nhưng tự xưa nay vẫn cố giữ cho mình được thanh thản khỏi phải hàm ân ai. Tiền bạc đâu nợ nhiều đến đâu, nếu có chi, cũng có ngày giả xong, chứ tôi thiết tưởng một cái ân thì giả biết kiếp nào cho hết. Đã biết là giả không hết thì đừng vướng vào là hơn. Tôi là người buôn bán, xưa nay vay mượn người ta cũng nhiều, nhưng những kẻ cho tôi vay cũng là vì lợi, thì không có ân. Tôi đã là người thì đối với tấm lòng quý hóa của cô sao tôi lại không biết cảm kích, vậy tôi xin đa tạ. Còn tiền thì tôi không dám vay, cũng chẳng cần dùng gì mà vay. Những lời tôi nói với cô

đây là lấy cái tình thực mà nói, cô đừng phiền nhé.

Nàng thấy chàng nói thế không dám ép nữa, nhưng biết bao nỗi âu sầu, bi ai nó âm ỷ ở trong lòng.

Thuốc sẵn, thầy hay mà lại có một nữ khán hộ trông nom cho chu đáo như thế, dầu bệnh gì cũng phải khỏi.

Bốn hôm sau, Hoàng Cương đã thiết mạnh, chàng bèn trở lại buồng Bella Như Nhang để từ giã vì mai có việc phải về nhà. Lúc mới bước chân đến cửa buồng, nghe có tiếng đờn cầm thánh thót ở trong. Chàng dẫu tự xưa đến nay chẳng có thời cơ nào mà học những món tiêu khiển thanh tao ấy, nhưng thấy tiếng đàn nó náo nùng ai oán cũng phải đứng lại nghe.

Tiếng vàng xen tiếng sắt, réo rắt

thanh tao như đưa người vào cõi thần tiên mê mộng... Tiếng tơ pha tiếng trúc, rền rĩ nỉ non như ru người vào chốn sâu thành chất ngập. Nếu kẻ biết nghe đàn thì có thể đoán là một khúc “Hoàng cầu phượng” chứ không phải “Phượng cầu hoàng”.

Rút tiếng đàn theo tiếng khóc. Dẫu nó nhỏ như sợi tơ, nhưng cũng có thể tỏ cho chàng biết: Con người đang khóc kia phải đeo một mối sầu vô hạn. Bella Như Nhang sở dĩ tủi thân mà khóc chỉ vì cách đối đãi lạnh lùng của Hoàng Cương trong mấy ngày nay đã làm cho nàng phải tuyệt vọng.

Trước kia, chàng đối với nàng cũng như khách qua đường chẳng qua gặp đồng bào ở nơi quê người đất khách thì trò chuyện dầy thoi. Dần dần thấy nàng có kiến thức hơn người, cử chỉ lỗi lạc,

cũng đem lòng kính nể. Nhưng từ khi ốm đến giờ, thấy nàng xử với mình tử tế quá, chàng cũng rất lấy làm cảm kích. Nên ngày nay, nghe tiếng khóc nào nùng kia chàng mới tỉnh ngộ, chàng hiểu... biết...

Biết rằng yêu chàng, nhưng chàng xét ra chàng chẳng yêu nàng một chút nào cả; thế thì không có thể mang một cái đời hành động tự do trói vào một sợi tơ lòng mà tự mình chẳng muốn mang. Chàng cũng phải cho chàng là thông minh, nhân, trí nhưng những cái nết ấy có đủ đâu? Phải có một tấm lòng yêu, phải có một tấm lòng tín ngưỡng về ái tình, mà chúng đều không có cả! Chàng tự nghĩ: ở đời quý nhất là tấm lòng; một tấm lòng đã chết thì sống cũng như không, có xác mà không hồn, có ảnh mà không hình. Cái thân thể ta ngày nay cũng ví như kẻ thuyền chài kia, ở nơi

biển cả mệnh mông, bỗng gặp cơn bão táp, ta có thể nản chí mà buông tay chèo lái được không? Nam nhi chi, nam nhi chi, cái bảo vật vô giá ấy sao ta nỡ hoài! Đã thế thì ta không thể dối người, dối mình mà coi thường cái đời ta, cái đời nàng được. Nàng đã là người lịch duyệt tài hoa thì cái cách giả ơn người tri kỷ là phải nói thực cho nàng, phải nói thực cho nàng biết thân ta còn nhiều trách nhiệm phải gánh vác... Cái thân làm giai này còn nặng nợ non sông... không thể không giả được...

Chàng gõ cửa vào, thấy dung nhan nàng có vẻ tiêu tụy, cũng ái ngại bèn nói:

– Tôi trông cô hình như mệt lắm, hình dung sút kém lắm, cô phải nên tĩnh dưỡng để bảo trọng lấy sức khỏe. Sức khỏe quý lắm, cô nên nhớ lấy lời một người bạn rất trung thành của cô.

Rồi chàng tủm tỉm cười mà nói tiếp: Giữ được non xanh đó lo gì không có củi đun. Người ta còn sống một ngày nào, còn có quyền được hy vọng ngày ấy. Cái hy vọng ngày nay nó tiêu tán đi thì ngày mai lại có một cái hy vọng khác nổi lên.

Hoàng Cương nói thế là có ý khuyên nàng quên chàng đi, bảo nàng đổi ý kiến đi. Nhưng quên thù, quên oán, quên nhục, quên vinh, chứ quên người yêu thì quên làm sao? Đổi nhà, đổi đất, đổi ruộng, đổi vườn, chứ đổi lòng là một việc mà kẻ tình chung không sao làm được. Nhưng những quan niệm ấy một người chưa biết sự yêu đương như Hoàng Cương nào có biết đâu.

Bella Như Nhang cứ lặng im, Hoàng Cương nói tiếp:

– Trong khi tôi ốm đau, cô có lòng hạ cố đến, thật rất lấy làm cảm kích. Ngày

mai tôi phải về nhà, vậy xin có lời thành thực...

Chàng nói đến đấy thì nàng vội nói:

– Ngày mai thầy về rồi!

Lúc ấy giá có ai rạch máu ra mà thể rằng yêu chàng, chàng cũng không tin bằng câu nói kia vậy. Câu nói kia không phải là câu nói ở cửa miệng, nó là cái vang của trái tim đỏ yêu đường đột xuất ra.

– Vâng, mai tôi có việc phải về, có lẽ từ nay, mấy ngàn hạc nội biết bao giờ cho được gặp nhau nữa, vậy tôi xin có mấy lời đa tạ cái thịnh tình cô đã có lòng săn sóc đến tôi, mà những ngày tôi được gần cô là những ngày sung sướng nhất trong đời lưu lạc của tôi, tôi không bao giờ quên, mà...

Một tiếng khóc chuyển đá vang lên. Bella Như Nhang tiến lại dang hai cánh tay ngọc ngà ra ôm chặt lấy cổ Hoàng Cương mà nói:

– Anh Hai, anh Hai, em nói với anh một lời này mà em xin thề rằng từ trước đến nay em chưa hề nói với ai mà có lẽ từ đây em cũng không nói với ai nữa: em yêu anh, anh có biết chẳng. Có lẽ cái thân em đã rạc rây nhưng...

Nghe đến đấy, Hoàng Cương liền lấy tay bịt miệng nàng không cho nói nữa mà rằng:

– Em Bella, nếu anh yêu em thì cần gì phải biết đến lai lịch em, cần gì phải quan tâm về việc quá khứ. Một cái mình ngọc này, một tấm lòng vàng này, chẳng đủ hay sao, nhưng anh xin thú thực với em rằng: tuy anh có quý em, nhưng không yêu em một chút nào cả. Nếu nhất

đán thành vợ thành chồng, em đem một khối chung tình độc nhất vô nhị mà yêu anh, nhưng trong khi sánh vai kề má, em thấy lòng anh lạnh như băng giá như tuyết, em thấy anh chỉ thương em, quý em mà không yêu em như thế chẳng là đau đớn cho em lắm sao. Nếu anh nghe lời em thì anh sẽ làm khổ cho em sau này vậy. Có lẽ: em nói em yêu anh, chẳng cần anh phải yêu trả lại, nhưng còn như anh, trong lúc em đem cái khí vị rất nồng nàn ấm áp của ái tình bao bọc lấy anh, anh tự thấy lòng mình lạnh lẽo khó khăn, chẳng cũng là khổ tâm cho anh lắm sao. Gia dĩ thân anh còn lắm nợ nần... Anh không thể đem một đời hữu dụng, một tấm lòng son mà khinh suất dùng vào một việc chưa đáng dùng được. Em Bella, em Bella; nếu em có thật yêu anh, em nên nghĩ đến chỗ khổ tâm ấy, nên nghĩ đến cái phận sự làm giai của anh.

Ôi! ích kỷ thay kẻ vô tình!

Mà cũng kỳ quái thay kẻ “trọng nghiệp vong tình!”

Họ coi chữ tình như một món hàng vậy, họ nói chuyện về tình ái như ta bàn những việc doanh thương kể lợi vậy. Họ tưởng ở trên đời còn có những việc đáng thiết tha hơn ái tình!

Thảm thay cho họ! Mà cũng ái ngại thay cho họ. Nhưng một điều ta có thể tha thứ cho họ được, là họ biết quý sự thực, dám nói sự thực.

Bella Như Nhang nghe chàng nói đến đấy rú lên một tiếng mà ngã lăn ra...

Một tuần lễ sau khi về đến nhà, Hoàng Cương nhận được một bức thư, một mớ tóc, một cái ngân phiếu 25000\$000.

Thư rằng:

Hoàng Lang rất yêu mến của em.

Dẫu chàng chẳng nhận thiếp làm vợ, mà tự thiếp thiếp coi chàng như một người chồng muôn năm của thiếp vậy. Khi chàng nhận được bức thư này thì thiếp đã là người thiên cổ, ôm một khối tình chung vô tận xuống chốn tuyền đài. Thiếp xét ra sống ở cõi trần ai nhục thể này mà không được lòng chàng yêu đến thì chẳng còn lẽ gì đáng sống mà cũng không sống được nữa. Thôi kiếp này, phận chẳng lành, duyên chẳng đẹp, thiếp xin cầu đến kiếp sau. Nhưng trước khi thiếp chết còn mong cho người yêu của thiếp được thư tâm mà lo về sự nghiệp. Vậy gọi là món tiền nhỏ mọn, của ít lòng nhiều, cúi xin chàng đoái thương đến thiếp mà nhận cho để cho thiếp được thỏa hồn nơi chín suối.

Sau xin chàng đừng bi tâm gì về cái chết của thiếp, thiếp thật đã vui sướng mà

chết, thật đã vui sướng được hy sinh cái đời vô dụng này cho khỏi bận chí trượng phu vậy. Sau này lúc sự nghiệp đã thành, chàng có giở mở tóc mây, chạnh lòng nhớ đến thiếp lại qua thăm Đế Thiên Đế Thích, chàng trông đồng đá xanh trập trùng mà ái ngại cho “hòn máu đỏ”, than cho một câu: ở chốn này đã có một người quá yêu ta mà chết: Thế là hồn thiếp đã được ngậm cười ở nơi chín suối rồi đây.

Bella

Hoàng Cương xem xong bức thơ, ruột đứt ra từng khúc, chàng phát run cả người như trong khi giờ đông gió rét, ai đem chậu tuyết mà đổ vào người chàng vậy. Chàng muốn mọc cánh mà bay ngay về Đế Thiên Đế Thích.

Lúc bước lên xe chàng còn hy vọng: May ra thì nàng chưa chết.

Xe chạy như bay, ném lại những đồng cỏ mênh mông mà cuốn lấy con đường vô tận...

Lúc bước chân lên thêm khách sạn Angkor-les-Ruines, người bồi chạy ra rầu rĩ mà kể cho chàng nghe:

– Thầy đi được ba hôm thì cô Ba đi xem Phnompakhean, chẳng may trượt chân ngã chết rồi. Thầy tính, gieo mình từ trên đỉnh ấy xuống thì còn gì? Khốn nạn, con người đẹp đẽ như thế, lúc người ta khiêng về, tay chân, mình mẩy nát dừ chỉ còn là một đồng thịt đỏ lòi! Con người tử tế, phúc hậu như thế mà chết một cách thảm thiết như thế, ai mà chẳng phải xót thương.

Người bồi nói xong, khóc nức nở; Hoàng Cương nghe xong câu chuyện choáng váng tê tái cả người như ai đem chiếc búa cái đập lên đầu chàng vậy.

Chàng rít lên một tiếng “ta giết nàng” rồi gục xuống, thổ huyết ra lênh láng...

Lúc tỉnh ra, Hoàng Cương bèn sai người bồi đi mua vàng hương rồi bảo đưa ra mộ. Chàng trông thấy nấm đất còn ươn ướt, những cuống hương đỏ thắm như máu còn cắm ở trên mà chàng như ngây như dại. Ngoảnh nhìn những đỉnh lâu đài lở nhố ở chân gò như những cái dấu hỏi to tướng của thời gian hỏi người trần thế mà chàng tự hỏi: “Ta sống làm gì? Có phải xây đắp những tòa lâu đài nguy nga kia cho ông tạo vật vô tình sau này đập đổ đi không?”

Chàng nghĩ đến đấy mà chàng phải cảm cảnh cho cái thân thế mình, luống lại ngậm ngùi cho cái số phận con người bạc mệnh nằm kia. Rồi nổi: thương, tiếc, quý, yêu, sôi nổi trong chốn bể lòng... Chàng phục xuống trước mồ khóc không ra tiếng.

Những giọt nước mắt thấm đất kia chẳng là những hạt ngọc vô giá của thần ái tình đã bao công mài giũa mới có được sao?

Những giọt nước mắt kia chẳng là những giọt máu đào cuộn cuộn ở chốn bể lòng mà tung tóe ra sao?

Giời nắng chang chang, bao la sắc lửa một màu; bốn bề yên lặng, cảnh tiêu sơ như nặng trĩu một gánh sầu vô hạn...

Trên từng mây xanh biếc, đôi chim giời tung cánh cùng bay mà ở dưới trần...

Chàng thì từ nay lẻ bạn...

Từ nay, chàng phải đeo một trái tim “dập nát” sống ở đời với bọn người vô tình, lãnh đạm...

Từ nay trong trái tim đầm đìa những máu kia, luôn luôn hiển hiện cái hình ảnh rất yêu mến của Bella cũng như cái tinh thần tàn phá rất khốc liệt của Hóa công lúc nào cũng in sâu ở di tích đồ nát thành Đế Thiên Đế Thích kia vậy.

MỘT MỤN CON



Sáu giờ hai mươi phút... Bác sĩ Tùng, tay cắp một cái gói, ở trên xe hơi bước xuống, vội vã lên thêm. Cánh cửa sẽ hé, một khuôn mặt nõn nà thùy mị hiển hiện ra...

– Sao cậu đi làm về trễ thế, em chờ nóng cả ruột.

– Tôi còn ra hàng Đào mua cái này cho mợ, thứ hàng này may áo đẹp lắm. Trắng như mợ mà mặc áo mùi này thì trông nổi lắm.

Bà Bác sĩ Tùng sẽ đưa tay ra cầm lấy gói hàng nhưng chẳng có vẻ gì là sốt sắng, chẳng có vẻ gì là vẻ vui mừng, rất đáng yêu mà rất đáng ghét của một người đàn bà ưa làm đom lại được đức lang quân sẵn lòng vun xới cho cái đức tính dễ thương ấy.

– Em còn bao nhiêu là áo, cậu lại cứ mua thêm mãi rồi để không dùng đến, mục nát có phải phí tiền không?

Bà nói xong thở dài. Bác sĩ có vẻ buồn, nâng niu đỡ vợ ngồi xuống ghế rồi bảo :

– Sao mợ cứ thở dài làm vậy, mà ít lâu nay mợ cứ buồn rũ ra thế. Mỗi lần

tôi mua thứ gì cho vợ trang điểm, vợ cũng không vui là nghĩa làm sao ? Thế vợ không muốn trang sức cho đẹp cho tôi yêu vợ à ? Thế vợ không yêu tôi sao ? Hay tôi đã làm điều gì khiến cho vợ buồn ?

– Thiết tưởng chẳng cần phải nói, cậu cũng đã thừa biết bụng em, còn như cái tình cậu đối với em thì em dù ngu dại đến đâu cũng phải biết. Em biết cậu yêu em lắm chứ.

Mối sầu tích lũy bao lâu nay như đã chôn sâu vào tim gan mà một vài câu nói âu yếm của vợ không thổi bay đi được, Bác sĩ bèn nói:

– Thế sao lúc nào vợ cũng buồn ? Vợ có biết tôi trông thấy vợ buồn, tôi đau đớn lắm không?

Như không dần nổi nổi lòng, Bác sĩ lại nói tiếp :

– Tôi khổ lắm ! tôi khổ lắm ! Tôi quý vợ, tôi yêu vợ, tôi thấy vợ cứ buồn rầu ủ rũ ra như thế mà không cách gì làm cho vợ vui vẻ với tôi được thật đau xót cho tôi biết là bao ! Nếu vợ có yêu tôi được một phần tôi yêu vợ, thì vợ sẽ thấy biết nỗi đau đớn của tôi. Mà lạ sao mỗi lần, tôi đưa vợ đến chơi nhà chú Xuân là vợ lại buồn thêm, là ý nghĩa gì ? Chú thím đều yêu quý vợ lắm, nâng niu như trứng như hoa. Cái gia tài mấy mươi vạn đã viết chúc thư để cả cho vợ. Mỗi lần vợ đến chơi, chú thím sẵn đón, giữ cho được vợ ở lại ăn cơm mới bằng lòng. Tôi còn nhớ, năm ngoài vợ yếu, thím ngồi đầu giường trông nom, nâng giấc vợ thâu đêm suốt sáng mà chẳng biết mỏi mệt, tôi thiết tưởng cha mẹ vị tất đã thương con được đến thế. Mà sao,

mỗi lần tôi rủ vợ đến thăm chú thím, vợ lại hình như miễn cưỡng mà đi. Hay chú thím đã làm gì méch lòng vợ? Trong tám năm giờ này, vợ chồng ta ăn ở với nhau, không một phút nào tôi không đem hết tấm lòng để yêu vợ, tôi thật dám nói quyết rằng chưa có một người chồng nào cư xử với vợ được như tôi. Tôi thấy vợ buồn, tôi đã tìm hết cách để giải buồn cho vợ, mong một ngày kia cái buồn ấy sẽ vì tấm lòng tôi yêu quý vợ mà tiêu tan đi, nhưng khổ thay mọi cách đều vô hiệu cả. Bấy lâu tôi vẫn cứ ngỡ rằng không dám hỏi duyên cớ vì đâu, nhưng ngày nay chẳng nhẽ thấy vợ cứ một ngày một khô héo đi mà đành khoanh tay ngồi nhìn hay sao ? Hoặc giả vợ có điều gì ức uất vì cảnh ngộ mà không nói ra được chẳng ? hay có điều gì bí mật nó làm cho vợ đau xót âm thầm mà vợ còn giấu tôi, vợ cứ nói thực, tôi xin thề với vợ; nếu

phải hi sinh cái đời tôi chẳng nữa để lấy lại được sự yên vui cho mẹ, tôi cũng vui lòng hi sinh ngay.

Bà Bác sĩ Tùng nghe chồng nói, cảm động, bèn ôm đầu chồng sẽ lấy tay vuốt tóc mà trả lời :

– Em chẳng có điều gì ước uất cả, cậu chẳng làm gì cho em buồn cả. Từ hôm em bắt đầu làm bạn với cậu, cái tối hôm ấy cậu còn nhớ không? Em còn nhớ lắm, em nhớ mãi. Tối hôm ấy cậu thể với em lúc nào cậu cũng sẽ là một người tình nhân rất âu yếm của em, lúc nào cậu cũng sẽ là một người anh cả che chở cho em. Từ bấy đến nay không một phút nào cậu đã xao nhãng cái trách nhiệm ấy, không một phút nào quên lời hứa ấy. Còn về phần em không một phút nào em không cảm ơn ông Nguyệt Lão đã se cho em được làm vợ cậu. Em thiết tưởng được

người chồng như cậu, cái hạnh phúc một đời em thế, là đầy đủ lắm. Nhưng vì sao em vẫn buồn, em xin thú thực với cậu, em cũng không biết đích là nó phát sinh ra bởi đâu ? Tự bao giờ? Em biết lắm, em biết em buồn thì cậu cũng không vui nào, cậu cũng đau khổ vì em. Em muốn dữ nó đi mà dữ không được. Em nhớ mang máng có lẽ em bắt đầu buồn từ khi cậu đưa em đến thăm người bạn học của em là bà Phán Lộc. Em còn nhớ hôm ấy lắm. Hôm ấy, bà Phán Lộc nằm ở trên giường, thằng Minh, con Yến là hai đứa con bà quần quít ở bên mình. Em còn nhớ thằng Minh nó thấy cậu lại khám bệnh cho mẹ nó, nó bảo :

– Ông Đốc đến xem bệnh cho me tôi đây à ? ông cố chữa cho khỏi ngay «lập tức» đi nhé, rồi tôi cho ông cái súng bắn ruồi của tôi "cừ" lắm cơ, bắn một phát mà chết được những hai con ruồi cơ.

Con Yến nhí nhéo nói thêm:

– Rồi tôi cũng cho ông con «búp bê» to sù của tôi nữa, tôi cho ông ăn cả kẹo nữa.

Cậu có biết cái súng bắn ruồi, miếng kẹo, con búp bê đối với con trẻ là thế nào không ? Là vũ trụ, là thế giới của chúng đấy. Thế mà chúng chẳng tiếc, sẵn lòng đem biếu cậu, mong cậu chữa cho me chúng khỏi bệnh. Chúng mới một tí tuổi đầu mà đã hiểu thảo làm sao ! Trông mới kháu khỉnh, ngộ nghĩnh dễ thương làm sao ! Giọng nói thành thực, thấm thía như rót vào tai đã kêu gọi cái cảm tình mẫu tử nó còn ẩn hình nấu bóng ở trong lòng em. Em trông chúng cười, nghe chúng nói, chạnh nghĩ phận mình hiếm hoi mà em ứa nước mắt. Cặp đến lúc cậu lại khám bệnh cho bà Phán, chúng nó đứng cạnh, nhìn mẹ, im thin thít, như

có ý hồi hộp, bồn khoăn, lo sợ. Sau thấy cậu nói chỉ vài hôm nữa là khỏi, chúng mừng quýnh, múa lên :

– À me sắp khỏi rồi, me sắp khỏi rồi.

Rồi chúng nhảy lên bá cổ cậu mà hôn. Nhưng có phải chúng hôn cậu đâu? Chúng nó hôn, hôn cái người nói mẹ chúng nó sắp khỏi đấy chứ. Chính vì chúng nó yêu mẹ chúng nó mà cảm ơn ông thầy thuốc đã chữa khỏi bệnh cho mẹ chúng nó đấy. Nhưng chúng chưa đến tuổi biết dùng những câu cảm ơn rườm rà mà vô vị như mình đâu, chúng chỉ hôn để thay lời. Những cái hôn ấy tiêu biểu cho sự biết ơn thành thực nó phát sinh ở trong trái tim băng tuyết của chúng mà ra. Em ngồi trông chúng chạy, nhảy, đùa, nghịch mà em ngao ngán cho cái phận em. Em thấy thằng Minh nó gọi con Yến lại bảo :

– Me đến mai thì khỏi hẳn đấy ; rồi mẹ đi ra phố hàng Ngang mua lụa may áo cho mày đấy, rồi me đi "Gô đa" mua "cả" một cái tàu bay cho tao đấy. Cái súng bắn ruồi tao định đem cho ông Đốc, me phải mua một cái súng "cháy phá" đèn cho tao cơ.

Rồi nó lôi em nó lại, bắt ngồi lên ghế, nó giả tảng làm ông thầy thuốc, cũng bắt mạch, cũng gõ xương, cũng nghe ngực. Không có cái khăn «sà vệt», nó lấy cái khăn bàn to tướng choàng lên lưng em nó, rồi nó áp má vào ngực nghe ngóng, hết như cậu khám bệnh cho bà Phán Lộc. Nó lại bắt em nó lè lưỡi cho nó xem, rồi nó giơ ngón tay trở lên gần mồm nó, khua khuấy, làm bộ dọa dọa lắp bắp nói gì em chẳng nghe rõ, nhưng chắc câu nói của nó thú vị lắm nên em nó mới cười sằng sặc. Ôi! cái cảnh tượng mới nên thơ!

Ông Hóa-công mới khéo vờn nên bức tranh tuyệt hảo ! Em chẳng biết cảnh thần tiên ra thế nào, nhưng cũng thần tiên đến thế là cùng. Từ đấy em lại nhà chú thím trông thấy chú thím già cả, cô đơn, hai ông bà cứ ro ró ngồi nhìn nhau im thin thít nên em thương mà em buồn, em không muốn mục kích cảnh thương tâm ấy, nên em không muốn lại chơi chứ có phải em không biết lòng chú thím thương yêu em đâu. Cái cảnh cô độc không con trong khi tuổi già mới nào nùng bi ai quá đỗi! Em đem sánh cái hoàn cảnh vợ chồng bà phán Lộc với cái hoàn cảnh của chú thím thì tuy vợ chồng bà ấy có nghèo hơn nhưng sung sướng hơn chú thím nhiều lắm, gấp mấy có những kho tiền vừa thóc như chú thím. Em lại chạnh lòng nghĩ đến cảnh vợ chồng ta lúc trở về già thì sẽ ra làm sao ? Có lẽ cũng phải chịu một cảnh hiu

quạnh, ai oán như chú thím mà thôi. Vì thế mà em lo, mà em buồn. Nếu giời cho em một đứa con thì dù có bắt phải đem cái gia tài của chú thím để lại cho em mà đổi lấy, em cũng xin vui lòng mà đổi ngay lập tức.

– Chú thím hiếm hoi là số giời đầy chứ.

– Nếu cậu nói thế thì có phải giời bắt chú thím phải khổ sở không?

– Giời cho chú thím giàu có, lại bắt chú thím không con, đó cũng là một lẽ thừa trừ, suy đi bì lại cũng thế thôi.

– Không, không, tiền của mà đem so sánh với con cái làm sao được, một đảng sướng mà «sướng khổ», một đảng khổ mà «khổ sướng». Em thiết nghĩ thà giời bắt nghèo nàn mà cho đông đàn còn sung sướng gấp mấy cho giàu có, mà bắt

phải hiểm hoi. Giá vợ chồng mình mà có được một mụn con thì...

– Vợ chồng mình còn trẻ trung đã lo gì... ?

– Cậu bảo không lo à, em với cậu lấy nhau tám năm giờ nay, đương lúc khí huyết sung túc mà còn chả sinh đẻ, đến sau mỗi tuổi mỗi già, hòng gì?!

– Có lẽ tại mợ cứ buồn rầu, nên khí huyết suy kém mà ra thế đấy, mợ vui vẻ đi, chẳng chóng thì chầy rồi cũng sẽ được bế con.

– Không có lẽ, trước kia em khỏe mạnh biết bao, vui vẻ biết hao, em mới buồn ít lâu nay đấy chứ, có lẽ tại cậu trước kia chơi bời lắm, mắc bệnh tật mà sinh ra thế chẳng. Không phải em trách móc gì cậu đâu, đàn ông lúc trẻ trung ai mà chẳng chơi bời, nhưng nếu có bệnh

thì phải chữa cho khỏi đi, cho tuyệt... đi, nếu cậu không chữa cho cậu khỏi được thì cái bằng Y khoa bác sĩ chuyên môn... của cậu dùng để làm gì ? ích cho ai ?

– Tôi biết chắc bây giờ tôi không có bệnh tật gì cả. Tôi xin lấy cái danh dự một ông thầy thuốc mà thề với mọi người như thế.

– Thế tại làm sao em không sinh nở gì? Tại làm sao ? Hay là giờ bắt em phải hiểm hoi. Cậu có biết em buồn mà chết đi được không. Mỗi khi cậu đi làm vắng, em ở nhà một mình, hết đi, lại đứng, hết đứng, lại ngồi, thui thủi một mình. Cái nhà này rộng rãi quá ! sạch sẽ quá ! lộng lẫy quá ! lạnh lẽo quá ! Em muốn cho nó chật hẹp, đơn sơ, bừa bãi, âm ỹ như nhà bà phán Lộc. Em muốn cho trong nhà này có một đứa trẻ nó đùa nghịch, nó kêu gào, nó vùi quấy, nó đập phá, nó bày biện đồ chơi bừa bãi ra đây để cho em

dễ dành nó, để cho em nường niu nó, để cho em hầu hạ nó, để cho em được nghe tiếng kêu gào của nó, để cho em được trông nét mặt hồng hào vui vẻ của nó. Cậu ơi, cái tử to lớn kia, bộ sa-lông đẹp thế này có giúp gì cho sự lạc thú của vợ chồng mình đâu ? Trong nhà này phải có một quả tim "nhỏ xíu" nó thương yêu vợ chồng ta cũng như thằng Minh con Yến nó thương yêu mẹ nó thì em mới hết buồn được, em mới biết sống làm vui được. Cậu thấy em buồn rầu, cậu ép em đi nhảy đầm, ép em học đánh quần, học đánh ping-pong, cậu đưa em đi Đồ-sơn, Tam-đảo, đi vãng cảnh các nơi danh lam thắng tích, em phải chiều lòng cậu mà nghe theo đó thôi, chứ em chẳng thấy gì là thú cá, chẳng biết gì vui cả. Nếu có một mụn con thì dù có phải ngồi một xó mà bồng bế nó, mà tắm rửa cho nó, mà khâu quần, vá áo cho nó, săn sóc hầu hạ nó, dù có phải đói rét em cũng vui lòng

mà chịu. Giả dụ ngay lúc này đây, đang lúc cậu ôm em, yêu quý em như thế này, mà có một đứa con cưng của chúng ta nó chạy nhảy đùa nghịch ở trước mặt, nó bi ba bi bô, gọi em, gọi cậu ; cậu trông thấy nó, cậu yêu nó vì nó là máu mủ của em, cậu yêu em vì em là người mẹ của nó, em lại càng yêu cậu vì nhờ cậu mà em đã được cái sung sướng là mẹ một đứa con kháu khỉnh như thế. Ví được thế, có phải sự lạc thú của vợ chồng ta đã đầy đủ rồi không. Lúc ấy, giả ông già độc địa có ném em vào thành sấu, biển thẳm em dám chắc em cũng không biết buồn là gì, mà có lẽ cậu cũng thế. Giả dụ đấng Cao-siêu lại quá thương vợ chồng ta mà cho được hai mụn con, một gái một trai chẳng hạn, em sẽ đặt tên chúng nó là thằng Loan, con Phượng, giả dụ lúc vợ chồng mình đang ngồi trên cái divan này mà thằng Loan con Phượng yêu quý của chúng mình nó múa mên, nhảy nhót ở

chung quanh thì vui sướng biết bao. Giả dụ chúng nó chòng nhau, đánh nhau rồi khóc ầm ỹ, vợ chồng mình vội vã chạy lại can, cậu ôm lấy con Phượng, em bế lấy thằng Loan, rồi chúng mình thi nhau dỗ dành cho chúng nó nín, rồi chúng mình họp nhau lại phân xử cho chúng nó, rồi chúng mình mắng yêu chúng nó, rồi cậu giả vờ làm ra mặt nghiêm nghị giảng luân lý cho chúng nghe. Em dám đoán với cậu, nếu có phải xử những cái kiện thú vị như thế, em sẽ là một vị quan Tòa giỏi, không thiên tư đâu.

Nói đến đây, bà Bác sĩ thở dài. Cái thực tế lạnh lẽo bao bọc chung quanh mình bà như đã đánh tan cái mơ màng thần tiên ấm áp nhưng hão huyền mà bà hàng ngày mong ước, bà như có vẻ tiếc rẻ mà nói tiếp :

– Một mụn còn chưa có, lấy đâu được

hai mà hòng kiện với cáo, mà hòng ôm Loan bế Phượng!

Bà lại ôm chặt lấy chồng mà rên rĩ :

– Cậu ơi, sao giờ lại không cho vợ chồng mình một đứa con để yêu thương nó nhỉ ? Sao giờ lại bắt vợ chồng mình phải chịu một cảnh hiu quạnh, buồn rầu như thế này nhỉ?

Hai hàng nước mắt nó là hai dòng máu của trái tim những kẻ phải đeo một cái đời cô độc buồn tẻ, một cái đời không hậu vận, không hi vọng cứ cuộn cuộn mà tuôn ra...

Nghe những lời nói ầm áp thấm thía nó phát lộ ra ở cõi lòng một người từ mẫu, trước cái tính «giản dị» của một người vợ hiền chỉ cầu nguyện có một mụn con để mà yêu, để cầu lấy vui mà sống, nghe những tiếng gọi của một trái tim trong

sạch nó đang sôi nổi về những lẽ chính đáng, êm đềm, thiết tha cho sự sống thần tiên ở đời, đứng trước một người đàn bà chí nhân, chí hiền như thế, Bác sĩ Tùng như thấy mình kém hèn khốn nạn, kém hèn vì không có một cái nguồn đạo đức xán lạn như thế, khốn nạn về cái dĩ vãng ích kỷ chỉ biết có cái thú tục tũn của lòng dục dề hèn. Bác sĩ thấy mình xấu xa dơ dáy không dám nhìn thẳng vào mặt vợ dường như xấu hổ, cái xấu hổ của một kẻ hèn mạt đứng trước một người có những đức tính thanh cao hơn mình. Lương tâm đang mờ ám, đang say mê như vùng dậy, sáng sủa, sáng sủa bởi cái ánh sáng đạo đức của người vợ hiền nó chiếu vào. Bác sĩ thấy lương tâm cắn rứt, nặng trĩu một tấm lòng hối hận, đau đớn, mà nỗi đau đớn sinh ra bởi những điều hối hận ấy chỉ có một cách là thú hết tội tình mới mong giảm bớt đi được, mới mong xứng

đáng được một đôi phần với tấm lòng bằng tuyết của con người ngọc ngà ngời cạnh . Bác sĩ bèn đứng dậy, nắm chặt lấy tay vợ mà nói :

– Em Lan, nghe em nói, anh mới biết, anh là một thằng khốn nạn, không đáng sánh với em một chút nào cả. Em nghe, nghe anh nói cho hết, anh xin thú thực hết tội lỗi cùng em. Anh là một người tình nhân đê hèn, một người cha mặt kiếp. Anh đã đánh lừa một người con gái còn dại dột, dại dột vì đã quá yêu một thằng khốn nạn như anh, anh có con mà anh đã bỏ con, anh không nhìn nhận gì đến...

– À thế ra...

– Yên, em cứ để yên anh nói hết cho em nghe. Trước khi anh chưa sang Tây, còn đang học ở Cao-đẳng, anh có dạn dít với một người con gái mà cái địa vị

trong xã hội lại thấp hơn cái địa vị của anh; người ấy đã quá nghe lời đường mật đem giao phó một đời trinh bạch cho anh. Cập đến lúc có mang được bốn tháng, anh bỏ, anh bỏ chẳng đoái hoài gì đến nữa, đứa con kia lúc đẻ ra, anh cũng chẳng nhìn nhận, bù đắp gì cả.

– Thế bây giờ mẹ con người ta ở đâu, sống hay chết? .

– Khi anh ở Tây về, nghe bạn bè nói chuyện người ấy đã chết, người ấy vì buồn rầu mà chết, chết vì anh.

– Còn đứa con?

– Đứa con thì lúc ấy chưa chết, nhưng đã chín năm nay anh cũng chẳng biết nó ở đâu, sống hay chết.

– Thế từ bấy đến nay, cậu cũng không dò la tin tức gì về nó cả à ?

– Không.

– Thế sao cậu không nói chuyện với em.

– Anh sợ dĩ không dám nói là vì anh không muốn đem những việc đê hèn ấy làm cho lạnh nhạt cuộc tình duyên đương đầm ấm của đôi ta.

Bà Bác sĩ Tùng nghe đến đấy giận quá, vùng đứng dậy, người run lẩy bẩy, vẻ thất vọng đau đớn hiện ra nét mặt, bà nói – câu nói như ở trong tâm hồn nó bay ra:

– Cậu ! Cậu ! Cậu! Cậu nhẫn tâm thật, cậu sánh vai kề má với em trong tám năm giờ nay, một việc bí mật ghê gớm như thế không nói cho em biết, mà cậu bảo cậu yêu em! Cậu không dám nói với em là vì cậu không tin lòng em, cậu không tin em là vì cậu không biết rõ em

là hạng người thế nào. Cậu đã không tin em, không hiểu em mà cậu dám bảo là cậu yêu em, mà cậu cho cuộc tình duyên đôi ta là đầm ấm. Ôi! Cậu chỉ là một quân nói dối. Cậu dối cậu, cậu dối em. Cậu thấy em buồn, cậu ép em đi xem chớp bóng, đi nhẩy đầm, cậu mua các đồ trang sức cho em. Ôi, cậu không biết em! Em có phải là hạng người chỉ đem cái mặt ra làm trò hề cho hộp phấn thời son đâu! Em có phải là hạng người chỉ vác cái mặt nạ trơ trên ấy ra làm trò vui cho thiên hạ đâu? Thân em có phải là cái giá áo chỉ để cho người ta treo những lụa Bombay, nhiều Thượng-hải lên đâu ! Em có phải là con «chó đói» của nhà nhẩy đầm, rạp chớp bóng đâu? Thân thể em có phải một thứ «đồ chơi» để cậu đem tô điểm cho thật đẹp rồi cậu ngồi cậu nhìn, cậu ngắm cho hả cái lòng dục đê hèn của cậu đâu ? Không, không em chỉ là một người

«đàn bà», lấy chồng để yêu chồng, mong có con để yêu con. Em chỉ biết có một việc yêu chồng, yêu con là cái lạc thú đệ nhất ở trên đời mà thôi. Ôi! có lẽ em chỉ là một con ngu ngốc, một con «nhà quê», nhưng giờ đã sinh ra như thế, phó cho những đức tính như thế đấy, em biết làm sao...?

Cậu có biết em yêu cậu thế nào không? Em yêu cậu mà em yêu lây đến hết cả «mọi cái» nó dính dấp vào đời cậu, em thương đến cả đứa con «bỏ rơi» kia nó là máu mủ của cậu nữa. Ôi! cậu ! cậu ! cậu là một con người nhẫn tâm quá! Cậu đem nỗi hăm oan gieo cho người chết, cậu đem nỗi nhục nhằn buộc cho người sống.

Bác sĩ Tùng nghe vợ nói, tưởng chừng như đương đứng trước mặt một vị thần «bác ái» đang lấy tấm lòng bác ái kia mà

xử tội mình, mà cảnh tỉnh cho mình, Bác sĩ bèn quỳ xuống, nước mắt ràn rụa, ngừng mặt lên trông vợ mà khẩn cầu :

– Em Lan, xin em yêu anh, thương anh mà tha tội cho anh.

– Tha tội cho cậu à ! Em không có quyền. Chỉ có người bạc mệnh cùng đứa con bơ vơ kia có thể tha thứ cho cậu mà thôi. Ôi ! Yêu thương cậu, cậu có lấy cái chân chính ái tình mà yêu thương em đâu? Nhưng em cũng chẳng vì thế mà không yêu thương cậu được. Ngày nào mà em dứt được cái lòng yêu thương cậu là ngày em đã phải từ giã cõi đời này vậy. Nhưng đau đớn, xót xa, thảm khốc như thế này, cậu bảo em sống làm sao được. Em dựa vào nguồn lạc thú gì để sống?! Sống, thấy cậu là một kẻ tội lỗi mà không có cách gì gột rửa cho cậu được, thì phỏng sống làm sao?

Bà nói đến đấy, ruột gan bà như bào như xé, nổi xót xa đau đớn nó đang sôi nổi ở chốn bể lòng vùng đưa lên chen lấy họng, bà muốn nói mà không sao nói được nữa, chỉ ôm chặt lấy chồng mà khóc nức nở. Bác sĩ cũng chỉ khóc mà không biết nói làm sao.

Một lúc lâu, bà lại bảo với chồng :

– Cậu có muốn cho em sống để yêu cậu không?

Bác sĩ chỉ gật đầu mà không nói.

– Thế thì cậu phải cố tìm cho thấy đứa con của cậu. Một cái sức bí mật thiêng liêng, có lẽ là cái hồn anh linh của mẹ nó bảo cho em biết: nó chưa chết đâu, nó bây giờ đang bơ vơ khốn khổ, nó bây giờ đang phải chịu những nỗi nhục nhằn, điều đáng mà lòng ích kỷ khốn nạn của cậu đã bắt nó phải mang. Cậu

phải cố tìm lấy nó đem về đây cho em nâng niu nó, cho em yêu quý nó, để săn sóc lấy nó, để đùm bọc lấy nó, họa chăng con người bạc mệnh hàm oan ở nơi chín suối kia mới hài lòng mà tha thứ cho cậu được, họa chăng giờ mới ngoảnh lại thương đến em mà cho em vui thú với cậu được. Phải có tấm lòng nó thương yêu em thì em mới sống mà thương yêu cậu được, có thể thì em mới sống mà ăn đời ở kiếp với cậu được... Cậu đừng sợ em ghẻ lạnh đâu ? Không, không.

Nói đến đây, bà sẽ nhắm mắt lại, nói tiếp:

– Ngay lúc này, em tưởng chừng như nó đã bước chân vào đây. Nó rách rưới, gầy còm lắm. Em sẽ lấy máu thịt của em bù đắp vào cho nó, em sẽ đem bán hết những vàng, ngọc, kim cương vô vị này mà may mặc cho nó, em sẽ lấy cái tình

của mẹ nó yêu nó mà thương lấy nó. Em sẽ cố gây dựng cho nó một cái tương lai rục rỡ. Em sẽ yên trí nó là đứa con em đẻ ra mà nó cũng sẽ coi em như mẹ đẻ của nó vậy. Cậu ơi, cậu yêu em, em yêu cậu, chưa đủ đâu, phải có một cái giây tình ái thứ ba nó kết chặt giải đồng tâm của đôi ta cho đến lúc đầu bạc răng long. Phải có một đứa con để nó yêu chúng ta cũng như chúng ta đã yêu nhau vậy. Phải có một đứa con để khi chúng ta già yếu nó sẽ lấy cái tình "lúc nào cũng trẻ trung" của nó mà yêu chúng ta. Cái tình vợ chồng yêu nhau cũng có ngày "già" đi, "cỗi" lại chứ cái tình con yêu cha mẹ, cái tình cha mẹ yêu con không bao giờ "già" đâu cậu ạ. Bây giờ, bây giờ cậu đã hiểu tại làm sao em cầu mong có mụn con chưa?

CHỈ VÌ ĐIỀU THUỐC LÀO



Giăng sáng...

Trên cung quế, chị Nguyệt đang uốn éo để phô tươi, phô đẹp với khách trần thì ở dưới vòm giời, ông thần Khoa-Học hình như ghen ghét đã phủ vây chốn đế

đô bằng muôn đạo hào quang khiến cho khách Thăng-long không sao có thể biết hết được cái vẻ đẹp của một đêm trăng rằm.

Tôi vừa đi, vừa ngắm cảnh, vừa nghĩ ngợi thì đã đến trước một tòa nhà nguy nga. Trong một gian phòng rất lịch sự, trang hoàng một cách tối tân, tôi đã thấy Trương-Sinh ngồi đấy. Anh em gặp nhau, tay bắt mặt mừng, Trương Sinh đẩy hộp thuốc lá thơm lại mời tôi hút rồi vốn vã hỏi:

– Chị và cháu có mạnh khỏe không? Sao anh không đưa chị và cháu lại chơi tôi, tôi đến anh hai lần, anh đều đi vắng cả, nên tôi phải viết thư...

– Khi bắt được giấy thì nhà tôi còn bận về quê ăn cưới, thôi để bận khác, anh còn ở đây lâu, chứ đã vào Saigon ngay đâu.

– Tôi định ra ở luôn Bắc-kỳ, nên tôi mới tậu cái nhà này. À thế, chị đi ăn cưới ai ở Hải-phòng?

– Ăn cưới con gái bà Thái-Long lấy Tham Trần làm ở Tòa Đốc-lý, anh cũng quen đấy chứ. Nghe đâu cô dâu có mấy gian nhà gạch và mấy nghìn bạc vốn kia đấy. Thế nào, còn anh? Cũng phải mau mau cưới vợ đi, để vợ chồng tôi đến ăn cỗ chứ? Thôi, vừa giàu có, vừa lịch sự như anh, nhòm món nào mà chẳng xong.

Tôi vừa cười, vừa nói, bạn tôi có vẻ ử rũ mà bảo tôi:

– Tôi à? Tôi quyết không bao giờ lấy vợ, mà tôi chưa hề bao giờ nghĩ đến sự lấy vợ cả.

– Thế anh nhất định ở vậy à? Gần 30 tuổi rồi mà không vợ, tôi chịu cái

gan anh. Tôi thì tôi không thể thế được. Tưởng tượng buổi sớm dậy không có một cái nụ cười nó khiến cho mình vui vẻ mà làm việc, thì ở trong đời này, anh tính cái sống còn có ý vị gì nữa?

Bạn tôi nghe tôi nói, mỉm cười một cách chua chát cay độc mà bảo tôi rằng:

– Nghe anh nói thì hình như đàn bà đều là một giống tiên cô ở động Thiên-thai cả. Họ có thể khiến cho chàng Lưu, chàng Nguyễn ngửi thấy mùi nhang xạ mà quên bằng cái khổ trèo đèo lặn suối đi được. Phải, má phấn, môi son thì thú thật. Nhưng anh có biết cái vật gì nó nấp ở trong những đồng thịt trắng trẻo, mồm mĩm ấy không ? Những đồng thịt kia khiến cho ta khoái trá nhất thời được, thì ta cứ việc hưởng, nó có thể khiến cho ta quên sự đau đớn thì ta cứ việc vui; nhưng nói rằng những đồng thịt ấy là cái

ý vị cho sự sống thì tôi còn ngờ lắm.

Xưa nay, tôi vẫn tôn quý phái yếu, nay thấy bạn tôi bình phẩm họ một cách quá đáng như vậy, tôi bèn sốt sắng bênh vực.

– Sao anh lại có cái ác cảm với bọn nữ lưu thế? Họ chính là cái mục đích khiến cho ta sống, mà bắt ta phải sống. Tôi không phải viện những lý thuyết đâu xa, anh hãy quay lại cuộc đời dĩ vãng của anh thì anh sẽ thấy sự thực nó hiển hiện ra mà bênh vực cho phái yếu. Có lẽ bây giờ những của cải của anh đã làm cho lòng dạ anh khô khan, không còn gì là cái khí vị rất nồng nàn mà lại rất đáng yêu của cái tuổi thanh xuân nữa. Nhưng tôi, tôi là một thằng nghèo xác, ngồi nói chuyện với anh đây, tôi thề rằng, tôi đổi ngay cái tòa nhà nguy nga lộng lẫy này, lấy một túp lều tranh và một tấm lòng;

mà biết đâu, túp lều tranh kia, tấm lòng kia lại chẳng đem lại cho ta những cái lạc thú mà ta không thể tìm thấy được ở trong tòa nhà nguy nga này. Nghèo như tôi, tôi rất lấy làm ái ngại cho anh mà tôi lại có quyền phàn nàn thay cho một người giàu sang như anh. Anh nhầm, anh nhầm to, anh chỉ xét cái vật chất bề ngoài mà bỏ cái tinh thần rất nhu mì, hy sinh của người đàn bà...

Tôi nói đến đây, bạn tôi vùng đứng dậy nói lấp ngay:

– Anh nói tinh thần à? Cái tinh thần của đàn bà chỉ là cái tinh thần của giống sài lang. Hy sinh à! Lòng hy sinh của con mụ Tú. Giá lúc nãy, anh nói với tôi: « con gái nhà Thái-Long đã đem đổi mấy gian nhà, mấy nghìn bạc, lại các cả người, để lấy cái tiếng “bà Tham”, mà cậu tham Trần đã đem cái bằng tham biện mà “truy” được mấy gian nhà, mấy nghìn

bạc thì đúng hơn là anh nói: “cậu tham Trần đã cưới con gái bà Thái Long”. Anh nên biết, đời nay, họ có cưới người đâu? Họ chỉ cưới nhà gạch, cưới hoa hột, cưới tiền tài, cưới cái danh tham biện, cái hàm tri huyện mà thôi. Anh bảo tôi ngoảnh lại cuộc đời dĩ vãng của tôi ư? Tôi càng quay lại chừng nào thì tôi lại càng phải công nhận những lời tôi nói với anh đây là những chân lý bất khả di dịch cả. Phải, khi tôi còn hai mươi tuổi, tôi cũng nghĩ như anh, là tôi cho ở đời này, cái vật mà đáng yêu quý hơn cả là người đàn bà. Tôi cũng nghĩ rằng ở trong cõi đời khổ ải này, mà không có một nụ cười tươi tỉnh thì ta tội gì mà đeo lấy cái khổ. Mà khổ thật! Một giọt nước, một luồng gió, một con sâu, một con muỗi có thể làm cho ta chết được. Ta mới sinh ra, ông Tử-thần đã xô ta sống sộc xuống chỗ vực sâu hang thâm, mà mỗi một phút trong đời ta, ta phải dùng hết tinh thần, hết sức mạnh

để chống chọi với cái “chết”. Khổ chưa! Đây là những cái hữu hình, còn biết bao nhiêu cái vô hình nói ra khôn xiết. Sống như thế mà không có một cái nguồn an ủi thì sống để làm gì! Phải, trong lúc thiếu thời, tôi cũng ước ao một đêm giảng như đêm nay, ta cùng người yêu, tay cầm tay, để cùng hưởng lấy những cái vui, cái đẹp của tạo vật; dạ một dạ để cùng nếm, cùng trải cái sướng, cái khổ của đời “tục lụy” này, nhưng... nhưng ngày nay những cái ý tưởng ấy tôi cho là những cái mộng tưởng hảo huyền, những cái "mê mộng sọt rác" của một thằng bé chưa hiểu việc đời, chưa biết bụng người .

Bạn tôi nói đến đây, có vẻ mệt, ngừng lại, tôi liền hỏi:

– Thế tại làm sao anh lại đổi ý kiến như thế, những ý kiến ấy mới là...

Bạn tôi không để tôi nói dứt vội tiếp:

– Là những ý kiến của thằng ngu, thằng xuẩn.

Giọng nói của bạn tôi có vẻ quả quyết hình như trong có ẩn một sự bí mật gì, khiến tôi tò mò, muốn biết sự bí mật ấy mà tôi đoán chắc rằng những lúc mà cái nguồn cảm giác ở trong lòng con người ta đã bùng bột lên đến thế, thì thế nào cũng phải phát lộ ra, tôi bèn chẳng cãi lại, tôi chỉ hỏi:

– Thế vì đâu mà anh đổi ý kiến như vậy?

– Vì đâu à? Anh hỏi vì đâu à? Ôi, chỉ vì có một điều thuốc Lào thôi.

Tôi nghe bạn nói, từng hứng.

– Anh ngạc nhiên à, chỉ vì điều thuốc Lào, hay chỉ vì cái kết quả của điều thuốc Lào thì đúng hơn.

Bạn tôi nói đến đấy, lại nói sang đầu đề khác, khiến tôi chẳng hiểu ra làm sao, nhưng tôi cũng vẫn ngồi im để nghe.

– Anh có nghiện thuốc lào không? Nếu anh có nghiện thì anh mới biết cái khoái của nó. Lúc sáng dậy, tôi hút một điếu thuốc lào thì tôi tưởng tượng như những bộ phận trong người tôi dừng cả lại, nó đưa tôi vào một cõi đời say sưa mê mộng mà vui thú hơn...

Bạn tôi nói đến đấy thì hình như những truyện cũ đã làm cho lòng bạn tôi sôi nổi, bạn tôi bèn đứng dậy đi bách bộ trong phòng rồi nói tiếp :

– Ấy cũng chỉ vì cái thú đó mà khi tôi còn là lưu học sinh trường Bảo-hộ, tuy có lệnh cấm mà sáng nào tôi cũng vẫn hút giấu. Tôi còn nhớ, một sáng, tôi ra chuồng tiêu, thu thu cái điếu giấy, cho thuốc, đánh diêm kéo một hơi dài, say

quá, thú quá đến nỗi người giám thị lại gần mà tôi không hay. Tôi còn đang mê man những đỉnh Giáp với non Thần mà tay còn cầm cái điếu, ống diêm... thì hai cái tát một cái đá đã làm cho tôi phải giật mình tỉnh dậy

Tôi thấy cách đối đãi dã man như thế, thì cái tính tình rất nhẫn nại của cậu học trò ở trong người tôi bỗng tiêu tán đi đâu cả. Lòng tôi sôi nổi, tôi chỉ thấy tôi là người, mà đã là người thì không có thể để cho ai phạm đến danh dự mình một cách tàn nhẫn như thế được, tôi chẳng nghĩ sau nghĩ trước gì, ục luôn cho người giám thị mấy quả, hấn ngã chúi đầu vào tường vỡ cả mặt, máu ra đầm đìa. Thế là tôi bị đuổi mà lại bị cấm thi trong năm năm. Tuy thế mà tôi chẳng buồn, chẳng lo tí nào cả. Ôi, cái tín ngưỡng của ái tình lúc ấy mạnh biết bao nhiêu. Tôi yên trí rằng Vân Hương thế nào cũng cho

cách hành động của tôi là phải mà có thể, thì mới xứng đáng là một người yêu của nàng.

Anh có biết Vân Hương con bà Hàn H... ở đâu phố ta không? Vân Hương mà khi chúng mình còn đi học vẫn gọi đùa là “Hằng Nga” ấy mà. Tôi biết Vân Hương đã hai năm rồi, chúng tôi đã bao phen chỉ non thể biển, chỉ chờ tôi thành danh là cùng nhau buộc chặt dải đồng. Trong lúc chúng tôi đang thương yêu nhau, biết bao lần Vân Hương thỏ thẻ, nhủ tôi rằng:

“– Cậu cố học đi nhé, đỗ bằng Thành chung, rồi vào Cao đẳng rồi ra làm ông Tham. Nếu cậu làm được ông Tham thì vợ chồng mình danh giá biết mấy”

Ôi, ngày nay tôi mới biết, Vân Hương yêu tôi, là bởi yêu cái ông Tham trong mộng tưởng của nàng, chứ có yêu gì cái

bản ngã của tôi đâu. Lúc tôi định ninh, được tin buồn kia, thì thế nào nàng cũng lấy cái ái tình rất đầm ấm mà an ủi tôi, thì, hỡi ôi! Nàng cự tuyệt tôi ngay, mà cự tuyệt bằng một cách rất tàn nhẫn... nói ra chỉ thêm tủi, thêm nhục cho giống đàn ông đã mê muội vì tình. Tôi nghĩ mà tức, tức thành ra phẫn trí, tôi bỏ nhà vào Saigon làm ăn. Mà trong bước đường đời còn ôm “khổ rách”, tôi lang thang nay đây mai đó, tôi đã nghiệm ra rằng: “bọn đàn bà đại để cũng là một loại với Vân Hương cả”.

Ngày nay, cô nào nói yêu tôi, tôi giả điếc, bà nào nói quý tôi, tôi mỉm cười, anh tính họ thương yêu gì cái “thằng tôi”, chẳng qua họ thương tiền, thương bạc của tôi cả. Bây giờ đây, tôi nghe đến những tiếng mà bọn xuân cho là những cái tiếng rất thiêng liêng, rất đẹp đẽ của ái tình, tôi đứng dưng và tôi rất ái ngại

thay cho bọn họ. Tôi nói “tôi yêu mình, tôi quý mình” cũng như tôi nói “tôi đi chơi, tôi ăn cơm” chẳng có một chút “tình” gì cả, mà tôi gần một người đàn bà, dù đẹp đến đâu, thì cái cảm giác đối với tôi cũng như là hút một điếu thuốc Lào, khi sớm mai vậy thôi.

Tôi nghe bạn tôi nói mà luống bùi ngùi thay cho bạn. Ôi biết ai là người lại kể được câu chuyện “Một nghìn một đêm” để đưa bạn tôi ra khỏi vòng hắc ám ngỗ hầu cho thấy được cái ánh sáng ấm áp của ái tình thì may lắm thay.

Nhưng trong buổi “vàng đỏ đen long” này, biết tìm đâu cho thấy... cho thấy một người...

CÁNH TAY ĐỨA TRẺ



Cánh đã khuya, hạt mưa gieo tí tách, Hanoi đang chìm đắm trong một cảnh buồn rầu thâm đậm.

Phố xá đã vắng tanh. Lơ thơ một vài cái xe, áo tơi cánh gà bùng kín mít, ghếch càng lên bờ hè mà anh xe thì co ro ngồi ẩn mưa ở dưới hiên. Vài con mèo

cắn nhau ở trước cửa một nhà kia gào lên những tiếng “mao... o” lạnh lạnh ghê mình.

... Trong cái buồng giấy rất lịch sự trang hoàng theo lối mới, dưới cái ánh sáng le lói của ngọn đèn điện, Bùi Nguyên đang cầm cúi viết một bức thư. Chắc bức thư kia có lắm điều khó nói, nên thỉnh thoảng chàng lại cau đôi lông mày, cắn móng tay, nghĩ ngợi...

Sau nửa giờ đồng hồ nghỉ ngoáy, vất vả, bức thư đã viết xong, chàng ném bút xuống bàn, xoa tay có vẻ khoan khoái, nhẹ nhàng như đã cất được một gánh nặng. Chàng châm thuốc hút rồi cầm bức thư đọc lại.

Hanoi, ngày 14-6-1934

Thưa chú,

Khi chú nhận được bức thư này, thì

cháu đã ra người thiên cổ, chắc chú phải cho cháu là một kẻ hèn nhát không chịu nổi nỗi đau đớn ở trên đời mà phải quyền sinh. Cháu xin thú thực với chú rằng cháu không có cái can đảm chịu được những nỗi chênh lệch, éo le ở đời. Cháu không thể khoanh tay giương mắt ngồi nhìn cái cơ nghiệp của cha ông vì cháu buôn thua bán lỗ, vì cháu bất tài mà phải sa vào tay kẻ khác, cháu không thể đang tâm mục kích cái cảnh tượng tan tành của gia đình cháu được. Cháu tưởng đến ngày một ngày hai đây, bọn khách nợ tham lam và tục tằn sẽ đến đây mà xâu xé, tranh giành với nhau những đồ đạc vốn là những người bạn trong cuộc đời êm ấm xưa kia của cháu, cháu tưởng đến cái vẻ mặt buồn rầu ngơ ngác của vợ con cháu trong cảnh tan nát ấy mà cháu không thể nào sống được nữa. Cháu biết rằng, cháu chết đi thì để nỗi xót thương, thiếu thốn cho vợ

con cháu, nhưng nghĩ rằng chú là người rất thương yêu cháu, chắc là sau khi cháu chết, chú sẽ đem tấm lòng gởi bể kia mà đùm bọc lấy vợ con cháu, nên cháu cũng đành lòng mà nhắm mắt.

Chú ôi, “con chim lúc chết kêu thương”, xin chú nghĩ đến cái tiếng gọi cuối cùng của cháu lúc sắp từ giã cõi đời này mà tha hết cả tội lỗi cho cháu cùng là che chở cho vợ con cháu, cho chúng nó khỏi bơ vơ, thì cái ơn cao dày ấy dẫu kiếp này không giả được, kiếp sau cháu cũng xin thác sinh làm thân trâu ngựa để đền bồi.

Trăm lạy chú

Bùi Nguyên

Bùi Nguyên đọc xong bức thơ, vắt điều thuốc lá, mở ngăn kéo lấy ra một con dao cạo.

Trông thấy lưỡi dao sáng quắc, lạnh

lẽo kia nó sắp đưa chàng về nơi chín suối, chàng chẳng có vẻ gì rụt rè ghê sợ mà lại cảm ơn nó sắp rửa sạch cho chàng những nỗi đau thương nhức nhối. Chàng lấy ngón tay cái vuốt khế lưỡi dao, xem nó có thiệt bén không. Rồi chàng giơ cổ tay trái lên, tháo cái đồng hồ tay ra. Chàng lại đứng dậy lấy chìa khóa hết các cửa lại. Chàng khóa cửa xong, về ngồi ghế, xếp ba bức thư gửi cho chú, cho vợ, cho quan tòa vào ngăn kéo rồi cởi áo ngoài ra, vén cánh tay áo sơ mi lên, lấy ngón tay giữa bên phải tìm cái mạch máu cái, chú ý như một vị nguyên soái đang tìm địa thế để triệt hạ quân thù ở trên bức bản đồ vậy.

Trông chàng lúc bấy giờ vẻ mặt nghiêm trang, cả quyết, cử chỉ điềm đạm, chậm chạp, ta tưởng ngay đến một vị y sĩ đang đem hết cái trí thông minh suy xét để xem mạch cho một người bệnh,

chú ta không thể ngờ rằng con người kia đang đi tìm cái chết, đang đi kiếm cái huyết hiểm yếu để cầu lấy một cái chết chắc chắn, ta không thể ngờ rằng kẻ kia đang kiếm cách để làm cho bao nhiêu máu nóng trong người sẽ trào ra hết, khiến cho cái thân thể mạnh mẽ hồng hào kia sẽ trở nên một cái thân ma lạnh lẽo xám xịt.

Tử huyết đã tìm được rồi. Bùi Nguyên lấy ngòi bút đánh dấu mực vào cho nhớ.

Chỉ nhờ một nhát dao mạnh và nhanh là cái mạch máu kia sẽ đứt phăng ra, chàng sẽ ngồi nhìn sự sống nó từ từ rời khỏi thân thể chàng...

Các cửa đã đóng kín không còn ai có thể đến bắt chàng được nữa.

Năm phút... Mười phút...

Chàng sẽ ngã ra. Thế là thoát nợ!

Bùi Nguyên nghĩ đến đấy mỉm cười, một cái cười lạnh lẽo, ghê sợ của ông thần chết. Chàng liếc nhìn chung quanh buồn như muốn cùng các đồ vật kia vĩnh biệt. Chàng cầm lưỡi dao sáng loáng giờ lên, lạnh lùng đều đặn như một cái máy, mắt nhìn vào dấu mực ở cổ tay.

Trông chàng lúc bấy giờ điềm tĩnh quả quyết cơ hồ như không còn sức mạnh gì có thể bắt chàng sống được nữa thì bỗng chiếc đồng hồ quả lắc ở buồng bên đánh mười hai tiếng: mười hai tiếng đều đặn, thánh thót, khắc khoải, trong bầu không khí yên lặng như những tiếng gọi của trái tim vợ con chàng gọi chàng. Tiếng chuông ngân ra như có vẻ khóc than, rên rỉ bắt chàng phải lùi cái chết lại một lúc mà nghĩ đến cảnh thảm sầu đau đớn của vợ con chàng sau khi chàng chết. Chàng lấy tay khoa khoa như muốn xua đuổi những cái hình, ảnh ghê gớm,

đau thương, những cái ai oán, náo nùng ấy đi để cho chàng được thanh thoi mà chết. Chàng khoa tay mạnh quá thế nào đụng phải bức ảnh của vợ con để ở góc bàn, rơi xuống sàn đánh đập một tiếng. Chàng nẩy mình, cái giật mình của một kẻ đang làm một việc gì bí mật trong chỗ kín mà bỗng có tiếng động. Không biết tại làm sao – có lẽ cái bản năng nó sai khiến – chàng vội vàng nghiêng mình lấy tay nhặt lên, rồi chàng nhìn...

Vẻ mặt xinh xắn, tươi tỉnh của vợ con chàng lồ lộ ra ở trong ảnh khiến chàng phải sửng sốt, đau đớn. Chàng tự xét mình không đủ can đảm ngời nhìn những vẻ mặt yêu mến, xinh xắn, tươi tỉnh kia sẽ phải buồn rầu, nhăn nhó sau khi mỗ tòa đến tịch biên cơ nghiệp chàng. Chàng tưởng tượng đến phải mục kích những nỗi thiếu thốn nghèo nàn mà sau này vợ con chàng phải chịu mà chàng

ghê sợ. Nhất định là chàng phải chết.

Nhưng nghĩ rằng trong bao nhiêu năm giờ, vợ con chàng đã đem hết một tấm lòng yêu chàng, khiến cho đời chàng trong thời hạn ấy thật đã được hoàn toàn sung sướng, chàng lại muốn trông thấy mặt một lần cuối cùng nữa.

Chàng giờ bức thư viết cho vợ lúc mười giờ (nghĩa là sau một giờ khi cả quyết tự tử) ra đọc lại xem nó đã đủ để an ủi vợ chàng sau khi chàng chết chưa.

Chàng đọc xong bức thơ, lấy chìa khóa sẽ mở cửa rồi vào buồng vợ.

Ngọn đèn Philipp xanh mười lăm nến như muốn đem bọc cả đồ đạc vào trong một hào quang ấm áp, êm đềm. Bùi Nguyên sẽ rón rén đến cạnh giường mở tấm màn tuyền. Mùi hương thơm tho ở trong thoang thoảng bay ra.

Trên cái nệm trắng, người thiếu phụ đang thêm thiếp một giấc hòe nhẹ nhàng, thú vị. Cái coocsê màu hồng mỏng và ngắn như bó lấy khổ người óng ả hồng hào...

Bùi Nguyên đứng nhìn cái tòa ngọc thiên nhiên ấy, trông cái sắc đẹp biến thành người mà toàn thân nửa hở, nửa kín như thúc giục tấm lòng thờ cái đẹp, yêu cái đẹp mà chàng động tâm. Có lẽ lòng cả quyết muốn buộc mình vào ông thần chết đã giết sống lòng mỹ cảm của chàng chăng? Trên vẻ mặt lạnh lùng khắc khổ kia, trước cái cử chỉ điềm tĩnh ấy, ta không thấy một triệu chứng gì tỏ cho ta biết rằng con người đứng kia đã xúc động.

Về khuya, giờ hơi lạnh, Bùi Nguyên sẽ lấy cái chăn gấm mỏng phủ lên bụng

cho vợ, thở dài một tiếng rồi quay sang buông con.

Thoạt mở màn chàng đã được thấy một cảnh tượng rất ngộ nghĩnh nên thơ. Thằng Tý tròn trĩnh bầu bĩnh như một con búp bê nằm ngửa tênh hênh bắc chân lên một con voi bằng cao su to gần gấp đôi nó (để thường tối nào nó cũng phải có con voi ngủ chung thì mới được ngon giấc). Trên cái khuôn mặt bánh dầy, đôi má hây hây đỏ phảng phất như trái đào. Dưới đôi lông mày, cặp mắt ti hí như bà mẹ đang dậy nhìn những cảnh thần tiên mơ mộng ở tận đâu đâu. Đôi bàn chân nhỏ nhắn, xinh xẻo, thanh tao giời sinh ra chẳng phải là để giẫm lên chông gai, bùn lầy ở trên cõi đời nhục thế này. Hai cánh tay mềm mại, tròn nung núc, như chỉ để ôm lấy cổ những người yêu quý nó mà ghì vào ngực. Toàn thể các bộ phận đại để còn là trong cái thời kỳ phôi thai,

nhưng nếu giới để cho sống làm người, hay ăn chóng nhón, thì chứa chan biết bao nhiêu là hi vọng.

Thằng Tý nằm chếch về một bên giường, tay co, tay duỗi, tóc thì bơ phờ trông mấy “ghét” làm sao! “Ghét” đến nỗi ta phải mắng yêu ngay một câu: “Thằng con chó”. Mà “chó” tệt. Toàn thể cái gì trông cũng ngây thơ, dễ thương lắm.

Ai cũng phải nhận rằng cái cảnh tượng một vị giai nhân đang say giấc nồng là đẹp nhưng kể ra thì một đứa bé nằm ngủ – mà một đứa bé như thằng Tý – còn có vẻ thần tiên hơn nhiều.

Bùi Nguyên tưởng tượng sắp phải từ giã đứa con kháu khỉnh ngoan ngoãn như thế kia mà lòng chàng bồn chồn, sôi nổi. Chàng sẽ ngồi ghé xuống giường rồi cúi đầu hôn con. Có lẽ lúc ấy thằng Tý đang mê một giấc đánh nhau với ông

Ộp, ông Ngáo gì đó mà khi cái hôn âu yếm kia vừa đặt lên gò má lại trúng ngay với cái thời kỳ trong mộng, nó liền dang hai cánh tay yếu ớt ra ghì chặt lấy cổ Bùi Nguyên mà hét to:

– Thày đánh chết nó đi cho Tý nhé!

Rồi hình như nó đã được ẩn dưới một cái sức mạnh rất có hiệu lực của một người cha yêu nó mà che chở cho nó, cái giọng sợ hãi hốt hải đã tiêu tán đi mà nhường chỗ cho cái giọng vui vẻ đắc chí, đắc chí với kẻ thù vô hình rằng: “Tao đã gần thày tao, thì mày liệu hôn”. Nó lại như có vẻ khiêu khích ú ớ nói:

– Mày dám lại đây thì thày tao đánh mày chết.

Rồi như muốn thực hành ngay cái lời dọa của nó khi nó đã chắc dạ có thày nó ở bên cạnh, nó co chân đá một cái. Khổ

cho con voi vô tội, bị đá, kêu đánh “bịch” một tiếng. Có lẽ giấc mộng của thằng Tý đến đây là hết, nên nó lại ngủ, cứ ôm cổ thày nó mà ngủ.

Bùi Nguyên thấy hai cánh tay bé bỏng của nó ghì chặt lấy cổ chàng như muốn đem da thịt nó mà nhập làm một với da thịt chàng, chàng thấy cái hơi thở thơm tho của nó như một luồng gió ở trên cung tiên đưa xuống, đánh tan những nỗi u sầu thảm khốc chứa chất ở trong lòng chàng. Những câu nói rất ngây thơ của thằng Tý trong khi nằm mê khiến cho chàng nghĩ đến cái chết mà ghê sợ, không phải là ghê sợ vì phải chết, ghê sợ rằng khi chết rồi thì lấy ai làm cái bình phong đón lấy những nỗi đau thương, những sự khó khăn để che chở cho đứa con còn măng sữa kia, trên bước đường đời chông gai gió bụi này. Chàng tự hỏi

chàng có quyền bắt đứa con kia phải bơ vơ, khốn khổ, đau xót, nhục nhằn về cái chết của chàng không? Nghĩ đến đây, mồ hôi đổ ra như tắm.

Bùi Nguyên sẽ lấy tay gỡ cánh tay con ra. Cái cánh tay yếu ớt mà mạnh mẽ làm sao!

Chàng sẽ đứng dậy, hai mắt đăm đăm nhìn con. Rồi hai giọt nước mắt mà ta có thể nói rằng hai giọt máu mắt đầu tiên trong đời chàng dần dần nổi lên ở khóe mắt, rồi lại từ từ rơi xuống gò má. Chàng sẽ lấy tay gạt nước mắt, cúi đầu hôn con rồi trở về buồng giấy, cầm ba bức thơ tuyệt mệnh xé nhỏ, ném vào sọt giấy...

Ngoài đường, mấy bác phu xe vẫn co ro ẩn ở dưới mái hiên mà hạt mưa gieo trên nóc nhà vẫn đều đặn tí tách như

không quan tâm gì đến sự đổi thay của lòng người.

CON QUAY



Tôi là con vợ lẽ, anh tôi là con vợ cả. Anh tôi thì lắm đồ chơi lắm mà tôi thì chẳng có một thứ gì. Nội các

thứ đồ chơi của anh tôi, nào ô tô, nào tàu hỏa, nào búp bê... tôi chẳng ưa thứ nào cả, chỉ thích nhất con quay sừng. Mỗi khi tôi thấy anh tôi quấn dây, rồi quay mình vươn vai đánh, con quay nó vùn vụt ở trong tay bay ra, quay tít thò lò, tiếng kêu vo vo. Nó chạy, nó lượn, nó mới điệu làm sao.

Tôi ước ao:

«Giá tôi cũng có một con quay sừng như của anh tôi».

Tôi đương chăm chú nhìn con quay thì ở đằng xa mẹ tôi cũng chăm chú nhìn tôi, mà có lẽ mẹ tôi đoán biết sự mong ước của tôi bởi vì chỉ có người mẹ mới thấy biết những sự bí ẩn ở trong lòng con, chỉ có người nào thương yêu nhau mới tỏ rõ tâm sự nhau.

Tôi chạy lại vốn vĩa bảo mẹ tôi rằng:

– Em thích con quay sừng kia quá.
Chị Hai mua cho em một con nhé.

– Chị Hai làm gì có tiền, hờ em?

Tiếng mẹ tôi nói có vẻ buồn rầu thất vọng: vật thử con quay sừng kia chỉ một hào bạc, mà không làm sao kiếm ra để mua cho đứa con cũng được vui lòng!

Tôi nghe mẹ tôi nói, ngoảnh nhìn con quay mà tôi cũng buồn.

Hồi ấy, tôi mới lên chín, còn đi học chữ nho. Một hôm, tôi đi học về, mẹ tôi đưa cho tôi một con quay. Con quay này không phải là con quay sừng, cũng không phải là con quay tiện, nó chỉ là một con quay đẽo, mà lại là con quay mà mẹ tôi đẽo cho tôi. Tôi đánh nó dẫu không tít, không đậu bằng con quay của anh tôi, nhưng tôi yêu quý nó hơn hết cả các con quay sừng ở trên trần thế.

Tôi có con quay thích quá, lúc nào cũng đánh, ngoài sân, sau vườn, dưới bếp, nhà ngang. Mẹ tôi nhìn tôi đánh quay, thấy tôi vui sướng mà mẹ tôi cũng vui sướng; mẹ tôi vui sướng cái vui sướng của tôi.

Một hôm ở trong bếp, tôi muốn khoe tài với mẹ tôi, tôi bảo mẹ tôi:

– "Em đánh quay giỏi lắm, để em đánh cho chị Hai coi".

Rồi tôi quấn dây, dang thẳng cánh, bổ một cái thật mạnh, thì ôi thôi! Cái dây vướng phải rổ bát, đổ úp xuống, kêu đánh ầm một tiếng, bát đĩa vỡ tung tóe. Tôi tái xanh cả mặt, sợ run lập cập.

Mẹ già tôi đang quét tước ở trên nhà ngang, xồng xộc chạy xuống hỏi:

– Đứa nào đánh vỡ gì?

– Thưa bà, tôi trót nhớ tay.

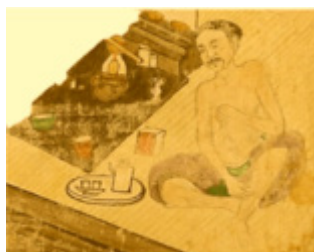
Mẹ tôi chưa nói dứt lời thì mẹ già tôi túm lấy đầu dầm xuống, sẵn cái chổi cầm tay đánh túi bụi.

Thương ôi! Mẹ tôi thấy tôi bé nhỏ, không nỡ để mẹ già tôi đánh tôi nên nhận cái lỗi của tôi làm lỗi của mình để chịu đòn thay cho tôi.

Từ đấy, tôi không đánh quay nữa mà tôi thấy ai đánh quay tôi cũng chẳng buồn nhìn.

Nhưng con quay kia mẹ tôi để cho tôi, tôi không đành lòng mà vứt nó đi, tôi giữ, tôi giữ cho đến ngày nay để kỷ niệm cái đời đau đớn và hy sinh của mẹ tôi đối với tôi.

HAI HÀO



Ký giả thường được nghe rất nhiều lời bình phẩm quá đáng đối với dân làng Bẹp; ký giả tưởng nghĩ những người bạo mồm như thế toàn là những người không biết hút thuốc phiện, hay hút chưa đến thời kỳ “đã biết khoái”, hay gián hoặc chưa được mục kích cái oai quyền chí thần, chí thánh, chí đại, chí

tôn của vị thần ấn Độ. Vậy ký giả xin vì các bạn làng “Cơm đen” kể một chuyện sau đây mà ký giả được mục kích mong các bạn làng “Cơm trắng” trước khi nói một câu gì có can thiệp đến việc “hút xách” hăng nên nhớ lấy câu tục ngữ “chó ba khoanh mới nằm, người ba năm mới nói”. Ký giả lại xin thú thực rằng từ ngày được mục kích tấn bi kịch này, ký giả đối với thần “ấn Độ” chỉ một lòng kính cẩn mà không dám khinh nhờn.

Chuyện thực xin kể sau đây:

“Cậu Nghĩa đi học về đến nhà mếu máo nói với mẹ:

– Mẹ ơi, thầy giáo bắt phải mua một quyển “Quốc văn” hai hào, nếu chiều nay không có thì thầy đuổi. Mẹ cho con tiền mua nhé.

Cậu Nghĩa, vừa nói vừa ôm lấy đầu

mẹ hôn lấy hôn để. Bác Cả đương nằm rên rĩ ở trên giường nghe con nói, da mặt đã xanh bồng nhợt hẳn đi, hai hàng nước mắt không biết tự đâu tuôn ra, ướt đầm gò má; bác muốn nói mà không nói được, chỉ lấy tay vuốt ve con. Cậu Nghĩa thấy mẹ khóc mà không trả lời, cậu tái hẳn người đi. Cậu hiểu, cậu hiểu là nhà cậu nghèo, mẹ cậu ốm không đi chợ, tiền thuốc, tiền gạo còn chưa có, tiền đâu mà mua sách cho cậu được. Cậu bùi ngùi nhưng có vẻ tiếc mà bảo mẹ rằng:

– Thôi thế thì thôi, mẹ nín đi, con ở nhà chơi với mẹ vậy.

Cậu vừa nói vừa lấy tay vuốt mái tóc mẹ, cậu thấy mặt mũi hốc hác, hai mắt quầng đen hõm hẳn xuống, cậu sẽ cúi đầu sát vào tận mặt mẹ cậu mà hỏi:

– Mẹ ốm lắm ư, mẹ đã ăn cơm chưa?

Trong cái óc ngây thơ của cậu, cậu tưởng tượng hễ ốm cứ ăn cơm nhiều là khỏi, mà cậu nghĩ thế vị tất đã không đúng. Những người ốm chẳng là những người rất ít ăn sao? Cậu vội vã chạy xuống bếp xúc bát cơm nguội, lấy quả cà đem lên, giục mẹ cậu ăn. Bác Cả nể lời cầm lấy bát cơm.

– Mẹ cố ăn đi để đi chợ.

Đi chợ, đi chợ. Hai chữ ấy ở trong óc cậu nó có một cái ý nghĩa khác, mẹ cậu đi chợ búa chẳng là đi mua lấy sự sung túc cho cả nhà cậu ư? Đã gần ba tháng nay, chỉ vì mẹ cậu ốm không đi chợ được mà thành ra túng bấn, bữa đói bữa no. Trước kia, lúc mẹ cậu còn quấy gánh cháo ra chợ, dầu chẳng được phong phú lắm, nhưng mỗi lần cậu xin tiền mua giấy bút, sách vở, mẹ cậu vẫn sẵn lòng cho ngay. Mà ngày nay... ngày nay chỉ vì

mẹ cậu ốm nằm nhà nên đã ba hôm nay, cậu khẩn khoản xin hai hào mà chưa có.

Bác Cả không ăn được bèn nhường bát cơm cho con ăn. Cậu Nghĩa còn dùng dằng hai ba lần mới cầm lấy mà bảo:

– Mẹ không ăn thì con ăn vậy.

Rồi cậu cởi áo dài treo lên mắc tử tế. Sự cẩn thận ý tứ chẳng là học được trong khi nghèo nàn ru?

Cậu ăn lấy làm ngon miệng quá, khiến cậu phải tự nghĩ: “Cơm dẻo thế này, cà giòn thế này mà mẹ mình không ăn thì biết bao giờ khỏi được?” Nếu ông lang thì đã nghĩ: “Không ăn được thế này, bệnh đã nặng lắm rồi”. Nhưng cậu mới tám tuổi đầu, nào đã biết thế nào là ốm nặng với ốm nhẹ.

Vui thay cái tuổi đồng ấu mà cũng may thay, trong cái tuổi “vàng” ấy, sự

buồn rầu nó chỉ như gió thoảng mà thôi.

Bác Cả ngồi nhìn con ăn, thấy con kháu khỉnh, hiếu thảo, thông minh thế kia, nay vì không tiền mua sách mà phải bỏ học thì đáng tiếc, đáng thương biết bao... Bác thấy cái hy vọng một đời bác nó tiêu tan đi mà bác buồn. Bác bấm lưng trong nhà tiền đã sạch trơn. Chẳng còn một vật gì đáng tiền cả, đi vay thì biết vay ai mà thiên hạ có ai cho kẻ nghèo vay bao giờ. Nội trong xóm bác, có nhà cụ Tiên là giàu có, nhưng cụ riết róng lắm, không có vật gì đem cầm thì cụ chẳng cho vay không bao giờ. Bác nghĩ, nghĩ mãi... Sau bác cố bò dậy, mon men xuống bếp còn cái niêu bằng đồng, bác cọ rửa tử tế rồi mang đi.

Cụ Tiên nghe bác kể lẽ nỗi nhà cũng có vẻ ái ngại bèn bảo:

– Hôm nọ, bác giai có đem cái nồi ấy

sang đây đòi cầm lấy một hào tôi không cầm, nhưng có phải bác cần tiền mua sách cho cháu thì tôi cũng làm phúc cầm giùm cho, nhưng phải giả lãi năm xu đấy.

Trong khi bác Cả gái, chân nam đá chân chiêu, thất thểu, hồn hển đi như thế, bác Cả trai ở nhà làm gì?

Bác ngồi như cú rũ ở trong buồng tối om om đối diện với ngọn đèn phù dung mờ tỏ mà nước mắt nước mũi chảy ra ròng ròng. Không phải cảm cảnh nhà nghèo vợ ốm mà bác khóc đâu. Bác hết hút đã mấy hôm nay rồi. Bác cầm cái hén giờ lên đặt xuống mà bác ngao ngán. Hén không, nhả bóng như chùi. Bác sờ đến cái móng cái, móng cũng hết. Bác thấy chân tay bác như đập gãy, trong xương hình như có dòi bọ đục, buồn bã khó chịu; ruột gan bác như đứt ra từng mảnh, đau đớn như ai cầm dao rạch ra vậy. Bác hết

đứng lại ngồi, hết nằm lại đứng, lúng túng quay cuồng mãi cũng chẳng nghĩ được kể gì cho ra thuốc, bác chỉ ngáp, bác ngáp mãi... Bác chỉ còn mong ả phù dung đem cái thần tài lại cho bác. Nhưng ác thay, ả phù dung chỉ là một vị hung thần đem người đẩy xuống giếng khơi rồi bỏ đó... Bác cầm cái dục tẩu đưa lên mũi hít khan, hít vã như con chó săn đánh hơi thấy vết cầy cáo vậy. Mùi tẩu thơm tho phảng phất làm cho ruột gan bồn chồn như ai đem trăm nghìn cái kim đâm vào, muốn ngủ mà không ngủ được.

Cậu Nghĩa ăn xong, đang hí hoáy rửa bát thì nghe ở cổng có tiếng mẹ gọi. Cậu vội vã chạy ra. Bác Cả gái đứng cạnh hàng rào run đây đấy, mặt xanh như tàu lá, nhưng vẻ vui mừng như lộ ra ở hai con mắt bác. Bác đưa cái tay xương bọc lấy da giúi cho cậu Nghĩa hai hào mà bảo:

– Đây tiền đây, con đem đi mà mua sách nhưng đi mua ngay đi, khéo thầy con biết thì lại lấy mua thuốc phiện mất.

Cậu Nghĩa mừng rỡ, cầm tiền, tất tả chạy vào nhà lấy áo mặc để ra phố. Cậu cũng chẳng nghĩ gì đến mẹ ốm, nhà nghèo, giá để hai hào kia đem mua thuốc thì có lẽ cũng giúp cho sức khỏe mẹ cậu được ít nhiều, nhưng cái tuổi cậu chưa phải cái tuổi ấy...

Cậu hấp tấp quá, chạy bay vào nhà, chẳng may vấp phải bậc cửa ngã chúi xuống, hào ván ở trong túi cậu bắn ra kêu đánh keng một tiếng!!!

Bác Cả giai đang phục vị ở trong buồng, hai mắt lim dim. Như con hổ đói đã bảy ngày nay bỗng thấy tiếng hươu kêu bên cạnh, bác vội chồm dậy. Hai con mắt bác sáng quắc như hai con mắt vọ chăm chú tìm... kiếm... Đồng hào ván

trắng hếu nằm tròn xoe giữa nhà. Nhanh như cái cắt, bác nhảy lại vô... Ngay lúc ấy, cậu Nghĩa tuy đau đã điếng cả người, nhưng thấy bộ dạng bố thế, cậu hiểu... cậu cố gượng quờ tay ra vớ lấy đồng hào cùng một lúc với cái tay “hồ đói” kia. Hai cha con giằng nhau, đồng hào văng ra. Bác Cả vội vàng giẫm chân lên. Cậu Nghĩa chồm dậy, chạy lại, du bố ra, cố đẩy chân bố để lôi lấy đồng hào, miệng thì kêu:

– Giả đây! Giả đây!

Bác Cả cứ tro như đá vững như đồng, tưởng Từ Hải xưa kia thất trận, khí thiêng chung đúc cũng dạn dày đến thế là cùng. Chân bác như có những bù lông sắt tán chặt xuống đất. Cậu Nghĩa lay bố chẳng chuyển vội khóc òa lên gọi mẹ. Mẹ cậu ở sân nghe tiếng vội chạy vào, trông thấy cái quang cảnh ấy bèn nói với chồng rằng:

– Nhà sao lại tẻ thế? Tôi ốm mấy tháng nay, một ngum thuốc chẳng dám uống, có đồng nào đưa nhà mua thuốc phiện cả, nhưng tiền này là tiền cho con mua sách, tôi nói khó với người ta mãi mới vay được, nhà lại lấy của con, thế nhà định không cho con đi học lấy dăm ba chữ à?

Bác Cả trai vẫn đứng trơ như bụt mọc, vợ nói gì mặc.

Nói chẳng được, bác Cả gái giận, bèn chạy lại níu lấy chồng lôi ra. Bác Cả giai như có quỷ quái gì nhập vào, chẳng nghĩ đến vợ ốm, bác chỉ lo vợ lấy mất hai hào nó là cái “nguồn sống” của bác. Bác sợ... sợ phải đeo dài cái khổ cảnh dở sống, dở chết mà bác đã phải chịu trong ba hôm nay.

Hai hào kia đối với người ta chỉ là hai hào, nhưng đối với bác nó là một

phương pháp cải tử hoàn sinh có thể tìm thấy ở trong mấy điều thuốc, mấy điều sai, nay mà để ai cướp mất, chẳng khác cướp sống cái đời bác đi sao. Nhưng thà chết một cách khác, thà chịu đâm, chịu chém, chịu mổ, chịu xẻ mà chết, chứ phải hành hạ như ả phù dung đã hành hạ bác trong ba hôm nay thì bác không sao chịu nổi. Bác bèn dùng hết sức “thần” du vợ một cái thật mạnh, miệng thì quát:

– Ốm thì chết! Chẳng học thì đừng! Ông hút đã!

Bác gái mình yếu như sên, bị đẩy một cái quá mạnh, ngã lăn đùng ra, máu mồm, máu mũi đổ ra lênh láng. Cậu Nghĩa thấy mẹ ngã, vội chạy lại ôm chầm lấy mẹ, kêu lên một tiếng rồi ngất hân người đi...

Một lúc sau, người ta chỉ nghe tiếng đàn bà khóc, tiếng trẻ khóc, tiếng mẹ

gọi con, con gọi mẹ nào nùng ai oán mà tuyệt nhiên chẳng thấy tấm hơi bác Cả giai đâu.

Bác đi đâu...??? Bác đi mua thuốc.

Trong buồng, ngọn đèn dầu vẫn còn le lói... ả phù dung như mím miệng cười.

Ký giả viết đến đây, rùng mình sờn gáy, bút cầm ở tay rơi ra, muốn viết mà không sao viết được nữa.

CÁI XÓ BẾP



Ông mãnh con, cứ bám nhằng
nhằng lấy con đ... ấy thì còn
làm ăn gì. Lại đây.

Thằng Tý, bất cứ lúc nào, nghe thấy
tiếng bà to béo, bệ vệ mà cái quyền áp
chế của kẻ mạnh cùng cái tập quán xấu
xa của xã hội đã bắt nó phải gọi bằng

“mẹ” là nó lạnh cả gáy. Nó biết, hễ khi nào bà kia gọi đến nó thì phi phải đánh tất phải chửi. Khổ thêm cho nó nữa, là mỗi lần, nó phải đánh, phải chửi thì y như chị Hai là người yêu quý nhất đời của nó cũng bị đánh, bị chửi lây. Mỗi lần bà kia gọi, nó tuy sợ chết đi mà cũng phải lại gần, khoanh tay, thưa:

– Bẩm mẹ bảo gì con?

Người ta bắt buộc nó phải cử chỉ lễ phép, phải nói năng cung kính như thế. Nhưng cái tiếng mẹ, đối với nó, chẳng những không ý nghĩa gì mà lại gây lắm cảm giác hãi hùng. Chỉ cái tiếng “chị Hai” đối với nó là có vẻ thiết tha. Mỗi lần gọi chị Hai, nó thấy trái tim nhỏ xíu của nó hồi hộp, một tia sáng êm đềm ấm áp ở trong mắt nó bay ra mà bao phủ, mà ôm ấp lấy cái người nó gọi. Nó cho rằng cái tiếng đáng yêu, đáng quý nhất đời là cái

tiếng chị Hai, mà cái tiếng mẹ là cái tiếng đáng ghê, đáng sợ nhất. Còn tiếng mẹ đối với nó là biểu hiện cho sự đòn đánh, ghét bỏ mà cái tiếng chị Hai là hình ảnh của sự yêu thương nồng nàn.

Khối óc non nớt, trái tim trong sạch của nó đã định nghĩa cho hai tiếng gọi kia những tự bao giờ.

Nó lên sáu, người ta cho đi học thì nó cũng đi học chứ nào có hiểu đi học để làm gì. Nhưng mỗi lần, chị Hai nó bế nó vào lòng, nước mắt dàn dụa bảo: “Em cố học đi cho chị Hai nhờ” thì nó thấy thích học lắm, chứ nào có biết chị Hai yêu quý được nhờ gì về sự học của nó đâu. Nó chỉ biết rằng đi học thì thêm một cái cớ cho mẹ già nhiech móc chị Hai, mỗi khi mẹ già nó phải bỏ tiền ra mua thổi mực hay chục giấy cho nó. Tuy thế, nó vẫn thích học, mà nó lại học chăm bởi vì nó cảm

thấy mỗi lần chị Hai thấy nó “kêu như con cuốc mùa hè” là trên vẻ mặt thâm sâu kia lại hiện ra một vẻ vui mừng.

Nó chỉ muốn cho chị Hai được vui nên nó càng chăm học. Mỗi lần nó cấp sách về là mỗi lần chị Hai đon đả hỏi:

– Em thuộc bài không. Em viết đã tốt chưa, cụ Đồ có khen em không?

Nó tươi cười mà gật đầu. Cái gật đầu rất có ý nghĩa khiến cho mỗi lần chị Hai nó trông thấy lại tủm tủm cười. Mỗi lần nó thấy chị Hai tủm tủm cười thì những muốn chạy lại ôm chầm lấy chị Hai, nhưng con mắt dữ dội của cái bà to béo bệ vệ đứng đằng kia lại làm cho nó sợ hãi thành thử nó cũng chỉ tủm tủm cười và ngó chị Hai một cách rất yêu thương mà không dám lại gần.

Một điều mà nó vẫn không hiểu là

tự làm sao chị Hai nó chỉ dám gọi nó là con trong lúc vắng người, còn khi đứng trước mặt cái bà to béo bệ vệ kia thì chỉ kêu nó bằng anh. Người khác gọi thế là sự thường, chứ chị Hai nó gọi nó thế thì quá lắm. Cái tiếng anh có cái ý nghĩa giả dối, miễn cưỡng đối với nó rất là khó chịu. Nhưng chị Hai khéo dùng một cái giọng rất dịu dàng mà gọi, nên tiếng anh cũng không cách biệt cái tiếng con là mấy, cũng không đến nổi nhặt nhẹo cho lắm. Nó chỉ băn khoăn tự hỏi làm sao chị Hai không có quyền gọi nó bằng con nhỉ?

Cứ như ý nó thì lúc nào nó cũng muốn cho chị Hai nó gọi nó bằng con, bởi vì nó xét thấy tiếng gọi kia thường đi đôi với một cái nhìn quyến luyến, một cái hôn âu yếm, một vẻ mặt tươi cười.

Nó chỉ muốn cho chị Hai lúc nào

cũng gần gũi nó, ôm ấp bông bế nó để cho nó được vuốt tóc, sờ má, bẹo mũi, để lúc nào díp mắt, nó được gục đầu vào ngực chị Hai mà ngủ.

Giá nó được nằm thon lỏn vào lòng chị Hai mà đánh một giấc thì ngon biết chừng nào. Lúc ấy, thì dù ông “ba bị chín quai, mười hai con mắt” có hiện ngay ra, nó cũng chẳng núng, chị Hai chỉ khẽ tát cho một cái là phải lộn nhào đi...

Nó chỉ muốn thế, chỉ ước ao có thế, mà có lẽ chị Hai nó cũng chỉ ước mong có thể thôi, nhưng cái bà to béo bệ vệ kia nào có muốn thế cho. Bà chỉ muốn cho chị Hai nó làm, làm dầu tắt mặt tối, từ mờ mờ sáng cho đến nửa đêm. Nó thấy chị Hai vất vả mà nó thương. Nó chỉ mong cho chóng có hai cánh tay to lớn như thằng xe, thằng bếp để làm giúp cho chị Hai.

Nó nhìn thấy chị Hai đầu bù tóc rối mà nó buồn, nó thấy chị Hai phải chửi phải đánh mà muốn khóc muốn kêu giời lên. Nhưng nếu kêu giời, nếu khóc thì cái bà to béo bệ vệ kia lại túm lấy nó đánh túi bụi mà lại còn đánh thêm chị Hai nó nữa. Nó chỉ biết đứng ngó những cảnh thương tâm ấy mà nuốt nước mắt.

Ôi, nuốt nước mắt! Câu nói rất thường kia mà ý nghĩa rất chua cay nó đã hiểu từ hồi còn măng sữa trong cái tuổi mà trẻ con người ta đang vui cười với con bướm với ông giăng.

Nó thấy cái đời nó và chị Hai bị bó buộc nhục nhằn hơn mẹ con con chó mực vì chúng còn được tự do âu yếm nhau. Nó trông thấy con chó mực liếm mình mảy cho con mà thèm, ước gì chị Hai và nó sẽ biến ra thành con chó, để chị Hai được tự do mà nưng niu nó.

Chị Hai phải làm vắn vật cả ngày, mà cả ngày mẹ già nó cứ long lên sòng sọc, nên không bao giờ nó được gần chị Hai nó cả.

Chỉ có lúc buổi sáng là lúc cả nhà còn đương ngủ mà chị Hai đã phải dậy làm lụng rồi, là nó được tự do âu yếm chị Hai mà thôi. Những thời khắc ấy là những thời khắc sung sướng nhất trong đời nên nó chẳng bỏ phí bao giờ.

Giờ rét như cắt ruột, nó thấy chị Hai dậy là nó cũng bò dậy, chị Hai cản thế nào, nó cũng không nghe.

– Em ngủ nữa đi cho khỏe, mai còn đi học.

Nó phụng phịu:

– Không, con dậy với chị Hai cơ.

– Chị Hai phải dậy sớm dọn dẹp, em dậy sớm làm gì?

– Em dọn dẹp mấy chị Hai.

– Em bé bỏng đã dọn dẹp gì được. Ngủ đi chóng ngoan.

Nó cũng muốn là đứa con ngoan của chị Hai mà nó cũng lại muốn dậy để gần gũi chị Hai, nó kiếm cớ:

– Cụ Đồ bảo dậy sớm học chóng thuộc, em dậy em học, em quên chữ nào, chị Hai bảo em.

Ở dưới xó bếp, chị Hai nó ngồi đun nước, nó lặng lẽ ngồi một bên. Nó trông ngọn lửa cháy đỏ ối mà nó vui, nó nghe tiếng củi nổ mà nó sướng, nó nhìn bức tường đen kịt những khói mà ánh lửa chiếu vào như có vẻ vui cười với nó, nó coi những nồi, niêu, xanh chảo treo ở chung quanh như những người bạn rất

thân đến mục kích và chứng thực cho sự sung sướng của nó. Nó ngồi chồm chồm cạnh chị Hai nó mà nó chẳng biết mỗi, biết chán là gì. Chị Hai bảo nó học thì nó cũng nghe lời, giở sách học, chữ theo ý nó thì cứ ngồi nhìn chị Hai nó, nhìn ngọn lửa còn sướng hơn.

Thỉnh thoảng nó lại giả vờ hỏi nghĩa, kỳ tình nó đã thuộc lâu như cháo.

- «Nhân chi sơ» là gì, hở chị Hai?
- Là người chung xưa.
- Không phải, không phải, là sờ vú mẹ.

Rồi nó sà vào lòng chị Hai, nó vạch yếm, nó sờ vú, cũng có lúc nó giả bộ làm em bé, nó bú ti. Nó nằm thon lớn vào lòng chị Hai, nó nhắm mắt lại. Những lúc ấy thì nó sung sướng lạ. Nó thấy nó bé lại, nó thấy hơi thở nó ăn theo với hơi

thở của chị Hai nó, nó thấy trái tim nó hồi hộp với trái tim chị Hai. Mà chị Hai thấy nó sung sướng, chị Hai cũng sung sướng. Chị Hai thấy nó ngoan ngoãn kháu khỉnh mà trong thần trí bỗng nổi lên một mối hy vọng rực rỡ đầy rẫy những điều ước hẹn tốt đẹp về tương lai... Chị Hai cầu mong cho nó chóng nhớn thành người để đạt được những chí nguyện mà chị Hai nó đã kỳ vọng cho nó. Giá có phải rạch máu, xẻ thịt mà bù đắp vào cho nó để nó chóng nhớn, thì chị Hai cũng sẵn lòng bù đắp ngay. Mà nó, nếu có phải moi ruột, xé gan để cho chị Hai được sung sướng, nó cũng vui lòng mà hy sinh ngay.

– Lạy giời phù hộ cho mẹ con tôi...

Thằng Tý nghe chị Hai nó khẩn như thế, nó tưởng chừng như ông giời – một ông giời của những kẻ khốn nạn – đã

bước chân ngay xuống cái xó bếp này, dùng phép mầu mà biến ra thành một cảnh bỗng lai đầy rẫy những sự lạc thú.

Cái xó bếp ấy là một thế giới thần tiên của mẹ con nó.

Những người lòng dạ khô khan ở nơi lầu son, gác tía bao giờ biết được những cái thú "xó bếp" ấy, cái thú không mất tiền mua, mà dù có tiền mua cũng không được. Muốn biết những cái thú thần tiên ấy phải có một trái tim trong sạch, phải trải qua một cảnh đau thương như thằng Tý, phải lấy một trái tim yêu thương để hiểu một trái tim yêu thương. Thằng Tý ngày nay đã thành người, đã là một người có địa vị ở trong xã hội, nhưng nó vẫn ngậm ngùi rằng không lúc nào, ở chốn nào mà nó được sung sướng cho bằng khi còn ngồi xó bếp với chị Hai nó, bởi vì cái người đã tận tụy một đời vì

nó, đã hy sinh một đời cho nó ngày nay đã chôn sâu dưới nắm đất vàng.

Hỡi ơi! Cái xó bếp! Nó biết tìm đâu cho thấy một cái xó bếp ấm áp như xưa nữa.

THAM CŨ VÀ THAM MỚI



Tôi vừa về đến nhà thì được tin bác tôi cho người xuống gọi lên có việc cần. Tôi lại sắp ngửa thuê xe lên hàng Bồ, vừa đi vừa áy náy không biết có việc gì khẩn cấp mà mưa gió thế này cũng cho xuống gọi. Hay trong nhà có ai ốm đau gì ? Tôi bèn giục giã anh xe chạy cho mau.

Đến nhà thì đã thấy hai bác tôi và chị họ tôi ngồi xúm xít ở đấy hình như đang bàn bạc việc gì. Tôi hốt hoảng hỏi:

– Có việc gì cần mà cho gọi cháu thế?

Bác tôi bèn nói :

– Nào có gì đâu, chỉ là việc vui mừng của chị Cúc cháu.

– Chị Cúc đi lấy chồng thì cháu lại được đánh chén chứ sao. Tưởng việc gì làm cháu lo quá.

Tôi vừa cười vừa quay sang chị Cúc tôi mà hỏi đùa:

– Thế nào, tôi phải gọi là bà Tham Lam, hay bà Phồn-phơ đấy ?

Chị Cúc tôi (một gái rất tân thời, muốn tự mình kén lấy người bạn trăm năm của mình chứ không phải hạng gái mẹ đặt đâu con ngồi đấy) bèn làm bộ

nghiêm nghị mà bảo tôi :

– Chú lúc nào cũng bông lơn, việc chung thân của tôi, chú phải lấy cái lẽ «rất» công bằng mà phán đoán chứ nên tây vị.

– Ô kìa, đầu cua tai ếch ra làm sao mà đã bảo người ta tây với vị.

Bác tôi bèn thuật lại cho tôi nghe rằng ngày hôm nay có hai người mỗi đến dạm. một người nói cho Tham Nguyễn, một người nói cho Tham Trần. Nhưng vì phân vân chưa biết nhận ai, bỏ ai, vả hai người cùng là bạn với tôi cả, nên muốn hỏi ý kiến tôi.

Gớm ! mình, một thằng xưa nay dạy mình chữa xong, nay bỗng chốc được nhắc lên cái địa vị quan Tòa mà cái cân công lý kia chênh hay lệch cũng ở như một lời nói của mình. Sướng chữa ?

Tôi còn đang ngẫm nghĩ chưa kịp trả lời thì chị Cúc tôi đã hỏi :

– Thế nào, ai hơn ? Ai kém ? chú phải kể rõ lai lịch cho tôi nghe, cả tinh thần lẫn hình thức để tôi liệu.

Tôi thấy chị tôi có vẻ sốt sắng để kén chọn người tri kỷ thì cái lương tâm quan tòa của tôi bỗng chồm dậy, tôi bèn lên cái giọng «con nhà luật» mà tuyên đọc hồ sơ ;

– Nguyễn Văn, 27 tuổi, chưa vợ, tham tá tập sự phủ Thống sứ lương tháng 56 \$, con nhà gia thế, người to lớn, trắng trẻo, tính nết rất vui vẻ.

– Còn Trần Đình, 32 tuổi, góa vợ tham tá hạng ba sở Lục lộ, lương tháng 145 \$, con nhà tử tế, người nhỏ bé, không đui què mẻ sứt gì, nhưng mắt khí lác, tính nết rất keo bần.

Tôi đọc xong bản lý lịch, bèn quay sang bác tôi mà thưa rằng :

– Thưa hai bác, hai bác đã cho hỏi đến cháu thì cháu chỉ lấy cái hạnh phúc của chị cháu làm trọng. Hai người tuy cùng chơi với cháu cả, nhưng cháu chẳng yêu ai mà cũng chẳng ghét ai. Cứ như cháu thì hai bác gả chị cháu cho Tham Nguyễn là hơn, hẳn người bản lĩnh khá, còn Tham Trần thì bé lắt nhắt, đứng với chị cháu chẳng xứng đôi chút nào cả mà tâm địa lại rất kém.

Bác tôi bèn nói:

– Vẫn biết Tham Nguyễn tính nết khá hơn, nhưng lương Tham Trần lại nhiều gấp ba lương Tham Nguyễn mà hẳn lại là ngạch cũ, được thực thụ rồi ; còn Tham Nguyễn hãy còn tập sự, lương ăn theo ngạch mới. Mà thời buổi kinh tế này, được thực thụ cũng chật vật lắm.

Tôi nghe bác tôi nói thì biết bác tôi đã có định kiến từ trước mà xem ra chị Cúc tôi cũng đồng một ý thì dù tôi có nói tốt cho Tham Nguyễn cũng là vô ích. Nhưng tôi thấy con người ngọc kia mà sa vào tay đứa tục tử, nghĩ ái ngại, bèn nói :

– Nếu hai hác mà so sánh về tiền tài thì chỉ là một việc mua bán, sao lại gọi là một sự kén chọn được? Mà cháu xem chị Cúc cháu thanh tao thế kia, có phải là lấy đồng tiền mà mua được sao ?

Tôi lại quay bảo chị tôi rằng :

– Việc vợ chồng là một việc hệ trọng nhất trong đời người đàn bà, nếu sai lầm thì cái giây ân ái kia sẽ trở thành cái giây oan nghiệt. Nếu chị tin lời em là thẳng hay tiêu tiền mà lúc nào cũng túng tiền, thì đồng bạc trắng với quả tim đỏ, hai cái không đi đôi với nhau. Chị nên nghĩ đi

nghĩ lại cho chín, kéo để mỗi di hận về mai sau mà chị lại trách em đã biết mà không bảo.

Quả đất cứ xoay,... mặc thầy nhân thế họ quay cuồng... Ba tháng sau, chị Cúc tôi đã nghiệm nhiên là bà Tham Trần!

Một hôm tôi đi xem chớp bóng, tình cờ gặp cả Tham Nguyễn lẫn vợ chồng Tham Trần. Lúc tôi lại bắt tay Tham Nguyễn, hấn trở vợ chồng Tham Trần mà bảo tôi rằng :

– Anh trông : thằng ngày cưới con ngựa sắt.

– Nhưng anh có biết duyên cớ làm sao, hấn được cưới con ngựa sắt không ? Anh có hiểu tại làm sao anh không được cái vinh dự ấy không ?

– Chịu.

– Hẳn đăng vào ngạch "kỵ mã" trước
hồi kinh tế.

– Anh nói thế nào ? tôi không hiểu.

– Tại anh sinh sau, đẻ muộn.

– Ô kìa, thế là nghĩa lý gì ?

– Nghĩa là hẳn Tham Cũ mà anh
Tham Mới.

Nguyễn vẫn không hiểu. Tôi bèn gắt
mà bảo rằng:

– Ngu lắm, không được cưới con
ngựa sắt là đáng lắm, còn ân hận gì ?

HANOI BAN NGÀY



Ngõ hàng Ch... cạnh chợ Đ...X...
đối với khách qua đường, chỉ là
một cái ngõ tồi tàn, trong trăm nghìn cái
ngõ tồi tàn khác của thành phố Hanoi.
Nhưng nó đối với tôi, có một cái thú
riêng : cái thú của những kẻ đi tìm ái
tình một cách đơn giản dễ dàng; mà nó
đối với một số các bà Thông, cô Ký say
mê bài bạc, các cô hàng buôn thua bán

lỗ là một cái huyết để kiếm tiền một cách dễ dàng đơn giản.

Cái nhà hai tầng mốc rêu kia đối với tôi rất là quen mà tôi cũng chẳng lạ gì bà hai B. chủ cái nhà ấy. Mỗi khi bà Hai có thêm được con em nào khá, bà liền cho gọi tôi ngay mà tôi nhớ mang máng rằng: ít khi tôi bỏ phí những dịp may như thế.

Một buổi trưa, trời thu ảm đạm, con bé cháu gái bà Hai lại bảo tôi :

– Có cảnh mới, đẹp lắm, mời ông lại ngay.

Lúc sắp ra về, nó còn nói thêm :

– Cô tôi quý ông lắm mới giới thiệu cho ông người này đây.

Phải, tôi là con bò sữa rất dễ bảo, nên cô cháu nó quý tôi. Chính tôi, tôi cũng tự biết: tôi là con bò sữa để cho người

ta vất, người ta nặn, thế mà tôi vẫn sẵn lòng để cho người ta vất, người ta nặn, là bởi sao ? Bởi vì rằng : đứng vào cái địa vị như tôi, tiền bạc của tổ phụ để lại, đã chẳng biết đem kinh doanh những công việc lợi ích; tài trí, sức khỏe đã chẳng biết đem dùng vào những việc đáng dùng mà lại chẳng đem cái thân ra cho người ta vất, người ta nặn thì còn biết làm cái gì cho qua thì giờ nữa.

Thoạt mới bước chân vào cửa, bà Hai đã chạy ra, đon đả bảo tôi :

– Cảnh này «cù» lắm, mới nguyên, rõ chỉ có ông là may, bao giờ cũng trước người ta. A mà này, giá đặc biệt đấy nhé.

– Được, nhưng cho xem mặt đã, ở đâu ?

– Ở trên gác, cô này cả thẹn lắm, không dám ngồi dưới nhà.

– Thế người đâu, bà có biết không?

Lần nào tôi hỏi bà về lai lịch bông hoa mới, tôi cũng biết chắc là thế nào bà cũng kiếm lời tô điểm để lừa dối tôi mà không biết tại làm sao, lần nào tôi cũng vẫn hỏi.

– Bà ký V... mới dắt lại đây hồi trưa và dặn tôi tìm hộ cho một người thật tử tế. Tôi thiết nghĩ chẳng còn ai «thật» tử tế hơn ông.

Phải, còn ai "thật" tử tế hơn tôi, bởi vì còn ai "thật" bò sữa hơn tôi đâu.

Khi tôi bước chân lên thang, bà Hai dặn với :

– Cô ấy ba giờ phải về, ông chong chóng lên nhé (!!!)

Đó là nhời nói thực. Nhà này chỉ náo nhiệt lúc ban ngày, ban đêm tuyệt không

có cô nào lai vãng. Trái lại với cảnh ăn sương thực thụ, cái thì giờ ngang tắt của các cô chỉ là lúc ban ngày. Khi các cô bước chân ra khỏi cái nhà này, nghĩa là sau khi đã làm một việc mà dư luận cùng pháp luật không dung thứ, các cô cần phải về đúng giờ để làm những việc mà xã hội khuyến khích, pháp luật che chở. Phải cơm dẻo, canh ngọt đon đả vui cười khi cậu nó ở sở về, thu va, thu vén, dưới bếp, trên nhà sau khi tan chợ chẳng là những công việc chính đáng mà xã hội cần phải khuyến khích, pháp luật cần phải che chở sao ?

Làn nước hồ kia xanh biếc, trông mới đẹp mắt biết bao ! Nhưng tại làm sao lại có lớp bùn thối tha ở nơi đáy nhí? Xã hội loài người phải cần có sự giả dối, tôi có dám cãi là không đâu !

Tôi lên gác ; trong bóng tối, một

thiếu nữ khăn trắng, áo the, quần lĩnh, thấy tôi, then thò, quay mặt vào tường.

Phải, cô nào cũng e lệ, then thò ! E lệ, then thò đến nỗi người ta phải dạy bảo các cô những dáng dấp, nhờ nhẽ để giả làm con bò lặc.

Tôi đã biết thế, nên tôi chẳng nề nang gì.

– Này, còn vờ vịn gì, con «động» ra chứ, rõ khéo vẽ vờ, giấu với diêm, rồi lại chả...

Cô ta lấy tay che mặt.

– Khéo lắm, che mặt là phải lắm.

Tôi giằng tay cô ra. Cô nhắm mắt lại, hai gò má có ngấn nước mắt. Phải, nước mắt hay nước dãi bôi lên cũng thế thôi.

Che mặt mặc, nhắm mắt mặc, nước mắt hay nước dãi mặc, miễn là cô ta trắng

trẻo, xinh xắn là được rồi, là tôi bằng lòng tính giá đặc biệt cho bà Hai rồi.

– Em hôn anh đi, hay không biết hôn để anh dạy.

Rồi tôi ngồi ngay lên lòng cô, tôi bá cổ, tôi hôn.

Lạ chưa, người cô bỗng run bắn hằn lên như phải bệnh sốt rét, cái gì ươn ướt, âm ẩm ở má tôi, tôi nhìn kỹ lại thì hai mắt cô đỏ ngầu, đầm đìa những nước mắt, mà lại quái gở chửa ! lúc tôi vớ đến «món quà đàn ông» mà tôi đã bỏ tiền ra mua lấy quyền giấy vò thì sữa vọt cả vào mặt tôi.

– Em có con đấy à ?

–

– Con em được mấy tháng? chồng em làm gì? ở đâu ? anh sẽ giữ kín cho em.

- Nhà em mất hồi năm ngoái.
- Sao em có con, em lại đi như thế này ?

Câu hỏi vô tình như trăm nghìn mũi kim đâm vào trái tim cô, khiến cô phải cúi lòng, cô ôm đầu khóc nức nở.

Tôi trông cô bấy giờ, rõ ràng là cái hình ảnh của sự đau thương. Tôi biết chắc là cô không giả dối, tôi biết chắc là cô không nén được lòng đau thương mà phải khóc, cái khóc thành thực náo nùng của sự thống khổ mà những giọt nước mắt nóng hổi kia lờ lờ như những giọt máu đã rửa sạch cho cô những nỗi nhục nhơ, nhục nhằn và đã làm cho tiêu tán cả cái lòng dục dề hèn của tôi lúc bấy giờ. Tôi thấy tôi bồi hồi, cảm động, cảm động trước cái cảnh đau thương thống khổ của người đàn bà. Cái lòng "chó ngựa" của tôi như bay đi mà nhường chỗ cho cái

lòng từ bi bác ái nó vẫn sẵn nấp ở trong loài người, tôi bỗng nổi lòng trắc ẩn – có lẽ là lần đầu – tôi bắt cô ta mặc quần áo vào, rồi móc túi lấy ra năm đồng đưa cho cô ta mà bảo.

– Từ rày em đừng đến đây nữa nhé.

Con Ch., con L. ở ngõ Vạn Thái, đã bị tôi xé quần, bóp cổ khi chúng không chịu hưởng ứng với cái tiếng gọi của xác thịt tôi; con T., con Q. ở Khâm Thiên đã bị tôi quật tiền sau khi không để cho tôi được mãn nguyện, giá thấy cách cử chỉ của tôi lúc bấy giờ, cũng phải lấy làm ngạc nhiên mà tự hỏi:

– Cái thằng đểu ấy lại có lòng tử tế được đến thế à ?

Cô này không nghĩ thế, trước cái cách cử chỉ lạ lùng của tôi, cô còn ngỡ là trong giấc mộng, nhưng tôi nhận kỹ ở

trên khuôn mặt thăm sâu ngơ ngác kia có hiện ra một vẻ mừng, có khác chi bông hoa kia, sau một trận mưa nặng nề đã được nhô đầu lên để hấp thụ lấy cái khí ấm áp của vầng thái dương chói lọi. Tôi trông cô lúc bấy giờ thật đẹp, vẻ vui, vẻ buồn, nó giao nhau ở trên làn thu ba kia khiến cho tôi bồi hồi ngây ngất, tôi vội vã vớ nắm quần áo ném cho cô mà bảo :

– Cô mặc mau mau vào, xuống ngay đi.

Cô mặc quần áo, sửa qua mái tóc, chào tôi rồi xuống thang. Nhưng không biết tại làm sao, đến nửa chừng cô lại quay lên, chạy lại ôm chầm lấy tôi, khóc nức nở mà bảo :

– Nhà em ở đầu ngõ L..T.. số..., khi nào rồi mời anh lại chơi.

Khốn khổ thay ! giống đàn bà họ chỉ

còn biết lấy cái thân của họ để đền bồi cho người ân hay người yêu mà thôi !

Cô nói xong, tất tả xống thang rồi ù té chạy. Bà Hai gọi thế nào cũng không quay cổ lại.

Giá mọi lần, tụi con buôn của bà Hai có nói với tôi rằng bố hay mẹ chúng đang ngắc ngoải ở trên giường bệnh, tôi cũng mặc. Tôi chỉ biết rằng tôi đã bỏ đồng tiền ra thì chúng phải chiều chuộng tôi đã.

Nhưng lần này, tôi lại tò mò muốn biết.

Khi ở nhà bà Hai ra, tôi đến ngay ngõ L..T.. Nhà này ở đầu dãy, ngoảnh mặt ra đường. Ở hồi bên trái, có một đồng gạch, tôi đứng nấp ở đó, nhìn vào mà không ai trông thấy được. Tôi ghé mắt nhìn qua cái màn hình đã rách mướp thì chỉ thấy một thằng bé độ năm, sáu tuổi,

ngồi đưa vông cho em, mà chẳng thấy cô kia đâu. Hay cô nói dối tôi ? Không, cái ảnh phóng đại treo trên tường nó bảo cho tôi biết : cô không có cái đức nói dối của hạng bán hàng trắng. Có lẽ, cô còn đi đâu chưa về.

Đại để, toàn thể gian buồng này, nó tỏ cho tôi biết: chủ nó đương lâm phải cảnh túng thiếu, nhưng cách bày biện gọn gàng sạch sẽ, cùng một vài vật xưa kia mua cũng nhiều tiền (mà ngày nay, thì bán chẳng ai mua, cho chẳng ai lấy, vứt chẳng ai nhặt) có thể chứng thực rằng: chủ nó mới phải túng thiếu đấy, chứ xưa kia chủ nó cũng có của ăn của để mà bao giờ cũng vẫn là người nết na, ngăn nắp.

Oe oe nhoe nhoe, tiếng khóc the thé như xé tan cái màn yên tĩnh nó che phủ gian phòng lúc bấy giờ. Thằng bé nhón

thấy em khóc, vừa đưa võng vừa ru :

*Em ơi, em nhủ cho ngoan,
Môt mai khôn nớn, no toan học hần.*

Cái giọng hát ngọng lú, ngọng lo, rời rạc như ốm đói có lẽ chẳng đủ làm cho em nó vui tai mà nín, nên nó cứ khóc.

Oe oe nhoe nhoe, tiếng khóc thất thanh kia rõ là cái tiếng khóc của đứa trẻ có sai, có đẹn. Thảm nào, anh nó ru mà nó không nín. Nhưng đừng tưởng thế mà anh nó thất vọng đâu. Nó càng khóc, anh nó lại càng hát, càng đu võng khỏe. Nhưng anh nó đói. Ta trông cái bộ mặt nhăn nhó của nó, ta trông cái bụng lép kẹp của nó dưới manh áo vá, ta trông cái dáng đi không muốn nổi của nó, ta nghe cái giọng hát rời rạc của nó, ta cũng có thể biết ngay là nó đói, nó mệt nên nó phải ngồi xếp xuống đất nghỉ, chỉ lấy tay vỗ vỗ vào người em nó mà cái tiếng hát

kia thì chỉ còn là cái tiếng thở hắt ra của con lợn người ta chọc tiết lúc sắp hấp hối.

Tiếng oe oe nhoe nhoe với tiếng kẽo kẹt kiu kịt của cái võng có phải là tiếng vui cười đắc thắng của ông thần bệnh, của con ma đói đang nhảy múa, để kỷ niệm sự đắc thắng, lúc khải hoàn.

Thằng anh ngồi nghỉ một chút, như đã có sức, bèn đứng dậy, cố bế em lên vai, rồi vừa xoa đít vừa nói một mình – mà nó nói một mình thật, em nó mới độ ba bốn tháng đã biết nghe đâu !

– Em nín đi, rồi tí nữa, mợ đem thuốc về cho em uống, đem bánh về cho anh ăn.

Hi vọng! bao giờ loài người cũng vẫn hy vọng. Cái hy vọng lúc bấy giờ là cơm với thuốc.

Ôi! trông cái cảnh thẳng anh bế thẳng em trong bầu không khí thăm đăm ấy mà tôi phải nảo lòng. Rõ ràng thẳng đói bế thẳng đau, rõ ràng bức ảnh đau thương của loài người mà ông Tạo–vật cơ cầu đã lấy máu thịt của những đứa hài nhi vô tội kia mà tô điểm nên.

Thưa các bạn, trong những lúc các bạn vui thú ở chốn nhà cao, cửa rộng, chẳng hay các bạn có nghĩ, đến những cảnh thương tâm ấy không ?

Hay hoặc giả các bạn phải cần đến những cảnh đau đớn ấy để làm cái thuốc do sự sung sướng của các bạn.

Hay hoặc giả, ông giời già độc địa phải cần có những cảnh xót thương ấy để làm tỉ lệ cho những sự sung sướng mà ông đã ban cho các bạn.

Hay hoặc giả, xã hội phải cần có

những bức tranh máu thịt ấy để điểm xuyết cho cái bộ mặt khóc cười của xã hội, hay hoặc giả xã hội phải cần có những đứa hài nhi cơ cực ấy để tô điểm cho cái cảnh ngựa xe huyên náo lâu đài nguy nga, càng thêm vẻ nguy nga, huyên náo.

Nếu có phải thế thì các bạn nên mừng rằng Hanoi ban ngày thật đã cho các bạn được thấy những cảnh tượng rất nên thơ, nên mừng.

Thưa các bạn, chẳng biết các bạn trông thấy thế thì các bạn nghĩ ra sao ? nhưng tôi, tôi là một thằng đấng tử, xưa nay chỉ biết có cái thú vui cười, coi đàn bà con gái là những món đồ chơi, con trẻ là những vật rất bận bịu, tôi phải cúi lòng trước cái cảnh náo nùng ai oán ấy.

Thằng bé tha em ra đến cửa để dòm qua khe xem mẹ đã về chưa, thì vừa lúc

ấy, tiếng giấy nghe lẹp kẹp ở phía đằng kia. Nó biết, nó đoán biết là mẹ nó đã về, nó mừng quá rú lên :

– Mẹ đã về rồi, mẹ đã về rồi, em ạ.

Em nó chưa biết nghe mà giá có biết nói thì cũng rú lên một tiếng mừng như nó.

Kẹt, cánh cửa mở, mẹ chúng choàng vào, ôm lấy chúng, bế bồng cả hai đứa vào lòng.

Tiếng mẹ gọi con, con gọi mẹ, riu ra, riu rít. Tôi trông ba mẹ con cô ôm nhau, yêu nhau, tôi tưởng chừng như thấy cái tình mẫu tử đã biến ra thành người mà bước chân vào gian buồng hẹp hòi, ẩm thấp này vậy. Bầu không khí đang thăm đăm buồn tẻ bỗng có vẻ hoạt động vui cười.

– Mợ mua bánh giò cho em đấy à ?

Mợ có mua thuốc cho em bé không, hờ mợ ? tiền đâu mà mợ mua thế, hờ mợ ?

Câu hỏi vô tình kia khiến cho cô nghĩ đến nỗi niềm mà nhỏ hai hàng nước mắt.

– Sao mợ lại khóc thế, hử mợ ?

– Đâu, mợ có khóc đâu, con ăn bánh giò đi.

– Nước mắt kia là gì ?

Rồi thằng bé đói đã mèm người cũng chẳng tưởng gì đến ăn, nó vội chạy lại bá lấy cổ mẹ, nó lấy má lau mướt mắt cho mẹ, rồi nó nũng nịu bảo :

– Mợ nín đi, không em cũng khóc bây giờ, em không ăn bánh giò nữa bây giờ.

– Thôi, mợ nín rồi, con ăn đi, để mợ cho em bú, cho em uống thuốc.

– Thế mợ ăn chưa, hờ mợ ?

– Ăn rồi.

– Mợ nói dối, mợ chưa ăn, hôm qua cũng thế, còn cơm nguội mợ để cho em ăn cả, mợ lại bảo mợ ăn rồi, mợ chỉ nói dối để nhin (!!)

Xong, nó làm ra bộ dối, quay mặt đi mà nói:

– Mợ không ăn với em, em cũng không ăn đâu.

– Con ăn đi không đói, từ sáng chưa được miếng gì, mợ đã bảo mợ ăn rồi mà. Đấy con coi, không ăn sao có sữa cho em bú, sáng ngày có sữa đâu ?

Thằng bé như tin cái lý thuyết ấy, liền bóc bánh ăn. Nó ăn coi bộ ngon lắm. Mẹ nó cho em nó bú, em nó núc lấy núc để cũng ngon lành, vui sướng như nó. Mẹ

chúng nó ngồi nhìn chúng nó vui sướng mà mặt mũi cũng hớn hở hình như vui sướng cái vui sướng của chúng nó.

– Còn một cái, mẹ ăn đi.

– Thôi, con ăn cả đi cho thật no, con no là mẹ no rồi.

Phải, muốn cho nó no, muốn cho nó có miếng chín, mà mẹ nó phải đem bán sống cái thân thể ngọc ngà trong sạch cho những con quỷ đói máu, đói thịt như tôi. Tôi trông cô lúc bấy giờ, thật là cái hình ảnh của sự hi sinh, hi sinh một đời bằng tuyết thơm tho để lấy một miếng cơm, một ngụm thuốc cho no lòng mát ruột những đứa con yêu quý kia. Tôi thấy cái cảnh ba kẻ yếu ớt kia họ bám víu vào nhau, chia bùi sẻ ngọt cho nhau, an ủi âu yếm lẫn nhau mà tôi choáng váng tê tái. Tôi nghĩ đến cái đời vô dụng, lêu lổng xưa kia mà tôi thấy tôi bỉ ổi, khốn nạn,

đê hèn, chó đểu. Có lẽ tôi biết khinh tôi lần này là lần đầu.

– Thôi, con ăn xong, con giữ em để mẹ đi chợ đong gạo.

– Mẹ đã có tiền đong gạo rồi à ?

Câu hỏi tự nhiên kia lại khiến cô phải nghĩ ngợi. Cô nhìn hai con, nhìn bàn thờ chồng rồi cô ngửng đầu lên nhìn ngay vào chỗ cửa sổ tôi đứng nấp, cô nhìn cái thế giới mờ mịt ở trước mặt cô, mà có lẽ ở trong cái thế giới tưởng tượng ấy, cô nhìn thấy cái hình ảnh tôi.

Tôi thấy cái nhìn thù mị, ấm áp, sâu xa mà cái ánh sáng trong trẻo thần tiên kia như có cái mãnh lực tiềm nhập vào thân thể tôi, thấm thía tới tim gan tôi, xua đuổi hết những tư tưởng đê hèn của lòng dục vọng khốn nạn đi. Cái nhìn kia như đã cảm hóa được tôi, cảnh tỉnh cho

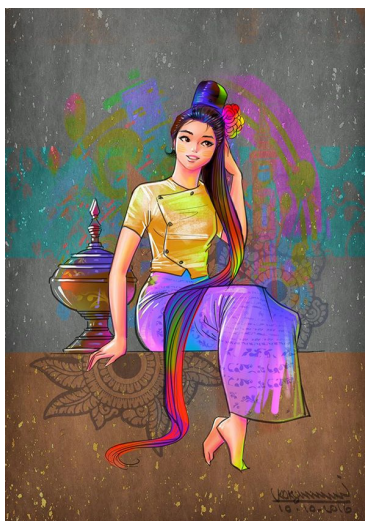
tôi. Tôi thấy tôi bỗng có cái óc sáng suốt biết phân biệt lành, dữ, phải, trái ; tôi thấy trái tim tôi biết hồi hộp về những điều đáng yêu, đáng quý. Tôi ngoảnh lại cuộc đời dĩ vãng của tôi mà tôi bỗng rùng mình... Tôi tự cho tôi là thằng khốn nạn nhất trần gian. Tôi rút cái nhẫn, ví tiền ném vào cửa sổ, rồi tôi bỏ chạy như một thằng điên.

Cái ký ức ấy ngày nay đã xa lắc. Nhưng mỗi lần, tôi nghĩ tới, tôi lại bồi hồi, khiến tôi phải xót xa ngậm ngùi cho biết bao nhiêu cảnh đoạn trường, ai oán, nó cứ theo nhau phô bày ra ở đất Hanoi giữa ban ngày sáng sủa này mà một mớ bụi mù không sao che lấp đi được.

Tôi viết bài này để tặng người bạn rất quý yêu của tôi ở bên phương trời kia mà lúc nào cũng mong nhớ đến tôi , cũng kỳ vọng cho tôi được thành đạt, cùng là

tặng đất Hanoi mà mỗi một hòn gạch, mỗi một nắm cỏ, mỗi một nóc nhà, mỗi một cái bóng mát như đã nhắc nhở cho tôi bao nhiêu cảnh tối tăm đáng buồn, đáng khóc mà nó cũng là cái hình ảnh rục rĩ của bao nhiêu việc làm đáng kính, đáng trọng đã xảy ra ở trên miếng đất này.

CÔ GÁI CỒ LÀ (UNE BIRMANE)



Myamar lady's

Những đồn đồn phỉ nhiêu bát
ngát đã làm cho bao nhiêu tỉnh

Cô gái Cồ -là

thành nước Cao-mên được phồn thịnh
sầm uất.

Trừ kinh đô Nam-vang là chỗ thị
trường nhờ về sự thương mại mà được
phồn thịnh chẳng kể, thì sầm uất nhất,
đồng đúc nhất, sản ra nhiều thóc gạo nhất
là tỉnh Battambang. Người ta đã phải cho
xứ Battambang là cái lẫm thóc của nước
Cao-mên (le grenier du Cambodge).

Câu nói ấy cũng không phải là ngoa.
Khắp tỉnh Battambang đi đến đâu cũng
chỉ thấy những ruộng là ruộng. Một,
chập, đồng lúa chín, vàng dọi một màu,
bao la bát ngát, hình như ông “Thần
nông” đã quá yêu đứa con cưng là xứ
Battambang kia mà đem trái cái thảm
kim tuyến cho ngồi lên vậy. Suốt từ tháng
bảy cho đến tháng chạp là mùa nước lớn
khắp các đầu sông ngọn nguồn, hàng
đoàn ghe lớn, bé, châu đầu nhau ở các

bến để lấy thóc tải đi Chợ-lớn⁷. Nếu ta ra Biển-hồ (lac Tonlésap) là chỗ hợp lại của các sông vùng này, ta sẽ thấy một cái trạng thái lạ lùng; trên mặt nước mênh mông xanh biếc, những lũ “kênh nghề⁸” đen lù lũi, hết tốp này đến tốp khác, cứ lù lù mà lội về phía Nam...

Thóc gạo đã làm cho bao nhiêu huyện lỵ tỉnh Battambang thành ra những nơi đô hội đông đúc, phồn thịnh. Nhưng lạ thay, cách tỉnh lỵ độ sáu mươi cây số, có một nơi dân cư cũng đông đúc, sự buôn bán lại sầm uất hơn mà tuyệt nhiên chung quanh chẳng có một cây lúa nào; gạo ăn người ta phải đi mua tận Battambang đem về. Huyện lỵ ấy là xứ Bo (Pailin).

Bốn bề rừng rậm, núi cao như vây bọc chốn này vào những hàng rào kiên

7 Sông vùng Battambang cứ vụ nước lên, thì những thuyền trọng tải từ 300 tạ đến 40.000 mới vào được.

8 Các ghe thường sơn hắc ín.

cổ khác chi những lũy tre xanh đã bao phủ các làng mạc ở trung châu xứ Bắc-kỳ. Về đêm, lam sơn, chướng khí giết người xông lên mù mịt, những đàn muỗi vòi nhọn, bụng mọng là kho chứa bệnh sốt rét bay ra đen ngịt.

Những nỗi hiểm nghèo ấy đã khiến cho người Cao-mên nghe thấy tiếng “đi Bo” nlnư nghe tuyên án tử hình vậy. Ấy thế mà phố xá hàng quán san sát, kẻ lại người đi tấp nập dường như không để ý gì đến những tay sai đắc lực của ông Thần Chết nó rình ở bên mình. Nếu ta nhìn kỹ khách qua lại trong phố phường, ta không trông thấy cái đầu trọc tếu, cái quần cộc tếch của các chú Chệt, cũng không thấy cái sarong⁹ loang lổ, cái sampot¹⁰ thắt đuôi của người Cao-mên, ta chỉ thấy những sắn-lây¹¹ sặc sỡ, những

9, Đại để là một thứ “váy”

10 Đại để là một thứ “váy”

11 Đại để là một thứ “váy”

áo chèn cụt tay mùi xanh, mùi đỏ... là thứ y phục riêng của người Cồ-là (Birmans).

Chợ-lớn là cái “tổ” người Khách ở Nam kỳ mà Bo (Pailin) là cái “tổ” người Cồ-là ở Cao-mên. Nhưng Khách-trú họ kéo nhau đến Chợ-lớn để buôn bán, chứ người Cồ-là họ kéo nhau đến chỗ “ma thiêng nước độc” này để làm gì? Mà ở chốn rừng cây kẽ đá này họ lấy kế sinh nhai gì để nuôi sống?

Đôi, núi chập chùng bao phủ xứ Bo này là những mỏ thủy soan (tục gọi là hột xoàn Xiêm. Xứ Battambang trước kia thuộc quyền cai trị của nước Xiêm) và các ngọc quý đấy. Sở dĩ, người Cồ-là họ chẳng nề quan san, chẳng quản sống chết mà đến đây là vì ngoài việc kiếm những đá thủy soan nó đã là một mối lợi to, họ lại còn cái hy vọng: một ngày kia, số phận đưa lại, họ sẽ kiếm được

một viên ngọc quý nó làm cho họ trở nên giàu to ngay. Những sự may mắn ấy thường đã xảy ra luôn. Năm 1912, một viên ngọc bán sang Mỹ được hơn 30,000 \$. Năm 1915, một viên ngọc bán được hơn 10,000\$. Năm 1919 một viên bán sang Londres 50,000\$. Còn những viên ngọc bán bạc nghìn thì thường năm vẫn có. Nội thành phố Bo, đi đến đâu cũng chỉ nghe thấy tiếng kéo kệt của cái bàn đập thợ tiện hòa lẫn với tiếng xè xè của cái mặt bàn đá dùng để mài thủy soạn.

Tháng tám năm 1925, xứ Bo đương mải miết về sự tìm ngọc, chẳng có chuyện gì mới, lạ, thì cái tin: “thầy giầy thép cũ sắp đi, thầy giầy thép mới sắp đến” làm cho người Cổ-là ở đây phải để ý vì ngoài ông Đại-lý người Pháp, quan Chanfaikhand¹² người Cao-mên thì thầy thông giầy thép đứng vào cái địa vị

¹² Quan huyện

thứ ba. Thầy giấy thép lại có quan hệ mật thiết với họ hơn, là vì ngày nào họ cũng phải ra giấy thép để gửi thư, gửi thủy soạn, gửi điện tín đi các nước mà họ đều không biết chữ Pháp, phải nhờ thầy giấy thép đề địa chỉ hoặc xem hộ.

Thầy giấy thép mới? Họ muốn biết mặt, họ nóng biết người, thế rồi một hôm họ đã được mãn nguyện. Cái xe bò kịu kịt, cao lêu đêu đã đưa lại cho họ một chàng thư sinh mặt mũi trắng trẻo ngơ ngác hã hùng như chim mất tổ, mà rồi họ phải lạ mắt về cái khăn xếp đen sì, cái áo the xúng xính, cái quần ống sớ trắng tinh cùng cái ô lục soạn cầm ở tay như một cái ba-toong.

Ở chỗ tứ chiếng quần cư này, nào áo Tây, nào áo Khách, nào cà-pông¹³ nào sampot đỏ, nào chàng-mạng tím, nào

13 Cà pông : một thứ áo dài khâu kín tà.

sần-lây xanh, nào caseng¹⁴ vàng, trăm thứ mùi lòe loẹt sặc sỡ như thế, mà bỗng đem vất một cậu “thư sinh khăn lượt, áo the” vào đây thì có khác gì đương năm 1934 này, ta đem một cô thiếu nữ “cũ rích” nhấn quần, dép cong, nón quai thao, khăn vành dây ném vào giữa phố hàng Ngang, hàng Đào là chốn vườn hoa tân thời đầy những bóp đầm, ô đầm, đường ngói lạch, giầy cao gót không. Họ lạ mắt, họ chương mắt là phải lắm.

Nhưng máy thuyền chuyển quan chức nó vô tình có nghĩ đâu đến cái chỗ “kỳ quan” ấy, nó cứ điem tĩnh ném tung ra khắp xứ Đông Pháp những cái hiện tượng “phì cười” như thế.

Thầy Thông U... mới đổi ở Bắc kỳ vào Cao-mên được ba tháng, đương làm việc ở nhà Bưu-điện Pnompenh, bỗng được tin phải đổi đi Pailin. Nghe tin, thấy phát

14 Caseng : khăn quàng cổ.

lạnh cả người, nhưng trên đường công danh, không thể lùi được. Thấy phải nhắm mắt mà đi, bụng vẫn khẩn thăm tiên tổ phù hộ độ trì cho được bình yên vô sự mà về. Ngồi trên cái xe bò nó đưa thầy lên xứ Pailin, thầy còn nghe văng vẳng những lời anh em dặn bảo: phải đề phòng bệnh sốt rét, phải uống cho nhiều quinine, phải tiêm quinoforme, phải uống nước lọc, phải đun cho sôi, phải lọc cho kỹ, phải uống rượu, phải kiêng hoa quả, phải... Ôi hàng trăm cái “phải” như thế nữa, mỗi lần thầy nghĩ đến, thầy rung mình rợn gáy tưởng chừng như con quỷ “sốt rét” nó chạy xô đến nắm tóc, xách cổ thầy mà ném cho ông Thần Chết vậy.

Thầy đến xứ Bo, thầy thấy rừng núi chập chùng mà thầy bùi ngùi cho thân thế, lo sợ cho tính mệnh. Một điều nữa buồn thêm cho thầy là không biết một tiếng Cao-mên, một tiếng Cồ-là nào,

thành thử có mồm cũng như câm, có tai như điếc, tâm sự u uất ở trong lòng chẳng còn biết than thở với ai. Có anh loong-toong người Cao-mên cũng biết được vài tiếng Annam nhưng chẳng qua chỉ đủ dùng làm thông ngôn trong khi mua tem, bán tem, giữ giấy, giữ má xì xằng mà thôi.

Mỗi khi đứng trước cửa tò vò nhà giầy thép nhìn ra, thầy trông thấy làn mây đen kéo đến bao phủ một góc trời, mà thầy bồi hồi ngây ngất, mà thầy lo sợ, mà thầy tự bảo: “Có lẽ ta đến bỏ xác ở xứ người”. Rồi thầy nhìn trong tưởng tượng hình như thấy hai cánh cổng nhà thương Battambang đã mở ra để đón lấy cái thân thể phù thũng, xanh nhợt, vàng ửng của thầy, rồi nhà Bưu-điện Battambang sẽ phải đánh cái tin ai oán là cái tin thầy chết về Hà-đông cho thân mẫu thầy. Gia đình thầy biết trông cậy

vào ai?! Nghĩ đến đấy, thầy toát mồ hôi trán. Trông thầy lúc bấy giờ, hai mắt lim dim, mặt mũi nhợt nhạt như một người đã chết, tưởng chừng không còn cái sức mạnh gì lôi thầy lại cõi đời này được nữa, thì bỗng chuông máy báo ran, thầy lại sẽ mở mắt từ từ đến ngồi trước bàn máy lóc cóc, lóc cóc... ném tung những tin vui, buồn, sống, chết đi khắp các nơi.

Một tháng, hai tháng... Thầy sống như thế, thầy vẫn sống, thầy vẫn phải sống bằng cái bộ mặt ngơ ngác ử rữ ấy, đeo nặng những tư tưởng lo sợ bị ai ấy cùng cái hy vọng: sắp đến ngày được đổi đi chỗ khác. Cứ cuối tháng thầy gửi các giấy má kế toán về phòng bưu điện Pnompenh, thầy lại kèm thêm cái đơn xin đổi cho quan Chánh.

Những đơn liên tiếp cùng một giọng “bã mía” ấy đã làm cho quan Chánh tòa

bưu điện Cao-mên phải bực mình mà tự nghĩ: nếu cuối tháng sau, nó còn xin đổi lòi thôi nữa, ta sẽ viết giấy khiển trách.

Đến cuối giêng năm 1926, ngài dỡ những giấy kế toán ở Pailin gửi về thì chỉ thấy nào: K.16, K.16 bis, F.23, nào K.29, nào F.22¹⁵.. chẳng thấy cái đơn xin đổi “hàng tháng” kia đâu nữa. Ngài phải lấy làm lạ mà tự nghĩ: “thằng bé đã chịu phép ở yên mà làm phạm sự rồi”. Ngài tưởng lầm. Ngài có biết đâu: thằng bé chịu ở yên là vì một lẽ khác, chứ không phải vì phạm sự.

Một sự bất ngờ cũng như trăm nghìn sự bất ngờ khác thường xảy ra ở đời gây nên những việc tày đình mà ta không hề tưởng đến, đã khiến thầy Thông U... chạm trán với Néang Mia, một gái Cô-là đẹp nhất vùng Bo này. Lần đầu, thoát nhìn thầy nàng, thầy tưởng chừng như được

¹⁵ Tên riêng giấy má kế toán nhà Bưu-điện

gặp một cô thiếu nữ của sông Hương, núi Ngự mà một bà tiên đã dùng gậy thần-xích biến bộ quần áo dài lướt mượt kia ra bộ vũ y rực rỡ này. Phải, cũng khổ mặt bầu bĩnh ấy, cũng nước da trắng trẻo mịn màng ấy, cũng nụ cười bí mật mà tình tứ, cũng đôi con mắt lóng lánh ấy. Có khác là khác cái áo lụa chần mỏng không ống tay mùi hương, cái sần-lây mùi hoa lý, đôi sà-bai chơn¹⁶ nẹp xanh nẹp đỏ cùng là mái tóc cánh phượng búi ngược xòa ra như một cái tán nhỏ ở trên đầu. Thấy trông thấy con người đẹp dễ mặn mà ấy trong bộ xiêm áo màu sắc ấy, thấy tưởng tượng như gặp nàng tiên ở chốn giao trì. Thấy đắm mê, đắm yêu rồi đem lòng ước vọng. Rồi mỗi khi cô Néang Mia ra nhà giầy thép mua tem, gửi hàng thầy lại chùng chình làm ra chậm trễ, dùng một vài tiếng Cao-mên mới học được, ngỏ lời ghẹo cợt (ở xứ này người Cồ-là giao

16 Một thứ dép như dép Nhật-bản.

thiếp với người ngoài thường dùng tiếng Cao-mên). Dẫu những tiếng cộc-lỗng mà thầy nói còn chưa đúng giọng, như slanh (yêu) chô-chất (bằng lòng)... chẳng đủ giải hết được bầu tâm sự của thầy, nhưng cô Néang Mia dường như cũng hiểu. Cô nói gì thầy chẳng hiểu, hay cũng hiểu lỏm bỏm, nhưng thầy xem dáng điệu cũng có thể đoán chắc được: cô cũng chẳng ghét thầy mà có lẽ hình như cô cũng mến thầy. Rồi ở tập lịch treo trên tường, mỗi một tờ mà người loong-toong hàng ngày bóc đi, là một lần tư tưởng ủ dột ở trong thần trí thầy nó bay đi, nhường chỗ cho những cảm giác thú vị và nồng nàn của ái tình. Rồi lòng “lo chết”, chỉ “muốn xin đổi” cũng dần dần nguội lạnh đi mà cuối tháng ấy quan Chánh sở Bưu điện Cao-mên cũng không nhận được lá đơn xin đổi của thầy Thông U... nữa.

Những câu hỏi “ta có phải chết ở

chốn này không, có được đổi đi chỗ khác không” ở trong óc thầy cũng bay đi mà nhường chỗ cho những câu hỏi khác : “Nếu cha mẹ Néang Mia bằng lòng gả nàng cho ta, ta có thể đem nàng về Bắc-kỳ được không? Nàng có thuận theo ta về Bắc không? Nàng đã yêu ta, ta đã yêu nàng, có xa nhau được không?” Nghĩ đến nông nỗi phải xa người yêu, nghĩa là phải rời bỏ chốn rừng thiêng nước độc là xứ Bo “giết người” này, thầy Thông U... tê tái trong lòng dường như lúc bước ra đi cái tay ngọc ngà của người yêu đã nắm “ruột gan” thầy mà lồi trở lại. Thầy thấy một làn mây hắc ám, thê lương nó bao bọc lấy tâm hồn thầy, tưởng chừng như thầy bước ra khỏi chốn “chứa đầy những lam sơn chướng khí” này là thầy đã bước chân vào cõi chết: cõi chết của tấm lòng đã không biết sống làm vui. Trước kia thầy sốt sắng mong mỗi được chóng xa

xứ Bo này bao nhiêu thì ngày nay, thầy lại sốt sắng mong được ở lại bấy nhiêu. Ngày nay, thầy coi cái chết của tâm hồn còn ghê gớm bằng mấy cái chết của xác thịt. Lúc ấy giá con quỷ sốt rét nó hiện ngay lên nhe nanh dơ vuốt mà bảo thầy: “Nếu mày không đi khỏi chốn này, tao sẽ bắt ngay mày đi”, thầy cũng cả quyết mà giả nhời ngay: “Tôi xin chết ở đây”.

Trong khi thầy Thông U...lòng đang sôi nổi về những tư tưởng ấy thì ngoài phố Bo, người ta cũng sôi nổi lên về cái tin thằng Mang-Seng-Khet, đây tớ nhà cô Néang Mia mới kiếm được một viên ngọc đá rất quý. Dân Cổ-là cư ngụ ở đây đều rủ nhau lại nhà thân phụ cô Néang Mia để coi viên ngọc ấy, để ước giá mà có lẽ cũng là để nuôi lấy cái lòng ghen ghét đối với anh đây tớ may mắn kia. Ấy thói đời trâu buộc vẫn ghét trâu ăn mà kẻ không gặp may vẫn ghét kẻ gặp may.

Trong cái nhà gạch ba gian, bao nhiêu người xúm xít chung quanh viên đá cuội to bằng cái trứng gà – một viên đá vì chưa mài thì chưa thành ngọc được – kẻ bàn ra người nói vào âm ỹ:

– To nhỉ, nặng đến hơn một trăm carats.

– À, viên hồng bảo thạch, bán được giá lắm đấy.

– Có lẽ bán được 20,000\$.

– Không được 20,000\$, nhưng thể nào cũng bán được hơn 10,000\$ nhưng phải mài khéo lắm mới được giá ấy. Ở đây, không có máy tốt, mài hỏng mất, phải gửi đi Rangoon hay Londres.

– Phải gửi đi Londres hay New York chứ đừng gửi đi Rangoon, ở đấy mài cũng chưa được khéo.

Thằng Mang-Seng-Khet nghe những lời bàn luận ấy mà mừng. Mà cũng đáng mừng thật. Nó sang đây làm đầy tớ nhà Néang Mia đã sáu năm nay, trải bao lao khổ, lương lậu lại ít ỏi, chẳng để dành được một đồng be¹⁷, nay bỗng được cái của “giời cho” hơn một vạn ấy, thì đáng mừng biết bao. Nhưng kể nó cũng là gan. Đương nghèo kiết mà phút chốc trở nên giàu có như thế, quá mừng mà không chết, cũng là đáng khen lắm.

Hôm ấy, Néang Mia lại đi đong gạo ở Battambang nên không hay, mấy hôm sau nàng về, thằng Mang-Seng-Khet vội vã nói cho nàng biết.

– Thưa cô, tôi mới kiếm được một viên ngọc đá quý.

– Đáng bao nhiêu?

– Ít ra cũng được vạn bạc.

17 Một thứ tiền trinh trị giá bằng đồng kẽm

– Thế thì cô mừng cho mày, mày đã gửi đi mài rồi chứ?

– Chưa, anh em cứ bảo tôi gửi đi ngay, nhưng tôi muốn đợi cô về đưa cho cô xem. Tôi còn gửi cụ, nếu cô muốn xem tôi đi lấy cho cô xem.

Sau nó lại ngập ngừng ấp úng nói tiếp:

– Nếu cô bằng lòng... tôi sẽ đem biếu cô.

– Thế là nghĩa lý gì, tao không hiểu. Bằng lòng cái gì?

– Nếu cô bằng lòng thương.... thương... thương đến ... đến tôi, tôi xin đem viên ngọc ấy làm lễ cưới ...

– Đồ ăn mày, đồ ăn xin, mày tưởng viên ngọc của mày đã quý lắm sao, vạn bạc của mày đã to lắm đấy! Tao thèm

vào, từ rầy mày còn nói láo lếu như thế tao tát vỡ mặt mày ra. Đồ khốn nạn !

Nàng mắng thẳng Mang-Seng-Khet, rồi nàng lại nghĩ đến thầy Thông U... Nàng tưởng tượng giá góp hết các hòn đá quý trong thiên hạ lại, nàng cũng không yêu bằng một nụ cười của “anh chàng Bắc kỳ” si tình mà thực thà kia vậy.

Miệng đời thường nói: tiền là nhất. Nhưng nếu xét kỹ ra, nó có “nhất” là “nhất” với những người cho nó là nhất mà thôi. Ta quảng rõ nhiều tiền ra có thể “mua được tiên”, có thể mua được ngọc quý chứ vị tất đã mua được một trái tim, vị tất đã khiến nó phải “nóng hổi” vì ta được. Như thế thì tiền vị tất đã quý bằng “trái tim đỏ”, như thế thì, “trái tim đỏ” chỉ có thể lấy “trái tim đỏ” mà đánh đổi được thôi. Trái tim đỏ ! người là vật báu vô giá quý nhất ở trong cõi đời này. Mà

cũng đáng khen cho thằng gia nô Mang-Seng-Khet kia. Nó có con mắt tinh đời thực. Nó đã nhìn thấy một vật quý hơn hòn ngọc quý của nó.

Thằng Mang-Seng-Khet bị mắng, xấu hổ ôm đầu cút mất, nó đành phải đem viên ngọc đá đóng hộp để gửi đi mài, rồi để bán lấy tiền mà trở về Cồ-là (Birmanie) an hưởng sung sướng cho bỏ cái công trình lao khổ bao nhiêu năm nay, nhưng nó vẫn tiếc không đem viên ngọc “chết” mà đổi lấy viên ngọc “sống” được.

Sáng hôm sau, nhà giầy thép Pailin vừa mới mở cửa, nó đã đem cái hộp vào.

– Thưa thầy, thầy gửi giùm cái hộp này cho con.

– Phát tài nhỉ, thầy mừng cho mày. Định gửi đi đâu ?

– Thưa thầy, thầy đề cho con đi Londres, cái địa chỉ đây, thầy cứ đề theo như thế. Nhưng gửi cách thế nào chắc chắn nhất thầy bảo con.

– Kể vật nhiều tiền như thế này phải đem về nhà giấy thép Battambang gửi theo cách khai giá (valeur déclarée) mới là chắc chắn.

– Xa quá, đương mùa mưa, xe ô-tô hàng sẽ không đi lại được. Đường rừng lầy lội, nguy hiểm, con đâu dám đi bộ. Thôi thầy cứ xem ở đây có cách nào chắc chắn nhất thì thầy gửi cho con.

– Ở đây, không có quyền nhận những vật gửi theo lối khai giá, cách gửi đảm bảo (recommandé) là chắc chắn hơn cả.

– Thế thầy cứ gửi như thế cho con cũng được . Ở trong hộp, ai biết là cái gì mà sợ họ ăn cắp, mà đã đảm bảo thì còn mất đi đâu.

Thầy Thông U... để chỗ ở, biên vào sổ rồi viết biên lai đưa cho thằng Mang-Seng-Khet. Xong rồi, thầy đem cái hộp bỏ vào cái tủ sắt con, kê ở bên tường. Cái tủ này cũng như trăm nghìn cái tủ sắt của các nhà bưu điện nhỏ, ít tiền xuất nhập, nó đều không có ổ khóa chữ, chỉ toàn dùng khóa thường mà thôi.

Mười một giờ. Thầy Thông U... ăn vội ăn vàng rồi sắp ngựa ra phố vào nhà Néang Mia trò chuyện cũng như mọi ngày.

Hai giờ rưỡi thầy về, ung dung cầm chìa khóa mở tủ để lấy tem bán cho người ta, thì ôi thôi! cái hộp không cánh đã bay đằng nào ? Lục soát, tìm kiếm mãi chẳng thấy đâu, thầy vội vàng báo loong-loong đi trình ông Đại-lý và ông Phủ. Ông Phủ hôm ấy lại đi việc quan vắng, chỉ một mình ông Đại-lý đến. Ông khám

xét nhà cửa, tủ sắt một lượt kỹ càng, rồi ông bèn gọi loong-toong đến hỏi cung. Cung hỏi xong, ông bèn gọi thầy Thông U... lại gần mà sẽ bảo :

– Việc này mờ tối lắm. Tôi xét kỹ càng các cửa ngõ, ngoài sân trong nhà không có một vết tích gì có thể chứng thực rằng: đã có một kẻ gian tiềm nhập vào đây. Mà ban ngày ban mặt, nếu có ai vào thì láng giềng chung quanh tất có kẻ trông thấy. Kẻ ăn trộm này có lẽ là người trong nhà. Mà trong nhà này thì không có ai, chỉ có một mình thầy, mà có lẽ chính là thầy.

– Thế quan lớn ngờ cho tôi ăn cắp giấu đi mà phao lên như thế hay sao ?

– Tôi không ngờ mà tôi dám chắc như thế, vì rằng lúc thầy bỏ cái hộp vào tủ khóa lại, người loong-toong tuy có biết nhưng thầy vẫn có mặt ở đây. Nó dù

có muốn lấy cũng không lấy được. Tôi đã bảo cái hộp ấy là người trong nhà lấy, mà thằng loong-toong đã không lấy thì còn ai? Thầy không có đầy tớ, vợ con; ở nhà này chỉ có một mình thầy. Tôi sợ dĩ mà không bắt giam thầy ngay là vì công việc nhà giấy thép khẩn cấp không thể một ngày không có người, hai là tôi nghĩ thương thầy còn trẻ đại. Nếu có phải thầy trót tham mà lấy thì phải giả lại cho người ta. Nếu từ nay đến sáng mai, thầy không hồi tâm lại tôi sẽ phải làm theo bốn phận. Mà nếu làm ra, thầy vừa mất việc, vừa phải tội. Thầy nên nghĩ kỹ kéo hồi không kịp.

Ông Đại-lý nói xong rồi về, để hai người lính lại gác cổng không cho thầy Thông U... đi đâu.

Rộng lượng thay ông Đại lý! Nhưng không lấy thì đào đâu ra mà giả lại cho người ta được.

Một mỗi ngờ ! Một mỗi ngờ mà sức người không làm cho tiêu tán đi được, độc địa thay !

Ăn cắp ! mất việc ! phải tù ! ba tiếng sét đánh liên liên ngay bên tai cũng không làm cho thầy Thông U... kinh hãi bằng. Tâm sự thầy lúc ấy thế nào chẳng cần phải nói ta cũng đủ hiểu. Thầy oan, thầy đau đớn về nỗi oan. Thầy muốn gào thét để tỏ nỗi oan.

Nhưng thầy xét ra cũng vô hiệu. Cứ như lời quan Đại-lý nói thế, các tang chứng đã buộc chết cho thầy không còn cách nào mà gỡ cho khỏi tội được nữa. Thầy tự nhủ : “Nỗi hàm oan này, có chẳng chỉ ông giới cùng ta biết mà thôi... mà có lẽ chỉ Néang Mia biết nữa mà thôi: vì nàng biết chắc ta không thể nào đè ép lương tâm mà làm một việc đê hèn như thế được”.

Ôi, lòng tin ngưỡng của ái tình còn mạnh hơn lòng tin ngưỡng của tôn giáo! mà chỉ có những người nào yêu nhau mới biết tin nhau mà thôi.

Thầy Thông U... nghĩ đến Néang Mia lòng đau như cắt, hình như có một sức mạnh bí mật gì bảo cho thầy biết: có lẽ cuộc tình duyên của thầy sẽ vì việc chẳng may này mà tan nát. Thầy lại tưởng tượng đến cảnh éo le não nùng của gia đình thầy: cha đã chết, nhà thì nghèo, mẹ thì già, bốn em còn dại ; nếu nhất đán được cái tin ghê gớm này, nếu nhất đán thầy mất việc không tiền gửi về thì .. Nghĩ đến đây, thầy tưởng chừng như mẹ và bốn em cũng cùng phải chịu chung một cảnh xót thương tù ngục sau này của thầy. Thầy thấy ruột gan thầy như xé.

Người ta thường nói : “Những người con hiếu, những người anh hiền mới là

những người tình nhân không hai lòng”.
Thật đúng lắm.

Trong nhà giấy thép, thầy Thông U... như nằm trên đồng lửa mà ngoài thì người kéo đến ngóng tin đông như hội. Họ bàn luận, phỏng đoán xôn xao. Nhưng to tiếng nhất là thằng Mang-Seng-Khet. Nó được cái tin ghê gớm ấy nó tưởng chết ngay mà không chết được. Nó lại nghe người ta nói: “Những vật đảm bảo mà nhờ có thất lạc thì nhà bưu điện chỉ đền cho 25 quan tiền Tây mà thôi”. Nó lại càng thất vọng, mà đã thất vọng thì tất nhiên là nó phải căm, hờn, oán, giận cái người mà đã làm cho nó thất vọng ấy. Nó chạy như bay đến nhà giấy thép. Nếu không có hai người lính cản nó lại, có lẽ nó đã xông vào đánh đập thầy Thông U... rồi.

Néang Mia cũng lại coi, thấy thiên

hạ họ nghi cho thầy Thông U... ăn cắp nàng tự nghĩ: “Không có lẽ, người yêu của ta lại là một người ăn cắp được, con người như thế không có thể nào làm một việc đê hèn như thế được”. Nàng nghĩ đến đây muốn kêu to lên cho mọi người biết: “Người yêu của tôi không phải là kẻ ăn cắp, mà không khi nào ăn cắp được.” Nàng thấy Mang-Seng-Khet nó xắn xiêm áo, hoa tay múa chân, gào, thét, chửi, mắng ầm ĩ mà nàng muốn chạy lại tát cho nó mấy cái. Nhưng nàng suy đi xét lại làm như thế đã chẳng ích gì cho người yêu, mà chỉ thêm xấu hổ cho nàng, nàng bèn nghiêm sắc mặt bảo thẳng Mang-Seng-Khet :

– Nào đã biết ai ăn cắp mà mày hàm hồ như thế, còn chờ ông Đại-lý xét xem phải trái ra làm sao đã, mà dù người ta có lấy của mày cũng đã có nhà nước định tội, mày không có phép chửi người ta

như thế. Bước về ngay đi. Đồ khốn nạn chỉ quen lão lếu.

Như một đám mây mà trận gió kéo lại cuốn ngay đi, cơn lôi đình thẳng Mang-Seng-Khet bỗng tiêu tán đi đâu mất. Nó bèn ôm đầu cúi thủi trở về như một con chó nép lưng dưới con mắt giận dữ của người chủ. Nhưng dù sao nó cũng không quên việc nhờ người làm đơn để đi kiện thầy Thông U...

Lúc người đến xem đã được hả tấm lòng tò mò, tản về hết như một đàn ruồi thấy có ăn thì bâu đến, lúc no bụng lại kéo nhau đi, nàng bèn cho tiền hai người lính rồi lên vào nhà giấy thếp.

Trông thấy thầy Thông U... nằm gục ở trên giường, nàng thương quá chạy lại bế thầy vào lòng mà hỏi đầu đuôi, nhưng thầy Thông U... chỉ khóc tấm tức mà không nói được. Lâu lâu thầy mới dùng

những tiếng Cao-mên “bập bẹ”, mà ú ở bảo nàng:

– Tôi không ăn cắp mà tôi sẽ phải tù.. mẹ tôi đói, em tôi rét.

Rồi thấy giờ năm ngón tay lên hình như muốn tỏ cho Néang Mia biết : có năm người sẽ phải điêu đứng khổ sở vì thầy. Nàng nghe thầy nói lại càng ghì chặt lấy thầy, như muốn cho nỗi buồn rầu sôi nổi ở trong lòng thầy nó chuyển bớt sang mình nàng để cùng được chịu nỗi cay đắng của người yêu.

Thầy Thông U... lại nói:

– Thôi thế là tình duyên đôi ta tan nát, mới gặp nhau có ba tháng, đã phải chia lìa, đau ruột quá; tôi thể với mình tôi không ăn cắp, mình có tin tôi không?

– Dầu ai có cắt cổ tôi đi, tôi cũng nói

mình không phải là quân ăn cắp, tôi tin bụng mình lắm.

Rồi nàng lại sợ hai chữ “cắt cổ” tiếng Cao-mên nó khó quá thầy không hiểu, (mà có lẽ thầy cũng chưa học đến) nàng liền nắm tay thầy, giơ lên, cửa cửa vào cổ nàng, để ra hiệu cho thầy biết. Thầy hình như hiểu bèn nói :

– Tang chúng buộc chết cả cho tôi rồi, người yêu có thương tôi cũng chẳng gỡ tội cho tôi được, người yêu đã tin tôi, thế là tôi mừng rồi.

Lạ thay, một anh nửa câm, một chị nửa điếc, họ làm thế nào tỏ tâm sự cho nhau biết được, mà hiểu nhau được , mà yêu nhau được. Giả dụ có người biết tiếng Cao-mên lắng tai nghe thầy Thông U... nói cái tiếng Cao-mên, dở Cao-mên, dở Annam pha Tây, đá Cổ-là ấy thì đến phì cười vỡ bụng, mà cũng không hiểu

là thầy muốn nói gì nữa. Nhưng Néang Mia hình như hiểu cả mà nàng nói gì, thầy Thông U... như cũng biết hết. Ấy bọn chung tình họ có cần nói ra miệng đâu, con mắt họ, sắc mặt họ, giọng nói họ, mà thứ nhất luồng điện trong quả tim họ thông ngôn cho họ, tỏ bày tâm sự giùm họ.

Thần ái tình ! Thần ái tình ! người thật có những phép thần thông mầu nhiệm lạ thường, chỉ có những kẻ nào thờ người mới hiểu biết mà thôi . Người thật đã làm cho người câm biết nói, người điếc biết nghe. Người không phân biệt màu sắc, không phân biệt giống nòi, rộng thay lòng bác ái của nhà người !

Hai người lẳng lặng một lúc lâu, rồi thầy Thông U... lấy tay chỉ vào mình, chỉ về phía dinh ông Đại-lý, chỉ về phía Bắc rồi đập, đập vào đầu mà khóc to lên,

muốn nói mà ấp úng không thành tiếng, mà cũng chẳng biết nói thế nào, (biết tiếng Cao-mên bao nhiêu mà nói). Thấy ra hiệu như thế, dầu là Thánh cũng vị tất đã hiểu, thế mà Néang Mia hiểu cả, nàng hiểu thầy muốn nói : nếu thầy phải tù, mất việc thì khổ cho nàng, khổ cho mẹ thầy cùng các em thầy.

Nàng hiểu như thế, nàng biết như thế nên tấm lòng thương yêu người con thảo, người anh hiền lại tăng tiến lên cực điểm mà tấm lòng hi sinh cho người yêu, cho gia đình người yêu bỗng nổi lên. Hai con mắt nàng lúc bấy giờ sáng quắc như ngạ một ý quả quyết làm một việc hiểm nghèo gì.

Nàng bèn ôm chặt lấy thầy Thông U... ghé răng vào môi thầy cắn mạnh một cái, rồi vùng đứng dậy ra cửa, như đem hết bao nhiêu ái tình chứa chất ở

trong lòng nàng, đem hết linh hồn gửi lại người yêu chỉ lấy một cái xác thịt không ra đi.

Lúc nàng về đến nhà, vội gọi thằng Mang-Seng-Khet xuống bếp bảo :

– Mày đầu đơn kiện chưa ?

– Thưa cô, tôi kiện nó rồi, ông Đại-lý nói với tôi thế nào nó cũng phải tù.

– Nói láo nào, mày có tiếc hòn ngọc đá ấy không?

– Sao không tiếc, nhưng may ra còn tìm được.

– Nếu mày tìm được, tao bằng lòng lấy mày làm chồng, mày có cho tao không?

– Tôi đã bảo tôi không tiếc gì cả, chỉ tiếc không lấy được cô mà thôi.

– Nếu thế thì mày ra dinh ông Đại-
lý xin rút đơn kiện thầy Thông U... ra,
nói là thầy bỏ quên cái hộp ngọc trong
ngăn kéo, nay thầy đã tìm thấy đem trả
lại mày rồi. Nếu mày bằng lòng nói thế,
tao sẽ lấy mày làm chồng.

– Đã tìm được đâu mà nói thế?

– Không tìm được cũng như tìm
được; tìm được thì khi tao lấy mày rồi tao
cũng đem vất đi, mà không tìm được, thì
tao cũng là vợ mày. Mày quý hòn ngọc
hơn tao à?

– Không không, tôi chỉ sợ cô nói dối,
khi rút đơn ra rồi, cô lại lật lọng không
lấy tôi.

– Mày trông tao có phải con người
lật lọng không. Nếu mày không tin thì
ngay bây giờ đây, mày muốn thế nào, tao
cũng bằng lòng (!!!!)

Ôi, nghe cái giọng nói thảm thiết của nàng, cái vẻ mặt đau đớn của nàng lúc nói câu ấy, thì cho dầu đá cũng phải chảy máu mắt – nếu đá có mắt. Đứa gia nô cục súc kia, dường như cũng biết cảm động, bèn nói:

– Thôi cô nói thế là đủ rồi, là tôi tin cô rồi, để tôi đi ngay lại dinh ông Đại-lý xin rút đơn ra, nhược bằng ông ấy làm khó khăn tôi cũng cố lạy van để ông ấy bỏ việc này đi.

Xứ Bo (Pailin) qua một đêm huyền náo lại yên tĩnh như thường. Ai cũng cứ tưởng là thầy Thông U... đã tìm thấy cái hộp ngọc đưa giả lại thẳng Mang-Seng-Khet rồi.

Hòn ngọc? Hòn ngọc? Nó ở đâu? Ai lấy ? Ta còn chờ thời gian bảo cho ta biết. Vấn đề bí mật ấy hiện còn chìm đắm trong chỗ tối tăm, nhưng giữa nơi

thanh thiên bạch nhật, thằng Mang-Seng-Khet đã nghiễm nhiên là chủ nhân ông “hòn ngọc biết nói” kia, mà từ đấy ta đã được thấy trong đám đông viên chức nhà Bưu-điện, một người cứ lủi thủi đi, lủi thủi về, ai hỏi chẳng buồn nói, gọi chẳng buồn thưa, mặt mày ủ rũ khô héo như một cái cây ma.

NGƯỜI BẠN BIỂN



Mặt trời mọc trên Biển-Hồ

*Nam-vang đi dễ khó về,
Giai đi bạn biển, gái về tào-kê¹⁸*

Xứ Cao-mên phải chăng là đứa
con nuông của đức Thượng đế
ở cõi Đông Pháp, nên ngoài những đồng

18 Chủ hiệu khách.

điền phì nhiêu bát ngát nó đã làm cho ba triệu con người kia không bao giờ phải lo đói kém, Ngài lại còn cho thêm một cái kho cá khổng lồ và súc tích : Biển Hồ (Tonlésap).

Giữa một giải đất liền diện tích 175.000 cây số vuông, trên một khoảng đồng bằng bao la xanh tốt, mệnh mông một làn nước biếc nó là một nguồn lợi thiên nhiên vô tận của dân cư xứ này.

Chiếm gần một phần năm mươi trên diện tích bản đồ, nó to quá, rộng quá không thể bảo là một cái hồ được, mà nó cũng chưa đủ rộng để cho người ta gọi nó là một cái biển, vì thế mà người ta đặt cho nó cái tên “nước đôi ”: Biển-Hồ.

Về mùa mưa, Biển-Hồ là cái kho chứa nước vĩ đại của con Cửu-long-giang. Trong vụ ấy, nước lũ ở các cao nguyên miền Vân Nam, Lào, Siam đổ về

nhiều quá thành ra mực nước ở sông cao hơn ở Biển–Hồ, lúc ấy thì nước ở sông chảy về Biển–Hồ.

Trái lại, về mùa tạnh ráo, Biển–Hồ lại là cái túi nước vô tận của con tròng giang kia vì lúc ấy mực nước ở Biển–Hồ lại cao hơn ở sông mà nước lại chảy ra sông.

Cái trạng thái xô đi kéo lại ấy đã khiến cho những miền ở chung quanh Biển–Hồ phải ứng thủy trong mùa mưa mà trở thành những đồng lầy trong vụ nắng. Vì lầy sâu quá vả lại trái thời tiết¹⁹, người ta không cày cấy gì được, đành để cho những khoảng đất mênh mông ở ven thành đĩa kia trở nên những khu rừng um tùm, xanh tốt, rậm rạp nó là chỗ trú ẩn rất kín đáo, rất tiện lợi của

19 Người Cao–mên gieo mạ về khoảng tháng 5, tháng 6. Lúc ấy lại là vụ mưa, thành thử những miền chung quanh Biển–Hồ bị ngập nước, người ta không cày cấy gì được.

quân trộm cướp. Nhờ về cái địa thế hiểm yếu dễ trốn tránh, dễ lẩn-lút ấy mà một tên ăn cướp thủy rất lợi hại là Ba Tánh tự là Đơn-Hùng-Tín đã làm nên oanh-oanh liệt-liệt trong mấy năm giờ. Oanh liệt đến nỗi người Cao-mên nghe danh là phải khiếp đảm nên họ mới đặt cho y một cái tên rục rỡ : Luông Tín (vua Tín).

Dân cư miền ấy chỉ sinh nhai về nghề đánh cá, sống về cá. Đi đến đâu cũng thấy cá, những cá là cá: cá khô, cá sấy, cá mắm, nước mắm, mắm tôm, mắm ngấu ... thôi không còn thiếu một thứ gì.

Làn nước quý hóa kia thật đã gây cho dân-cư vùng này một công-nghệ to-tát phát đạt, mà nền lý-tài xứ Cao-mên sở dĩ được dồi dào cũng nhờ về đó một phần lớn.

Mỗi thủy-lợi kia đã làm cho bao nhiêu chủ thầu (chính-phủ Bảo-hộ chia

Biển-Hồ ra từng lô, ba năm bỏ thầu một lần) được giấu có. Trong bọn đó thì giấu có nhất, thế-lực nhất là Tao-Kê Lau-Manh.

Chẳng biết ông rời bỏ đất nước (Trung Hoa) tự năm nào và khi bước chân sang cỏi Đông Pháp ông đã làm những việc gì, ta chỉ biết rằng về khoảng năm 1920, ông đã chiếm được ngôi bá chủ trên thương trường “Cá khô” ở xứ Cao-mên.

Ai đi qua xứ Mottonlé cách huyện lỵ Bac Préa (Battambang) chừng 8 cây số cũng phải dừng chân lại mà ngắm cái trại của ông cắm trên một khoảng đất phẳng phiu trồng toàn lồng-mút (sapotier). Thoạt mới nhìn người ta tưởng là biệt thự của một vị hưu quan nào.

Một dãy hàng rào toàn duối và xương rồng mà một con sẻ chui không lọt bao

bọc lấy một vườn cây cối xanh um. Ở giữa lối nhỏ hàng hai chục cái nhà sàn lợp ngói, phân nửa đều quay mặt ra sông Sang-Kè.

Đem thân bên tàu đồng đất nước người mà gây dựng được cái cơ-sở đồ sộ như thế, ông thật đã lấy làm mãn-nguyện. Không bắt chước những chúng bạn khi đã kiếm được chút đỉnh chung thì vui đầu trong cái thú hâu non, á-phiện, ông dầu đã ngót sáu mươi mà vẫn làm việc. Mỗi lần, nhà nước gọi bỏ thầu cá ở Biển-Hồ, ông thường thầu hai ba lô một lúc.

Về hạ tuần tháng 5 năm 1930, một buổi trưa mát mẻ, ông đang ngồi tính sổ thì người tài-phú đưa lại cho ông một tên cu-ly Bắc-kỳ đến xin làm bạn biển.

– Anh có biết chài lưới không ?

– Thừa Tao-Kê, không.

– Anh có biết bơi, biết lặn không ?

– Thừa Tao-Kê, có.

– Tôi coi bộ anh người mảnh dẻ thế kia vị tất đã chịu được khó nhọc.

– Tao-Kê đừng ngại, tôi tuy trông thế này nhưng khỏe mạnh và dai sức lắm. Kham khổ, vất vả thế nào tôi cũng chịu được. Việc chài lưới, tôi sẽ học dần, bây giờ xin Tao-Kê hăng cho tôi vào việc làm cá.

– Thế anh định vay trước bao nhiêu, anh đưa thân thuế gửi tôi.

Nghe hỏi đến thân thuế, anh ấp úng nói :

– Tôi không vay tiền trước thì tưởng chẳng cần phải gửi thân thuế, xin Tao-Kê cứ cấp lương tháng cho tôi, bao nhiêu tôi

cũng xin làm hầu Tao-Kê để học nghề.

Nghề làm cá ở đây rất là vất vả. Khi đánh cá được nhiều phải làm suốt ngày đêm. Những người bạn biển hầu khắp vì túng túng phải gửi thân thuê, làm giấy vay tiền trước của chủ rồi làm trừ dần, nên dù kham khổ vất vả đến đâu cũng không thể bỏ được. Hai chữ bạn-biển tức là hình ảnh của sự lam lũ, trôi buộc.

Bọn bạn-biển ở nhà Tao-Kê Lau-Manh có chừng bốn mươi người vừa Cao-mên, vừa Annam, đàn ông và đàn bà. Trong bọn đó chỉ duy một mình anh chàng Bắc kỳ kia là ăn lương tháng, còn đều là khnhom²⁰ cả.

Anh chàng ở đấy được hơn một tháng, làm việc rất là chăm chỉ, ngôn ngữ cử chỉ lại có lẽ độ tỏ ra là một người

20 Đây tớ có nợ của chủ. Nó cũng gần một nghĩa với chữ nô lệ.

đứng đắn nên được Tao-Kê Lau-Manh biệt đãi. Vợ Tao-Kê lại là người Nam kỳ nên thấy người đồng chủng ngoan ngoãn cũng thương tình, thường vẫn nói với chồng :

– Thằng Tư (tên người cu-ly) coi bộ nó thực thà, nhanh nhẹn, nếu nó chịu ở lâu với mình, ta sẽ gây dựng cho nó, tội nghiệp.

Cũng vì được chủ yêu, nên bị anh em ghét. Thói đời vẫn như thế. Mà thằng bị ghét nhất vẫn hăm hực với thằng được yêu nhất. Thằng bị ghét nhất là một tên tù Cao-mên mãn hạn rất táo tợn tên là Nat Sambun. Nó ỷ có sức khỏe nên thường vẫn hay bắt nạt anh Tư mà nó gọi khinh bỉ là “cọc-cạch” theo như cái lối người Nam kỳ chế riều người Bắc kỳ. Anh Tư đối với cách cử chỉ hung hăng của kẻ kia vẫn giữ một thái độ điềm nhiên nên nó

lại cho anh là nhát, càng bắt nạt già. Nó châm chọc anh thế nào, anh cũng chỉ mỉm cười.

Một hôm có mấy thuyền cá về, bọn Khnhom đương xúm vào, kẻ đánh vẩy, người móc mang tút tít thì bỗng không biết tại làm sao, thằng Nat Sambun cầm một nắm ruột cá ném vào giữa mặt anh Tư. Anh Tư nhồm dậy toan đánh, nhưng không biết nghĩ sao, lại ngồi xuống, lấy vạt áo lau mặt mà chẳng nói gì. Có lẽ anh nghĩ đã đâm đầu vào làm thân tôi tớ người thì vinh gì mà còn xâu xé nhau để dành hơn kém. Kém hay hơn cũng là cái thân tôi tớ.

Việc ấy ngoài bọn Khnhom ra còn một người nữa trông thấy. Người ấy là Mi-Hây, con gái Tao-Kê Lau-Manh.

– Anh Tư, sao thằng Nat Sambun nó hành anh thế mà anh cũng để yên.

– Thưa cô, chẳng để yên thì dành hơn thua với đứa cục súc ấy làm gì?

– Hừ...

Sau tiếng “hừ”, một nụ cười ái ngại và khinh bỉ nở ở trên làn môi.

– Tôi mà là đàn ông, ai trêu tôi thế, nhất chết thì thôi chứ tôi chẳng chịu để yên.

– Thưa cô, đánh nhau với nó vị tất đã can đảm bằng nhìn nó đi.

– Phải tài đởm như thế nó cũng hơi giống giống hèn nhất.

Rồi an ủi :

– À, mà tôi trông bộ anh yếu ớt thế kia, nhìn nó là phải, là khôn.

Ngày qua lại tháng qua. Cái không khí khinh bỉ nó cứ nặng trĩu ở trên đầu

anh Tư. Nhưng một điều lạ là anh Tư hình như chẳng thèm quan tâm gì đến cả, mặc cho ai muốn nói sao thì nói. Anh sống, sống ở đời mà lòng yêu ghét giận hờn cơ hồ như đã chết. Hay việc đời đã làm cho lòng anh tê tái ê chề, nên ngày nay anh không còn biết gì là đau đớn nữa. Lời phỏng đoán này mà có đúng thì cũng chỉ đúng có một phần, bởi vì mỗi khi anh bị ngược đãi, anh dẫu chẳng nói ra, nhưng ta trông đôi lông mày anh cau lại, ta trông anh mỉm cười, ta cũng biết chắc rằng sóng tình cảm nó vẫn còn sôi nổi ở trong lòng anh. Có lẽ anh sống ở đời để theo đuổi một cái mục đích gì mà anh cần phải đặt cái mục đích ấy trên những sự yêu ghét, giận hờn nhỏ nhen. Anh cần phải giữ hết nghị lực để theo đuổi cái mục đích kia cho đến kỳ cùng nên anh không muốn đem phí vào những việc tranh dành nó chẳng có ý nghĩa gì.

Lời phỏng đoán này có lẽ đúng hơn, bởi vì ta trông con mắt anh nhìn, ta trông cái trán cao mà rộng, ta xét ngôn ngữ cử chỉ của anh, ta có thể nói ngay : Kẻ này không phải là một kẻ hèn nhát.

Albert Londres đã tả người Trung hoa bằng một câu chua chát : “propre au dehors, sale au dedans”. Anh Tư này thì lại là một cái hiện tượng trái ngược hẳn. Những

... quốc sĩ xưa nay,

chọn người tri kỷ

Mấy ai đã có con mắt xanh đoán được anh hùng giữa lúc trần ai.

✱

Có gió cả mới hay cây cứng,

Không đường dài ai biết ngựa hay.

Mi-Hây đương yên trí cho anh Tư là hèn nhát, đáng khinh bỉ thì một việc xảy ra khiến nàng phải hối hận và đem lòng kính-phục.

Một hôm, về khoảng một giờ đêm, trong lúc mọi người đang yên nghỉ thì một bọn cướp chừng độ ba chục người có đủ khí giới kéo đến. Giời tối đen như mực. Bốn bề đương yên lặng thì bỗng tiếng súng nổ vang, rồi đến tiếng phá cổng ầm ầm. Bọn gia nhân sợ hãi bỏ trốn cả, mà đến ngay thẳng Nat Sambun thường ngày thì “hùng hổ” thế mà lúc này cũng chẳng thấy mặt đâu. Tao-Kê Lau-Manh tuy có súng, nhưng cái mãnh lực của cây súng là ở cái tay người dùng, chứ tự nó, nó chẳng có giá trị gì. Tiếng súng nổ liên tiếp làm cho ông sợ hãi luống cuống, súng có mà cũng chẳng nghĩ gì đến bắn nữa. Thấy mình trơ trọi, gia nhân đầy tớ chẳng còn ai, ông bèn vội vàng thu nhặt

lấy tiền nong cùng đồ tư trang rồi dắt vợ con mở cửa tìm đường trốn. Ông vừa ra đến sân thì cổng đã bị phá vỡ, một bọn cướp xông vào, đèn đuốc sáng lòa.

– Thằng Lau-Manh nó đây rồi, anh em ơi...

Trong cái phút nguy cấp, khắc khoải mà Tao-Kê Lau-Manh chắc là phải chết thì bỗng thấy anh Tư nhanh như cái cắt, chạy đến, giằng lấy súng ở tay ông chĩa vào mấy tên cướp đi đầu mà bắn luôn hai phát. Hai người ngã, bọn cướp hoảng hồn lùi lại...

Cái phút nhanh chóng mà những cử chỉ diễn ra loang loáng như chớp nhoáng, cái phút mà không bút nào tả được, cái phút mà ta có thể nói là không phải cái phút của loài người biết suy nghĩ nữa bởi vì lúc ấy thì từ anh Tư cho chí vợ chồng con cái Tao-Kê Lau-Manh, cho chí bọn

cướp kia không ai kịp nghĩ nữa : cái phút của bản năng sai khiến...

Anh Tư thấy bọn cướp lùi, anh bèn thừa dịp ấy dắt vợ chồng con cái Tao-Kê Lau-Manh chạy vào ẩn ở trong cái kho thóc gần đấy.

– Xin ông bà cùng cô nằm rạp xuống đất bây giờ trốn cũng không biết trốn đâu, chung quanh nhà cướp nó đã đứng chẹn cả rồi. Xin ông bà cùng cô cứ yên tâm, tôi mà còn sống thì không ai có thể phạm vào mình ông bà và cô được. Ông đưa cái thắt lưng đạn đây cho tôi.

Tay run lạt bạt, Tao-Kê Lau-Manh cởi cái thắt lưng giắt đầy đạn đưa cho anh Tư, rồi ngoan ngoãn như một cậu bé khi nghe lệnh của thầy giáo, ông nằm rạp xuống đất.

Sau một lúc do dự, bọn cướp lại xông

vào. Anh Tư đứng nấp ở trong kho thóc nhờ ánh sáng đèn của chúng, bắn ra không sai một phát nào. Bọn cướp thấy thế không dám tiến vào nữa chỉ đứng đằng xa dùng súng bắn vào.

Mỗi khi tia lửa lòe ra, Mi-Hây lại được thấy cái vẻ mặt quả quyết, dữ dội, khắc khổ của anh Tư. Lúc ấy nàng tưởng chừng như được thấy cái can đảm hiện thành người. Nàng không thể không đem lòng yêu mến con người đẹp đẽ như kia được. Lúc ấy anh Tư trông đẹp thật, cái đẹp của sự Hùng-dũng Can-đảm.

Phải là một người đã trải một cảnh nguy hiểm như Mi-Hây lúc bấy giờ mới biết yêu, biết kính những cái đáng yêu, đáng kính ấy. Cũng như cái mãnh-lực của tiếng sét nó chỉ biểu lộ ra ở trong chớp nhoáng, những cái đáng yêu, đáng kính của kẻ anh hùng nó chỉ biểu lộ ra

ở trong lúc nguy hiểm, trong khi hành động.

Bọn cướp kia dùng toàn súng hỏa-mai, bắn không được đích lắm mà nạp đạn lại lâu nên không sao địch nổi với khẩu súng hai lòng, sự nạp đạn đã nhanh, người bắn lại giỏi, đã thế lại còn đứng ở trong chỗ kín đáo. Chúng xem tình hình không thể làm gì được bèn tháo cả xuống thuyền khiêng những người chết và bị thương đi.

✱

- Anh Tư bị đạn ở đâu ?
- Ở đùi.
- Có gãy xương không ?
- Hình như không.

– Thật chỉ vì vợ chồng tôi mà anh phải cái họa này.

– Bốn phen kẻ ăn cơm chủ thì lúc nguy nan phải hết sức, ông bà chẳng cần phải quan tâm đến tôi. Chỉ xin ông bà ngày mai quan có đến khám thì nói là ông bắn và đừng nói là tôi bị thương.

– Được tôi xin khai như thế, nhưng anh phải đi nhà thương chứ.

– Thôi cứ chữa ở nhà cũng được, vết thương cũng không nặng mấy.

Giọng nói có vẻ khẩn khoản tha thiết, vợ chồng Tao-Kê Lau-Manh cũng không ép nữa, nhưng ông bà đem lòng ngờ anh có điều bí mật gì nên muốn giấu mặt.

Mi-Hây đứng nhìn anh Tư nói mà vẻ thương xót lo ngại lộ ra nét mặt. Nàng biết chắc là trong đời anh có một việc bí-mật ghê gớm, nhưng lúc này không

phải là lúc để tâm đến những việc ấy, cái việc cần nhất là sức khỏe của anh.

– Thôi ba má để cho anh Tư đi nghỉ, con băng bó cho anh ấy đã. Dem anh Tư vào nằm buồng con.

Rồi cũng chẳng cần chờ ai giả nhời, nàng liền lại đỡ anh Tư đưa vào buồng. Nàng lấy gối nệm của nàng cho anh Tư dùng. Nàng tự tay rửa vết thương và buộc cho anh.

Suốt một tháng ròng, nàng săn sóc cho anh Tư coi như một người anh mà có lẽ còn sốt-sắng hơn một người anh nữa. Những cái trước kia mà nàng cho là hèn nhát đã trở thành ra những cử-chỉ rất cao-thượng của con người “gan góc” đáng yêu, đáng kính. Nàng lại hối hận rằng trước kia nàng đã nhận lầm mà khinh bỉ anh nên nàng lại càng hết sức

trông nom để xóa nhòa những cái ngờ vực bất công ấy đi.

Nàng đã có cái quan niệm đối với anh Tư như thế, nên nàng nhìn anh bằng một con mắt khác.

Nàng nhận thấy nét mặt phương phi cả quyết kia không phải là nét mặt của kẻ hèn hạ, nàng nhận thấy cái bàn tay da dẻ nhỏ nhắn kia không phải là cái biểu hiệu của kẻ từ lúc bé đã phải lam lũ mà thứ nhất những cử chỉ ngôn ngữ có lễ độ kia, kẻ vô học không thể có được.

Một hôm anh đã gần khỏi, anh đang nằm hút thuốc lá ở trên giường, mắt anh đăm đăm nhìn làn khói nó tan đi mà có lẽ lòng cũng man mác như khói kia vậy thì bỗng Mi-Hây chạy vào, nàng lại ngồi đầu giường anh sốt sắng hỏi :

– Anh Tư ơi, sao tôi trông anh mãi

bữa đây nhiều buồn bực lắm. Anh buồn gì thế hở anh !

– Không, tôi có buồn gì đâu.

Trầm ngâm một lát, nàng lại hỏi :

– Anh người ở đâu, quê đâu ?

– Tôi người Bắc kỳ, quê Phủ Lý.

– Ông già anh làm gì ?

– Làm ruộng.

– Thế anh vào đây tự bao giờ?

– Tôi mới vào được hai tháng.

– Tại làm sao anh lại vào đây ?

– Vì nhà tôi nghèo nên mới phải đi kiếm ăn.

– Tôi coi hình như anh biết chữ thì phải.

– Cô tính cơm còn chưa đủ ăn, lấy gì mà học cho biết chữ được.

– Anh nói dối tôi, tôi chắc có việc gì anh giấu tôi, anh nói thực tôi sẽ giữ kín cho anh.

– Thưa cô, tôi có điều gì dám giấu cô đâu. Tôi là con nhà nghèo hèn vô học, chả nhẽ tôi lại bảo với cô tôi là con nhà giàu sang, học thức được sao?

Anh nói đến đấy thì hình như có việc gì làm cho anh xúc cảm, vẻ thâm sâu vụt hiện lên nét mặt, nhưng lại tiêu tán đi ngay. Tuy vẻ thâm sâu kia chỉ hiện ra trong một loáng, nhưng cũng không sao giấu nổi một người đã lấy con tim mà hiểu anh. Mi-Hây trông anh có vẻ thương xót, thương xót cho một trang nam-nhi anh-tuấn như kia đã gặp một việc gì bất đắc chí mà phải đem thân lẫn lút xử người.

Nàng bất giác nắm chặt lấy tay anh mà bảo :

– Tôi dám chắc là anh có điều gì giấu tôi, tôi dám chắc là ở quê nhà, anh có điều gì bất đắc chí nên mới phải lẩn trốn vào đây. Tôi dám chắc anh không phải là một kẻ quê mùa hèn hạ, có điều gì anh nên nói thực với tôi họa chăng tôi có thể giúp anh được một đôi phần, biết đâu ?

– Tôi đã bảo tôi không có điều gì giấu cô mà.

– Anh đừng ngại, anh cứ nói thực với tôi, tôi xin giữ kín cho anh.

– Tôi có điều gì bí mật đâu mà phải giữ.

– Anh dám thề không ?

Một cái yên lặng rất có ý nghĩa đây những lời thú.

– Tôi có làm gì mà phải thế, xưa nay tôi chẳng thế với ai bao giờ.

– Anh không nói với tôi bởi vì anh không tin tôi, anh không tin tôi nghĩa là anh không quý tôi nhưng dù sao tôi cũng không thể nào ghét bỏ anh được, mà dù sau này anh có thể nào đi chẳng nữa, tôi cũng không vì thế mà khinh bỉ anh được. Chỉ có anh là đối với tôi không thực thà thôi.

Giọng nói có vẻ đau đớn thất vọng như ở trong tâm hồn bay ra. Nàng nói xong rưng rưng nước mắt rồi đứng dậy, quay đi.

Anh Tư thấy nàng giận vội nhẩn mình lên quơ tay lôi nàng lại. Lôi thế nào mạnh quá nàng ngã ngổ ngay vào lòng anh. Mi-Hây cũng chẳng lấy thế làm giận mà nàng cũng chẳng đứng dậy nữa, nàng tấm tức bảo :

– Anh đã không tin tôi, thì anh giữ tôi lại làm gì?

– Tôi xin thề với cô là trong lúc này tôi không quý ai hơn cô cả. Không phải là tôi không tin cô đâu. Chỉ vì đứng vào cái địa vị tôi bây giờ chưa thể nói ra được. Nhưng tôi xin hứa với cô rằng đến khi nào tôi xét tôi có thể nói được, tôi sẽ nói với cô đầu tiên, thế cô đã hết giận tôi chưa?

Mi-Hây chỉ cúi đầu lấy tay mân mê cái đệm mà không giả nhời.

– Cô còn giận tôi à ?

– Tôi không bao giờ giận anh cả, anh nói hay không là quyền ở nơi anh. Anh dù có xử với tôi thế nào tôi cũng chỉ nhớ rằng anh đã liều mình để cứu một nhà tôi. Dù sao tôi cũng không quên anh.

Nàng nói xong, vùng dậy chạy mất. Cái tiếng “quên” ấy nó có một cái ý nghĩa yêu mến hình như nàng muốn đem giao-phó cái đời nàng cho anh Tư bằng tiếng “quên” ấy.

Từ đấy hai người đối với nhau đã thân lại càng thêm thân. Trong cõi mộng tưởng, hai lòng đã như một, hai khối óc đã hiểu nhau, hai con tim đã hồi hộp vì nhau nhưng bề ngoài hai người vẫn đều chưa thú với nhau những nỗi niềm chan chứa ở trong lòng.

Từ cõi “mộng” ra chỗ thực tế chỉ có một bước, còn một bước, một bước rất ngắn. Chờ một cơ hội, một ngọn gió là ngọn lửa lòng kia sẽ bùng ra mà không còn một cái lực lượng nào có thể ngăn cản được.

★

Trong lúc ngọn lửa ái tình đang ngấm ngấm nung nấu ở trong tâm hồn hai người mà chính hai người cũng chưa tự biết thì bỗng nhận được một bức thư của người em họ Mi-Hây ở Bắc-liêu hẹn đến cuối tháng thì lên chơi.

Hôm ấy, anh Tư đã được thấy một cô thiếu-nữ rất mỹ-miêu của xứ Nam. Trong bộ quần áo bombay trắng toát, rõ ràng là một cô con gái thật “thanh tư nhỏ chỉ ” (nếu có thể đem bốn chữ kia mà mô tả cái vẻ đẹp của người đàn bà). Cô người, mảnh dẻ, trông có vẻ ẻo lả. Nước da trắng xanh rất mịn, mịn đến nỗi ta tưởng chừng như ở trên đời này không còn thứ gì mịn hơn. Hai con mắt đen nháy trông có vẻ lơ đãng, chậm chạp, mỗi mệ. Khổ người thon, chân tay nhỏ nhắn, toàn thể các bộ phận cái gì cũng

“mỏng manh”. Người xưa đem câu xương mai mình liễu mà ví người đàn bà có cái đẹp “mỏng manh” ấy thật đã có con mắt quan sát. Cái đẹp của cô là một cái đẹp thanh tao, mơ màng.

Cái đẹp của Mi-Hây thì lại trái hẳn. Rõ ràng là sức khỏe tươi cười biến ra sắc đẹp ở trong một cô thiếu-nữ đã được hấp thụ cái khí trời trong trẻo ở một nơi khoáng-đáng, lúc nào cũng lẹ-làng như ngọn gió Biển-Hồ khi buổi sớm mai. Hai cái má phúng-phính hồng-hào trông thật là dễ yêu. Cô đi đứng trông có vẻ mạnh dạn, nhanh nhẹn. Phải chăng cái quan niệm về thể thao đã khiến cho thiếu niên bây giờ đem lòng yêu những cái đẹp mạnh mẽ như thế. Người ta thường nói: những người lai bao giờ cũng đem biểu lộ cái hiện-tượng của hai chủng-loại pha nhau lên trên nét mặt. Câu nói ấy cũng có lẽ đúng. Con mắt một mí kia

rõ là cái tiêu biểu riêng của người Khách mà trong cái miệng cười niềm nở kia thì không thể nói rằng không phải là của người đàn bà xứ Nam đem lại được. Cái đẹp của Mi-Hây là một cái đẹp thùy mị phúc hậu.

Anh Tư đứng nhìn hai cô đùa giỡn với nhau ở dưới cây lồng mứt mà anh phải tự hỏi: “Sao lại có những người đẹp đến thế?”

Rồi anh ôn lại cuộc đời dĩ vãng của anh, anh cũng phải nhận rằng anh chưa được nhìn thấy những người đẹp như thế. Anh còn đang đắm đuối trong mớ ký ức thì bỗng nghe tiếng Mi-Hây gọi anh.

– Đây cô Thu là con dì Ba, em má tôi đó... đây anh Tư người hôm nọ đã cứu...

– Thì đã bảo cô đừng nhắc lại chuyện ấy, đó là cái bốn phận của tôi.

– Không, đây là người nhà cả.

Anh Tư muốn đánh trống lảng quay sang Thu hỏi:

– Thưa cô, cô mới ở đâu lên ?

– Tôi ở Bắc-liêu lên. Ba, má tôi đi Saigon có biểu tôi cùng đi nhưng tôi về Saigon luôn cũng ngán quá, tôi mới xin phép lên đây chơi với chị Hây tôi.

– Thế thưa cô, hai cụ ở dưới ấy làm gì và cô có mấy anh em chị em.

– Ba má tôi khẩn đồn điền. Ba má tôi chỉ có một mình tôi cũng như dì dượng tôi đây chỉ có một mình chị Hây tôi.

Anh Tư cười nói:

– Thế chắc hai cụ phải cưng cô lắm

nhỉ ? Cô năm nay bao nhiêu tuổi?

– Tôi cũng mười bảy tuổi như chị Hây tôi.

Hai người cùng mười bảy cái xuân xanh mơn mớn, lộng lẫy, cùng là con một của một gia đình giàu có, danh giá, cùng một cái tuổi ngây thơ mà trái tim chưa bợn một chút tục lụy, cùng một cái tuổi nếu đã yêu thì yêu tuyệt đối chẳng toan tính gì về danh lợi, về hậu vận.

Anh Tư đứng nhìn hai chị em cô trò chuyện với nhau thân mật vui vẻ mà anh lại sức nghĩ đến trước kia anh cũng là đứa con cưng của một gia đình danh giá mà ngày nay thì anh có gia đình anh cũng không dám nhìn nhận đến nữa... Một tiếng thở dài...

– Sao anh thở dài? Em Thu ạ, không biết làm sao anh Tư anh ấy cứ buồn luôn.

– Có lẽ anh ấy nhớ nhà. Anh có nhớ nhà không?

– Thưa cô, con chim kia ngày đi kiếm ăn, đêm còn tìm đường về tổ, làm người há lại không có tấm lòng cố quốc tha hương sao? Nhưng đứng vào cái cảnh tôi....

Mi-Hây vội nói :

– Cảnh anh thì làm sao? Anh nhớ nhà thì tôi bảo ba má tôi cho anh vay tiền về thăm nhà, rồi anh lại sang chứ sao mà phải buồn.

Nghe đến chữ “về”, anh Tư sầm mặt lại. Mi-Hây thấy thế, muốn kiếm cách giải buồn cho anh bèn bảo :

– Anh Tư ơi, em Thu tôi chưa được đi xem bắn bao giờ, anh đưa chúng tôi đi nhé...

– Chị Hây ơi, con chi mà đen lùì lùì như con quạ vậy?

– Thì con quạ nước ...

– Kìa, anh Tư sao không bắn đi?

– Có ăn thịt được đâu mà bắn.

– Thì anh cứ bắn cho tôi một con, tôi xem con quạ nước nó thế nào ?

Đoàng. Tiếng súng nổ. Con quạ nước đang vũ cánh bay bổng rơi xuống mặt nước. Thu mừng quá, nhồm dậy reo lên làm cho chênh cả xuống.

– Ấy chết, cô giỡn mạnh thế nhờ lật thuyền thì khốn.

– Trời ơi, tôi ở trên mặt nước mà tôi cứ tưởng là ở trên mặt đất.

Ba người cùng cầm chèo bơi mau, phút chốc đã đến chỗ con quạ ngã.

– Chà chà, bắn bể cả đầu, máu ra coi ghê quá, tội nghiệp chưa !

Rồi nàng vỗ vai anh Tư mà bảo :

– Anh ác quá.

Mi-Hây liền cãi:

– Tại em bảo anh ấy bắn thì anh ấy bắn chứ có phải tại anh ấy ác đâu.

Nghĩ ngợi, cô Thu bảo chị :

– Thôi, đừng đi bắn nữa chị ạ, em trông nó giẫy dụa em thương quá.

– Thế là cuộc đi săn lại đổi ra một cuộc đi chơi phiếm ở trên mặt Biển-Hồ.

Không có một tí gió. Bầu trời, mặt nước như đứng im. Duy mấy con thuyền đánh cá ở đằng xa lù lù bơi.

Vụ đó là vụ mưa. Các miến lân cận đều bị ngập, nhà cửa cây cối như mọc ở trên làn nước.

Thu xưa nay ở nơi thành thị ít được thấy những cảnh thiên-nhiên, nay bỗng được mục kích cái cảnh mông lung phiêu diêu của trời đất, rất lấy làm vui vẻ. Gặp cái gì cũng hỏi. Nhất nhất anh Tư đều vui vẻ giả nhời. Anh thấy cách cư xử của hai người đối với mình rất là tin yêu, thân mật mà anh tưởng chừng như anh là một người anh giai đưa hai em gái yêu quý đi chơi vậy. Trong lòng anh thấy nhẹ nhàng khoan khoái.

Về phần Mi-Hây thì nàng rất lấy làm khó chịu. Nàng thấy anh đem những cái nhìn đắm đắm nhìn nàng xưa nay, đem những câu nói rất ngọt ngào thường nói với nàng, đi san sẻ cho kẻ khác mà lòng nàng bồn chồn tức tối, dù người ấy là

em nàng. Nàng không hiểu tại làm sao nàng lại có những cái cảm giác ấy. Cũng như lúc nầy nàng đã không hiểu làm sao nàng lại sốt-sắng bênh vực cho anh Tư như thế.

Có lẽ tại nàng yêu rồi sinh ra ghen, hai cái cảm-giác ấy thường đi đôi với nhau. Nhưng nàng đã thật yêu anh Tư chưa? Chính nàng cũng chưa tự biết rằng nàng đã yêu anh Tư. Nàng chỉ muốn cho anh Tư là một vật “ hoàn toàn ” là của nàng, nàng không hiểu tại làm sao nàng thấy anh Tư buồn, nàng cũng buồn, anh Tư vui, nàng cũng vui. Mà thứ nhất có người nào chê bai anh Tư thì nàng không chịu được. Nàng muốn cho anh Tư sung sướng, được người ta quý trọng. Nàng muốn cho anh không phải thiếu thốn một thứ gì. Nàng đã hết sức làm cho anh Tư không phải đeo cái đời nhọc nhằn vất vả của người bạn biển mà hai thân nàng

vì cảm cái ơn anh Tư nên cũng đồng ý với nàng mà coi anh như một người họ hàng chứ không coi như là một kẻ đầy tớ nữa. Một điều mà hai thân nàng phải lấy làm lạ là sau khi anh Tư khỏi vết thương ở đùi, hai cụ ngỏ ý muốn đền ơn cho anh mấy trăm bạc, anh nhất định từ chối nói rằng anh chẳng cần dùng gì đến tiền.

“Không cần dùng đến tiền thì đem thân làm kẻ bạn biển chen vai thích cánh với một đoàn nô lệ làm gì?” – Một điều mà hai cụ đã tự hỏi bao nhiêu lần mà vẫn chưa tìm ra nguyên ủy. Duy Mi-Hây là biết nhưng cũng biết một cách hồ đồ rằng trong đời anh có việc bí mật nó bắt anh phải giấu mặt mà thôi.

Trong mười ngày Thu ở đây thật đã khiến cho Mi-Hây phải đau đớn ngấm ngấm mà không thể nói ra được. Biết nói làm sao? Những sự đau đớn ngấm

ngâm ấy nó chỉ chờ một cơ-hội là phát lộ ra ngoài để bảo cho nàng biết nàng đã yêu anh Tư một cách đặc biệt mà rồi thì ngực hình, dư luận, tập quán, chủng loại cái gì cũng không đủ mãnh lực để ngăn cản không cho nàng yêu anh Tư được.

Một cái giây thép của dì dưỡng nàng ở Bắc-liêu gửi lên gọi em Thu nàng về khiến cho nàng vui sướng bội phần. Nàng thấy nàng vui sướng mà nàng lại tự trách sao nàng lại đối với em nàng một cách tàn tệ như thế.

Hugo tiên-sinh có nói: “... Si on est homme, soyez amour (nếu là người, nên có tình)”.

Nên có tình, nên yêu. Nếu ta đem hỏi Mi-Hây câu ấy thì nàng sẽ chẳng biết giả nhời ra làm sao nhưng cách thức nàng đối với anh Tư, cùng là những cảm giác nó sôi nổi ở trong lòng nàng lúc bấy giờ

cũng đủ giả nhời cho ta biết là nên vậy. Thế cho nên khi ta thấy em nàng về mà nàng lại vui vẻ ta cũng chẳng nên trách. Nàng chỉ là vâng theo cái tiếng gọi của trái tim nàng mà thôi.

✱

– Anh Tư, tiện thể cháu Thu về, anh hẳn ớn ra Nam Vang đến nhà Tao-Kê Teck lấy hộ mấy nghìn bạc đưa cho cháu Thu để cháu đem về Bắc-liêu nhờ ba má cháu mua dùm cho một cái xà-lúc thay vào chiếc Huỳnh Lợi mà ông nhà tôi nhận lời bán lại cho người ta rồi. Ông nhà tôi mấy bữa rày, trong người yếu lắm đi khôngặng.

Anh Tư nghe nói tái mặt, nhưng anh không viện lẽ gì chánh đáng mà từ chối được nên phải miễn cưỡng vâng lời. Mi-

Hây cũng rất lấy làm khổ sở, khổ sở vì anh Tư cùng đi một chuyến tàu với em Thu của nàng, nhưng nàng chỉ tăm tức mà không dám nói ra.

Con tàu Vĩnh Phát của Công ty Bảo Hòa chạy đường Battambang–Saigon có đỗ lại Bacpréa.

Năm giờ chiều, tàu đến bến.

Sau mấy câu chào, mấy lời dặn, anh Tư cùng Thu bước lên tàu. Mi-Hây nhìn theo mà lòng nàng sôi nổi, tâm hồn nàng như đã cùng theo hai người mà bay lên trên tàu.

– Tôi thuê cái ghế bố này để tối nay cô nằm, chiều mai tàu mới đến Dũng–Sà–Nang (Kompong Chhnang),

– Thế anh nằm đâu ?

– Tôi nằm đâu cũng được.

– Không, anh phải thuê một cái ghế nữa thì tôi mới bằng lòng nằm cái ghế này.

– Bọn bồi tào họ cho thuê hết cả rồi, thôi để tôi thuê cái chiếu tôi nằm cũng được.

– Thôi thế thì anh nằm cái ghế này để tôi nằm chiếu cho.

– Nằm chiếu thì kẻ qua người lại bụi tung lên bẩn thỉu lắm.

– Sao anh đã biết bẩn thế mà anh lại còn nhận nằm chiếu để nhường ghế cho tôi.

– Cô khác, tôi khác. Cô là một người đài các phong lưu thì phải có giường cao chiếu sạch, còn một kẻ bạn biển như tôi thì đâu cũng là...

– Sao anh lại nói thế, người ta có quý

là quý ở cái bản lĩnh mình, chứ quý đâu ở tiền bạc, nhà cửa. Nó là bộ áo khoác ngoài đó thôi.

– Ở đời này có bộ áo khoác ngoài là đủ. Đây cô xem thường tình những người sang trọng chẳng là những người được thiên hạ quý mến mà kẻ nghèo hèn chẳng là bị khinh bỉ đó sao?

– Những kẻ chỉ xét người ở cái bề ngoài như thế thì ta cần chi mà nói chuyện đến họ.

Anh Tư nghe cô nói mà anh phải kính phục, không ngờ một cô con gái ngây thơ đã có một tấm lòng cao thượng như thế.

Trên dòng sông khúc khuỷu con tàu rẽ nước mà đi, đàn muỗi cứ vo vo theo tàu mà làm cho hành khách không sao dừng tay được. Muỗi, những muỗi là muỗi,

con nào con nấy to gần bằng con ruồi. Xứ Bac Préa có lẽ đã sản ra được một thứ muối to nhất Đông-Pháp. Người ta ai đã đi qua xứ này đều phải nhớ đàn muối kia lắm. Muối Bac Préa đã thành tên. Ai nói đến “muối Bắc rề” cũng phải khùng khiếp như nói đến “nước Bo (Paillin)” vậy.

Tàu đi qua một khu rừng cây rậm rạp.

– Anh Tư, những con chi mà coi như cá sấu kia?

– Đó là con ằsoong²¹ tôi chẳng biết người Nam mình gọi là gì ? Cá sấu thì to hơn nhiều !

– Thế còn cái chi treo lủng lẳng ở trên cành cây kia.

21 Giống như con kỳ đà mà to hơn. Nó thường ở trên mặt sông mà sống bằng những giống vật chết trôi, nổi ở mặt nước.

– Cô không biết sao, đó là thầy người chết.

– Trời ơi! Thầy ma sao người ta không đem chôn lại treo lên thế.

– Vùng này về vụ mưa, nước ngập cả, không có đất mà chôn, người ta phải treo lên như thế. Được ít lâu, cái thầy ma sinh lên, chảy nước ra, con ẵmsoong nó đến há mồm ra hứng những giọt nước kia rỏ xuống.

– Trời ơi, gớm ghiếc quá ! Thế sao còn có người dám đến xứ này nhỉ.

– Xứ này tuy thế nhưng cá nhiều, kiếm ăn dễ lắm, làm chi người ta không đến đông. Cô tính những cảnh tượng ấy đã ghê gớm gì. Loài người vì sinh kế chém giết nhau còn chẳng kinh tay thì họ có quan tâm gì đến những cái nhỏ vật ấy.

– Anh nói tôi khiếp cả người. Loài người lại tệ đến thế cơ à ?

– Cô được cái điểm phúc sinh vào một gia đình phong phú, mỗi một cái ý muốn là một cái lệnh, cô không bao giờ phải thiếu thốn, cô không phải ra giành giật với đời nên cô không biết, giống ănsoong kia nó chỉ ăn cái thầy người đã chết mà thôi, chứ loài người thì họ lại “ăn thịt” những người sống hằn hoi kia đấy. Tôi rất cầu mong cho cô không bao giờ phải mục kích những cảnh thương tâm đó.

– Nghe anh nói thì hình như anh đã nếm trải nhiều sự đau đớn lắm rồi có phải không ? Thảo nào tôi nghe chị Hây tôi nói anh cứ hay buồn.

Anh Tư không giả nhời, Thu vừa muốn hỏi nữa thì hai tiếng: cá nược – kêu ở đằng đầu tàu làm cho những hành

khách ngồi gần đấy chạy sô cả xuống. Thu cũng chạy xuống xem nhưng chẳng thấy gì.

– Cá nược là gì, hờ anh Tư?

– Cá nược là một thứ cá gần giống như người ta. Đầu đen không có tóc, thân thể trắng trẻo như một người đàn bà nhưng không có chân mà có đuôi, còn hai cánh tay thì ngắn. Trong những lúc đêm giăng người ta thấy nó đùa giỡn ở ven bãi cát tưởng chừng như trông thấy những người đàn bà khỏa thân xuống tắm.

– Lạ nhỉ, tiếc quá tôi không trông thấy.

– Ít khi thấy lắm, chính tôi ở đây mấy tháng giờ cũng chẳng trông thấy bao giờ. Tôi nghe bọn khnhom đàn bà ở nhà Tao-Kê Lau-Manh cứ rửa nhau là

“cá nược”, hỏi thì họ nói thế cho tôi nghe.

Chín giờ đêm, con tàu Vĩnh Phát đã ra khỏi cửa sông, giông ruổi trên mặt Biển-Hồ mà về phía nam.

*

Mười hai giờ, trong khi mọi người đang yên nghỉ thì bỗng nghe đánh âm một tiếng, tàu chệnh hản đi.

Quang cảnh trên tàu thật là một cái quang cảnh huyền não, sợ hãi, riu rít, cha gọi con, vợ gọi chồng, tiếng khóc than hòa lẫn với tiếng kêu gào không bút nào tả cho xiết.

– Cô đứng yên đây, tôi chạy xuống xem cái gì rồi tôi lên ngay lập tức.

Sau một phút khắc khoải, run sợ, bồn chồn, Thu đã thấy anh Tư chạy lên.

– Cô ơi, nguy mất rồi, tàu va phải cái bè gỗ, đã vỡ mũi, nước đổ vào trong tàu nhiều lắm, không sao hàn được nữa.

– Anh Tư ơi, thế thì làm thế nào, ối má ơi!

– Cô đừng sợ, đừng khóc, cô cứ yên tâm, tôi mà còn sống thì không khi nào...

– Anh có biết bơi không ?

– Có.

Anh Tư vừa nói dứt thì một lũ người áng chừng không biết bơi đương nhón nhác chung quanh đấy đổ xô lại búa lấy anh mà miệng thì năn nỉ:

– Chú cứu tôi với.

Họ búa lấy anh như một cái hy vọng cuối cùng. Họ búa chặt lắm, anh Tư càng giẫy dụa bao nhiêu thì họ lại càng búa chặt bấy nhiêu. Anh Tư biết nếu anh

không gỡ mau ra được thì lát nữa tàu chìm bọn kia cứ níu chặt lấy anh, anh sẽ không bơi được, anh sẽ phải cùng chết với bọn người kia mà chẳng ích gì cho họ.

– Anh Tư ơi, lại đây với em, kìa các người này sao lại bấu lấy anh Tư tôi thế.

Trong lúc bình thường, ai nghe cái tiếng dụi dàng cầu khẩn kia cũng phải cảm động, nhưng cái phút này không phải là cái phút của tình cảm, cái phút này là cái phút của bản năng chiến đấu với cái chết, chống chọi với cái chết. Có lẽ đến những lúc này bản-tính của loài người mới biểu-lộ ra hết. Trong cái phút này ai cũng chỉ cầu sống, muốn sống mà chẳng nghĩ đến sự sống của kẻ khác.

– Anh Tư ơi, mau lên, tàu chìm đến nơi rồi.

Anh Tư biết nếu chậm trễ thì anh sẽ phải chết, Thu cũng phải chết mà bọn người kia cũng phải chết. Anh biết anh không thể không tàn nhẫn được, anh bèn dùng hết sức mạnh vùng một cái rồi chân đá tay đâm luôn một hồi, mấy người ngã. Anh liền nhẩy choàng ra, bế xốc lấy Thu rồi ù té chạy. Bọn người đuổi theo...

Cái cảnh tàu đắm đã là não nùng ai oán, nhưng cái quang cảnh bọn người kia đuổi nhau để cầu sống mới lại càng não nùng ai oán hơn. Anh Tư ôm Thu cố chạy... Bọn người cố đuổi... Thấy cánh cửa ở buồng người cầm lái mở, anh vội chạy vào rồi mau tay đóng sập lại, bọn người thấy cái hy vọng cuối cùng của họ biến đi, họ kêu gào rất thảm thiết, họ đâm cửa ầm ầm...

– Cô đứng đấy, chờ tôi!

Anh Tư chỉ nói có thể. Rồi nhanh như chớp anh chạy ra phía cửa đằng kia leo lên nóc tàu vì lúc tàu đỗ bến Bạc Préal anh đã nhận thấy một dây phao đèn ở trên ấy..

Hai người nhảy tùm xuống nước ...

Gió thổi... Tiếng người kêu khóc, tiếng còi cấp cứu, tiếng sóng vỗ... Rồi chỉ còn tiếng sóng vỗ cùng gió thổi. Làn nước biển mở ra rồi khép lại. Cái lòng Biển-Hồ man mác kia đã cuốn hút bao nhiêu vật rồi.

*

Dưới vòm trời tối om như mực, trên làn nước đen sì, anh Tư và Thu bám chặt lấy chiếc phao mà bơi. Con sóng vô tình cứ nhô lên tụt xuống

Sự chuyển vận của vũ trụ thì vô hạn, sức con người chỉ có chừng.

– Anh Tư ơi, tôi mệt lắm rồi, không bơi được nữa đâu.

– Có phải cô mệt thì cô cứ ôm chặt lấy chiếc phao đừng bơi nữa, để một mình tôi.

– Bây giờ ta bơi về đâu, có gần bờ không hở anh?

– Giờ tối như thế này, tôi cũng không biết xa hay gần, ở phương nào, nhưng dễ thường ở phía này.

– Anh có chắc không, chứ suốt đêm ở trên mặt nước thế này thì tôi chịu làm sao nổi.

– Không thế thì biết làm thế nào. Ta cứ bơi cầm chừng nếu không đến bờ được thì sáng thế nào cũng có thuyền

đánh cá đến cứu chúng ta.

– Chờ đến sáng thì tôi chết mất, tôi không còn sức đâu, tôi đến chết ở đây thôi.

– Cô đừng nói thế. Cô mà chết thì tôi cùng chẳng sống làm gì. Tôi biết về nói với vợ chồng Tao-Kê Lau-Manh làm sao ? Cô nên nghĩ đến sự đau đớn của ba má cô khi được tin cô chết, cô nên cố lên đừng thất vọng. Con người ta phải có can đảm chiến đấu cho đến phút cuối cùng. Tôi chắc chúng ta cũng không xa bờ mấy vì tàu mới bắt đầu chạy ra Biển-Hồ độ hai ba giờ mà thôi.

Gió thổi, sóng vỗ hai người cứ bập bênh trên làn nước. Một lúc lâu, Thu lại hỏi anh Tư :

– Sắp đến bờ chưa hở anh ?

– Tối thế này tôi có trông thấy gì đâu.

– Anh Tư ơi, tôi mệt lắm, tôi đuối tay rồi.

– Cô nên cố, cô nên nghĩ đến ba má cô.

– Ba ơi, má ơi, con không được thấy mặt ba má nữa đâu.

– Cô nín đi khóc làm gì vô ích. Khóc thế àu bằng để cái sức ấy giữ gìn lấy thân thể cho hai cụ được thấy mặt. Hai cụ chỉ có một mình cô, cô có mệnh hệ nào thì hai cụ sống làm sao được ?

Lời nói của anh Tư làm cho Thu phấn khởi. Nàng lại bơi.

– Thôi cô mệt lắm rồi đừng bơi nữa, cứ bám chặt lấy chiếc phao, mặc tôi.

– Anh Tư ơi, cái ơn cao dày của anh em lấy gì mà trả được.

– Ổn mấy huệ gì, ta hẵng cố làm sao cho sống đã. Chết chìm ở đây thì Hà Bá lấy hết cả ơn lẫn huệ, còn đâu đến phần tôi.

Thu đương mệt lả cũng phải bật cười.

✱

Đất ! chân đạp vào đất, Thu mừng rú lên. Anh Tư chẳng nói gì.

Trong một đời người dễ mấy lần có những cái mừng như thế.

Đất ! Lúc ấy là sự sống rồi. Được khỏi chết, ai mà không mừng. Thế mà anh Tư cứ điềm nhiên, coi sự sống chết như chẳng có gì là đáng quan tâm. Khi biết chắc là đã đến đất, chắc là thoát chết, Thu sực nghĩ đến cái người đã cứu mình, cái người đã dành cho mình sự sung sướng

lúc này, nàng vội chạy lại ôm chầm lấy anh Tư mà bảo :

– Chúng ta khỏi chết rồi, đất rồi.

– Đất rồi thì ta đi lên, ta về nhà chứ sao ?

Thế rồi anh sẽ nắm áo Thu mà bảo :

– Cô phải cởi quần áo ra vắt nước đi không nhớ cảm thì khốn.

Thu phải kính phục trước cái cử chỉ điềm tĩnh ấy. Gặp gian nguy không chút bối rối, sợ hãi, than vãn, được sống sót không một chút mừng lộ ra ngoài, vừa bước chân ra khỏi cửa ông Thần Chết đã nghĩ đến việc sau này ngay, con người ấy phải là một con người sắt, đã từng bao phen chạm trán với cái chết nên ngày nay nó không còn ý nghĩa gì nữa. Đời là một cuộc chiến đấu, cái khí-phách của kẻ làm trai là phải chiến đấu cho đến giọt

máu cuối cùng chẳng nao lòng về thành bại.

– Anh Tư, anh Tư, anh đi đâu, anh làm gì đấy?

– Tôi ở đây mà, cô không cởi quần áo ra vắt cho ráo nước đi. Bây giờ mới gần sáng thôi, ta còn phải ngồi ở đây chờ sáng, chứ đêm tối thế này biết đi đâu.

Thu người đã mệt lử, cố gượng cởi quần áo ra vắt, xa xa nghe tiếng cành cây kêu răng rắc.

– Anh Tư làm gì ở đây lâu thế?

– Tôi bẻ ít cành lá cho cô nằm. Chỗ này tôi chắc là chưa đến đất liền đâu, có lẽ chỉ là một cái cù lao giữa Biển–Hồ thôi. Mai, chúng mình còn phải ở đây lâu, đợi thuyền.

– Chưa đến đất liền ư anh?

– Đắt liền đầu đến chóng thể được, chung quanh Biển-Hồ mùa này ngập nước cả. Thôi cô lại đây mà nằm.

Thu lại, trần truồng lại, nắm quần áo ướt còn cầm ở tay. Nhưng lúc ấy chẳng phải là lúc nghĩ đến những điều then thò nhỏ nhặt. Phải vào cái cảnh ngộ như Thu mới biết ở đời có lúc ta không còn thì giờ nghĩ đến những sự ấy.

– Trời ơi, quần áo cô vất còn đây những nước.

– Anh vất dùm tôi, tôi mệt, yếu tay quá. Thế anh nằm đâu ?

– Được cô mệt cứ nằm đi, mặc tôi. Tôi phải thức chứ, đêm tối, nhớ ra thì khốn.

– Ở đây còn có cái gì mà sợ.

– Con người ta lúc nào cũng phải phòng sự bất trắc, thứ nhất là cho cô.

Thu đối với anh Tư đã đeo một cái ân nặng, và cái bản lĩnh của anh đã khiến cho phải kính phục, nay lại thấy những cách đối xử tử tế thế, tài nào nàng chẳng cảm động, nàng vội ôm chầm lấy anh mà hão :

– Anh Tư ơi, em sống đến ngày nay là nhờ anh. Em sống thì là vợ anh...

– Cô chỉ nói đại, cô quên rằng tôi là một tên bạn biển rồi sao? Cô ngồi xuống đây cho đỡ mệt.

– Em không quên đâu, em vẫn bảo với anh con người ta quý là ở cái bản-lĩnh của mình, chứ có phải là ở những cái bề ngoài đó đâu. Nếu anh mà không bằng lòng như thế thì xin anh để cho em chết ở đây.

– Bằng lòng thế nào, cô cứ nói lời thôi mãi, ngồi xuống cho đỡ mệt, đàn muỗi nó kéo đến đây này. Để tôi lấy cành lá xua cho cô ngủ.

– Thôi thế thì em không sống làm gì. Sống mà xa anh thì thà rằng chết.

Thu vùng chạy đi. Anh Tư nắm lại không kịp anh chạy theo... Đêm tối biết Thu chạy đằng nào?

– Em Thu, lại anh bảo đã.

Không giả nhời.

– Em lại đây không nhớ gặp hùm beo, cá sấu thì khốn.

Anh Tư la to lên như thế để Thu sợ phải chạy lại, nhưng cũng không thấy giả nhời. Anh Tư sợ hãi hét lên:

– Em Thu, em Thu.

Giọng thiết tha đầy những lời hứa nồng nàn.

Vẫn im lặng. Anh Tư đi lang thang, lắng tai nghe.

Tiếng khóc thấm tức ở đằng mé Biển-Hồ. Anh Tư vội rào bước đến.

Lúc ấy đã gần rạng đông, trông đã hơi rõ. Anh thấy Thu ôm đầu khóc ở dưới gốc cây, gần mặt nước.

– Sao em Thu lại thế.

Thu không giả nhời chỉ khóc.

– Em nín đi để anh nói cho em nghe. Anh là một kẻ tội tù ở xứ Bắc trốn vào đây, anh không thể đem cái đời khổ khổ của anh mà làm hại một đời an nhàn sung sướng của em được. Biết đâu chốc nữa người sen đầm vẫn rình mò tìm kiếm anh kia chẳng lại xích tay mà đưa đi, em nên biết...

– Em chẳng biết gì hết. Em chỉ biết anh không thương đến em thì em không muốn sống nữa. Anh ơi, sống mà không được gần anh thì sống làm chi cho thêm khổ.

Nàng lại khóc to lên anh Tư lại gần nắm tay bảo :

– Em phải biết em không thể làm vợ một tên tù trốn được ?

– Tội tù mặc, em sẽ đem tiền bạc của em mà vận động cho anh được khỏi tội, mà dù có chẳng được đi chẳng nữa, em cũng rất lấy làm vinh hạnh được làm vợ một kẻ tù tội như anh. Dù anh có mắc tội giết người phải chết chém đi chẳng nữa, em cũng lấy làm sung sướng được làm vợ một kẻ tử tù như anh.

Rồi nàng lấy tay khẽ vuốt ve anh Tư.

Trước cách cử chỉ chung tình ấy, anh

Tư thấy lòng mình hồi hộp cảm động anh liền bế Thu vào lòng mà bảo :

– Anh không ngờ trong bước đường đời khốn đốn, anh lại gặp được một người có tấm lòng quý hóa như em. Cái thân anh ngày nay từ họ hàng cho chí bè bạn ai cũng lẩn trốn, không dám dàn mặt, sợ lụy đến mình. Họ coi anh ghê sợ hơn kẻ cùi hủi, thế mà em chẳng quản gì, em chỉ biết yêu anh, một lòng yêu anh mà chẳng nghĩ gì hậu vận, chẳng sợ làm vợ một đứa tù tội. Anh còn sống ngày nào, anh xin nhớ.

✱

Cái tin tàu Vĩnh Phát bị đắm ở giữa Biển-Hồ làm cho Mi-Hây chết ngất đi.

Cái tin anh Tư được thoát nạn làm cho nàng sống lại.

Trong hai ngày trời, Mi-Hây đã được biết hai cái thái cực của tình cảm: cực đau đớn, cực vui sướng.

Nghe tin anh Tư bị nạn, nàng mới biết cái chết của anh là cái chết của nàng.

Được tin anh Tư thoát nạn, nàng mới hiểu cái sống của anh là cái sống của nàng.

Kẻ kia mà chết đi, thì nàng phải chết, thương mà chết, buồn mà chết.

Lắm kẻ trách đàn bà yêu giai mà chẳng nghĩ gì đến cha mẹ đến danh dự. Phải, họ quên là phải, đến cái thân họ kia, họ còn chẳng tiếc, họ tiếc gì đến ai. Cái danh dự của kẻ tình chung chỉ là làm một kẻ tình chung không hai lòng. Họ sống về sự yêu thương của người yêu, nay cái nguồn yêu thương kia đã chết, cái lẽ sống của họ vì đó mà chết theo, thế

mà ta cố bắt họ phải sống thì có khác chi quân hung–đồ tàn–bạo kia đem kẻ thù, xẻo mũi, cắt tai, chặt chân, chặt tay mà không giết. Sống như thế là một cái sống đau đớn, ai oán kinh khủng gấp mười cái chết.

Nước Mỹ có văn minh là ở chỗ tìm kiếm những cách làm cho kẻ tử tù được chết một cách không đau đớn.

Người ta đã viện ra bao nhiêu lẽ bắt những kẻ thất vọng vì tình phải sống. Khéo khéo đem xây lâu đài trên vũng bùn, căn cứ vào đâu ?

Sống mà thấy trái tim mình đã dập nát cứ dần dần khô cạn đi, héo hắt đi, ôi cái hình ảnh mới ghê gớm ! Đó là cái hình ảnh ghê gớm của một cái chết chậm chạp, ai oán, náo nùng của một kẻ khốn khổ đã bị kẻ thù đem khoét mũi, xẻo tai, chặt chân tay lại còn đem tắm bổ thuốc

thang cho.

Sống thêm một ngày nào là kéo dài cái chết ghê gớm kia ra một ngày ấy.

Mi-Hây đang ngắc ngoải thì cái giầy thép ở Dũng-Sa-Năng đánh về làm cho nàng sống lại. Nàng rú lên một tiếng mừng cũng như Thu lúc được thấy đất.

Con tàu Paul Blanchet mới áp mạn, bọn thủy thủ vừa mới bắc cầu xong thì đã thấy một cô con gái xinh tươi, mặc áo cà-puong²² du bọn họ ra mà sấn xuống.

– Anh Tư!

– Em Hây!

Mi-Hây chạy lại ôm chầm lấy anh Tư, gục đầu vào vai anh, khóc nức nở chẳng nói một tiếng gì. Lúc ấy nàng đã quên hết, quên rằng em Thu nàng đứng

²² Một thứ áo cũng như áo dài ta nhưng khâu kín tà như áo đầm. Đàn bà Khách lai ở Cao-mên thường mặc.

đó, quên rằng bọn hành khách đang xúm xít nhìn nàng, nàng chỉ biết người yêu của nàng đã sống sót về đây. Nàng chẳng trông thấy chi hết, nàng chỉ thấy anh Tư yêu quý của nàng mà thôi.

Khi cái ái tình tuyệt đối của một cô gái ngây thơ nó đã phát lộ ra thì không còn có một cái trở lực nào ngăn cản nổi. Cái sức mạnh của nó là chỗ không toan tính. Giàu nghèo, sang hèn, xấu đẹp, tập quán, dư luận, quá khứ, tương lai, mọi cái đều không có giá trị gì nữa. Yêu là tất cả.

✱

Người ta có thể san sẻ một khối tình được không? Ái tình có thể bắt ta hy sinh, chứ không bao giờ dung thứ sự san sẻ. Nếu vì cái hạnh phúc của người yêu, ta

có thể hy sinh tính mệnh, tài sản, danh dự cho đến khối tình ta được, nhưng đứng nhìn người yêu đem tấm lòng âu yếm ta đi âu yếm một kẻ khác thì là một điều trên cái sức mạnh của ta.

Anh Tư đứng vào cái địa vị rất khốn khổ là thấy hai người yêu anh đau đớn vì mình mà tự mình không còn cách gì chữa những vết thương kia được.

Hai người cũng đem một tấm lòng trong sạch yêu anh, dẫu cảnh ngộ, trường hợp có khác, nhưng hai ngọn lửa lòng kia đều đã bốc lên cội tuyệt đích của ái tình. Xưa nay anh đã trải bao nhiêu nỗi gian nan mà lòng anh chẳng hề nao núng, ngày nay anh thấy anh phải mềm lòng trước sự đau thương của hai trái tim ngây thơ kia.

Cái phút đau đớn nhất trong đời anh có lẽ là cái phút nào nùng mà Mi-Hây

biết anh đã đính ước cùng Thu vậy. Anh thấy nàng ngất đi mà anh tưởng chừng như trái tim anh đã vỡ ra. Anh trông thấy Thu khóc, anh cũng khóc chẳng biết xử trí ra làm sao.

Anh xét anh không thể bắt hai người phải sống một cái đời nửa sống nửa chết như thế được, không thể để cho hai gia đình phải khốn đốn vì anh được. Biết bao lần Thu khóc lóc bảo anh rằng Thu sẽ chết để cho anh đành lòng mà sum họp với Mi-Hây. Nhưng anh có thể quên Thu được không, anh có thể để như thế được không? Anh là một tên trọng tù người ta đang tìm kiếm, chẳng chóng thì chầy, cái tông tích anh sẽ bại lộ, lúc ấy thì sao? Anh có thể lạm dụng cái không biết của người mà làm một việc đê hèn như thế được không. Anh có thể ngồi nhìn hai bông hoa kia phải héo hắt vì anh được không? Không không. Danh dự anh nó

bảo anh không thể thế được. Anh đã đưa hai người vào một con đường cùng thì bốn phen anh phải tìm cho hai người một lối ra...

*

Một đêm, những cây cối vùng Biển-Hồ đã được trông thấy một thiếu niên vừa đi vừa khóc ở trên con đường độc đạo từ Bac Préa đi Battambang. Chàng vừa đi vừa quay cổ lại nhìn cái trại của Tao-Kê Lau-Manh. Rồi chàng lại khóc. Rồi chàng lại đi. Rồi chàng lại quay cổ lại.

Cái thơ anh Tư để lại làm cho Mi-Hây và Thu chết điếng.

Hai em yêu quý của anh.

Anh là một tên tội tù ở xứ Bắc trốn tránh vào đây. Hai em đã chẳng nề sang hèn rủ lòng thương đến, anh thật cảm

kích không cùng. Nhưng anh xét anh không thể đem cái đời cơ khổ của anh mà làm nhỡ cái đời chứa chan những hi-vọng tốt đẹp của các em được. Nếu hai em có thực yêu anh thì xin quên anh đi. Từ nay phương trời cách biệt, anh dẫu chẳng bao giờ được gặp mặt hai em nữa, nhưng cái hình ảnh yêu quý của hai em lúc nào cũng luôn luôn ở bên mình anh... Sống thì anh xin giữ cho nguyên vẹn ở trong trái tim anh mà chết thì anh đem theo.

Các em ơi, các em quên anh đi, đó là lời cầu khẩn cuối cùng của anh đó, xin các em chớ vì anh mà bỏ phí một đời hạnh phúc.

Trong khi anh lên thác xuống ghềnh lẫn lóc ở nơi chân trời mà được tin hai em sung sướng thế là anh sung sướng rồi.

TU

Thu và Hây xem xong ôm nhau khóc thảm thiết. Anh Tư đi, đem cái lẽ sống của hai người đi. Hai người trước kia không thể cùng gặp nhau trên con đường tình ái thì nay lại gặp nhau ở trên con đường đau thương...

Mà từ đấy, nước non cây cối ở Biển-Hồ đã được nghe tiếng rên rỉ của hai trái tim thất vọng nó dần dần khô héo đi.

